

CHXHCN Việt Nam
Bộ Xây dựng
Sở Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội
Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hà Nội
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

CHXHCN Việt Nam

Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Tổng
hợp Chất thải rắn Đô thị tại Việt Nam

Báo cáo cuối kỳ

Tháng 2 năm 2018

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

Sustainable System Design institute
Kokusai Kogyo Co., LTD.

| |
|--------|
| VT |
| JR |
| 17-026 |

Mục lục

| | | |
|-----|--|----|
| 1. | Tổng quan dự án | 1 |
| 1.1 | Bối cảnh | 1 |
| 1.2 | Tổng quan dự án | 1 |
| 1.3 | Đối tác | 3 |
| 1.4 | Chất thải mục tiêu | 3 |
| 1.5 | Thời gian thực hiện dự án | 4 |
| 1.6 | Cơ cấu quản lý dự án | 4 |
| 2. | Các vấn đề của Việt Nam và các giải pháp cho Việt Nam – Chiến lược của “Dự án Chất thải rắn Việt Nam” | 6 |
| 2.1 | Các bước hoạt động của “Dự án Chất thải rắn Việt Nam” | 6 |
| 2.2 | Cấu trúc vấn đề của Việt Nam và các điểm thuận lợi/bất lợi cần lưu ý trên toàn Châu Á | 6 |
| 2.3 | Các lợi thế và bất lợi của Việt Nam | 8 |
| 2.4 | Những giải pháp và công cụ cần thiết | 8 |
| 2.5 | Các điểm trọng tâm trong tương lai để cải thiện quản lý chất thải rắn | 9 |
| 3. | Tóm tắt các hoạt động của dự án (Đầu ra 1: Năng lực của BXD về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện “Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn” được tăng cường, đặc biệt đối với Quản lý Chất thải rắn đô thị) | 11 |
| 3.1 | Hoạt động 1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết. | 11 |
| 3.2 | Hoạt động 1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp | 17 |
| 3.3 | Hoạt động 1-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị. | 18 |
| 3.4 | Hoạt động 1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của BXD trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương | 20 |
| 3.5 | Hoạt động 1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại. | 20 |
| 3.6 | Hoạt động 1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn. | 21 |
| 3.7 | Hoạt động 1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh. | 22 |

| | | |
|------|---|-----------|
| 3.8 | Hoạt động 1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế. | 22 |
| 3.9 | Hoạt động 1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc. | 27 |
| 3.10 | Hoạt động 1-10. Đề xuất chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn sinh hoạt | 27 |
| 4. | Tóm tắt các hoạt động của dự án (Đầu ra số 2: Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường) | 29 |
| 4.1 | Hoạt động 2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất | 29 |
| 4.2 | Hoạt động 2-2. (Xóa bỏ.) | 31 |
| 4.3 | Hoạt động 2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng | 32 |
| 4.4 | Hoạt động 2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, và thực hiện nghiên cứu khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, đặc biệt cho chất thải rắn đô thị. | 39 |
| 4.5 | Hoạt động 2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, Ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP... | 40 |
| 4.6 | Hoạt động 2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị. | 41 |
| 5. | Tóm tắt các hoạt động dự án (Đầu ra 3: Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với BXD trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua Địa phương thí điểm.) | 44 |
| 5.1 | Hoạt động 3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành | 44 |
| 5.2 | Hoạt động 3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập/điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị, và sẽ được trình lên chính quyền địa phương của tỉnh/thành phố được lựa chọn | 44 |
| 5.3 | Hoạt động 3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị. | 48 |
| 5.4 | Hoạt động 3-4 Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR dựa trên các hoạt động 3-2 và 3-3 | 55 |
| 6. | Tóm tắt các hoạt động dự án (Đầu ra 0: Quản lý dự án) | 56 |

| | | |
|-----|--|-----|
| 6.1 | Hoạt động 0-1. Xây dựng các nội dung truyền thông của dự án | 56 |
| 6.2 | Hoạt động 0-2. Đánh giá năng lực | 56 |
| 6.3 | Hoạt động 0-3. Tổ chức các khóa tập huấn kỹ thuật tại Nhật Bản | 62 |
| 7. | Truyền thông dự án | 67 |
| 8. | Những điểm cần nhắc trong quản lý dự án | 68 |
| 9. | Những kết quả đạt được của mục tiêu dự án | 69 |
| 9.1 | Kết quả đánh giá giữa kỳ | 69 |
| 9.2 | Kết quả của đánh giá cuối kỳ | 74 |
| 10. | Đề xuất để đạt được mục tiêu tổng thể | 80 |
| 11. | Tài liệu liên quan khác | 82 |
| | Phụ lục | 83 |
| | Phụ lục 1. Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung | 85 |
| | Phụ lục 2. Kế hoạch công tác của chuyên gia | 267 |
| | Phụ lục 3. Danh sách thiết bị | 270 |

Các hoạt động và sản phẩm

| Dầu ra | Hoạt động | Hoạt động thành phần | Phụ trương |
|---|--|---|--|
| <p>Năng lực của BXD về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường, đặc biệt đối với việc quản lý chất thải rắn đô thị.</p> | <p>1.1 Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết</p> | <p>1.1.1 Rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến “Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu”</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-1. Rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến Quản lý Chất thải rắn (Báo cáo I) ● Phụ trương 1-2. Rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến Quản lý Chất thải rắn (Báo cáo II: Khía cạnh Tài chính) ● Phụ trương 1-3. Rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến Quản lý Chất thải rắn (Báo cáo III: Khía cạnh Quy hoạch) ● Phụ trương 1-4. Rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến Quản lý Chất thải rắn (Báo cáo IV: Các QCVN/TCVN chính) ● Phụ trương 1-5. Hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý chất thải rắn tại Việt Nam |
| | | <p>1.1.2 Dự thảo điều chỉnh Nghị định số. 59/2007/NĐ-CP</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-6. Báo cáo điều chỉnh nghị định 59 |
| | | <p>1.1.3 Xây dựng dự thảo hướng dẫn phương pháp tính giá dịch vụ xử lý chất thải rắn và góp ý kiến cho dự thảo thông tư do BXD xây dựng</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-7. Đề xuất văn bản pháp luật về giá dịch vụ xử lý chất thải rắn ● Phụ trương 1-8. Tài liệu hướng dẫn về hệ thống tài chính bền vững cho quản lý chất thải rắn |
| | | <p>1.1.4 Xây dựng dự thảo chỉ số tỷ lệ phát sinh chất thải sinh hoạt đô thị; và chỉ tiêu sử dụng đất cho các cơ sở xử lý chất thải rắn</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-9. Đề xuất văn bản pháp luật về tính toán khối lượng chất thải ● Phụ trương 1-10. Báo cáo về diện tích đất cần thiết cho các cơ sở xử lý chất thải rắn |
| | | <p>1.1.5 Xây dựng dự thảo mẫu hợp đồng cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-11. Báo cáo về Xây dựng Mẫu hợp đồng chuẩn với các công ty quản lý chất thải rắn |
| | | <p>1.1.6 Xây dựng dự thảo quy định về quản lý chất thải xây dựng</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-12. Đề xuất văn bản pháp luật về quản lý chất thải xây dựng hiệu quả |
| | | <p>1.1.7 Rà soát và điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch tại QCXDVN01 (Chương 6, quản lý chất thải rắn)</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-13. Báo cáo điều chỉnh QCXDVN01 |
| | <p>1.2 Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.</p> | <p>1.2.1 Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn lựa chọn công nghệ</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-14. Tài liệu hướng dẫn lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp |
| | | <p>1.3 Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị</p> | <p>1.3.1 Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng</p> |
| | | <p>1.3.2 Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch</p> | <ul style="list-style-type: none"> ● Phụ trương 1-16. Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch |

| Đầu ra | Hoạt động | Hoạt động thành phần | Phụ trợ |
|--|--|--|--|
| | | trung hạn/dài hạn phát triển các cơ sở xử lý | trung hạn/dài hạn cho các cơ sở xử lý chất thải rắn |
| | 1.4 Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của BXD trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương | 1.4.1 Xây dựng kế hoạch kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy hoạch, bao gồm các biểu mẫu, thông qua các thí điểm tại Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế (Hoạt động 3.3) 1.4.2 Chuẩn bị báo cáo kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy hoạch tại Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế (do BXD thực hiện) | ● Phụ trợ 1-17. Báo cáo giám sát tiến độ tại thành phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế |
| | 1.5 Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại | 1.5.1 Thu thập dữ liệu chất thải rắn từ 63 địa phương và tổng hợp vào cơ sở dữ liệu 1.5.2 Xây dựng báo cáo tổng hợp dữ liệu từ 63 địa phương | ● Phụ trợ 1-18. Báo cáo về thu thập và giám sát dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt |
| | 1.6 Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hiệp xử lý chất thải rắn | 1.6.1 Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn đầu tư, quản lý và vận hành các cơ sở xử lý chất thải rắn | ● Phụ trợ 1-19. Đề xuất khuyến khích đầu tư trong xây dựng và quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn tại Việt Nam ● Phụ trợ 1-20. Tài liệu hướng dẫn đầu tư xây dựng và quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt |
| | 1.7 Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh (Kết hợp với Hoạt động 1.3) | - | ● Tổng hợp trong Phụ trợ 1-15. |
| | 1.8 Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế | 1.8.1 Xây dựng chương trình “Giao lưu học tập” 1.8.2 Tổ chức chương trình “Giao lưu học tập” sử dụng các tài liệu hướng dẫn 1.8.3 Đề xuất các chương trình cấp chứng chỉ khả thi cho chính quyền địa phương thông qua các thí điểm tại CSS 1.8.4 Tổ chức hội thảo | ● Phụ trợ 1-21. Báo cáo chương trình “Giao lưu học tập” ● Phụ trợ 1-22. Báo cáo đề xuất về chương trình cấp chứng chỉ |
| | 1.9 Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc (Kết hợp với Hoạt động 1-8) | 1.9.1 Tổ chức các buổi thảo luận và hội thảo giữa các chuyên gia (kết hợp với Hoạt động 1.8.2 & 1.8.4) | ● Phụ trợ 1-23. Báo cáo hội thảo (1) ● Phụ trợ 1-24. Báo cáo hội thảo (2) ● Phụ trợ 1-25. Báo cáo hội thảo (3) ● Phụ trợ 1-26. Báo cáo hội thảo (4) ● Phụ trợ 1-27. Báo cáo hội thảo (5) ● Phụ trợ 1-28. Báo cáo các hoạt động của các chuyên gia |
| | 1.10 Dự thảo điều chỉnh Chiến lược quốc gia về QLTHCTR dựa vào việc rà soát trong Hoạt động 1-1, để trình Thủ tướng Chính phủ | - | ● Phụ trợ 1-29. Báo cáo điều chỉnh Quyết định 2149 |
| 2 Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện QLTHCTR được tăng cường | 2.1 Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định | 2.1.1 Rà soát dự án 3R | ● Phụ trợ 2-1. Báo cáo đánh giá dự án 3R |

| Đầu ra | Hoạt động | Hoạt động thành phần | Phụ trợ |
|--------|---|---|--|
| | bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất (Đã xóa bỏ) | - | • - |
| | 2.3 Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn thành phố Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng | 2.3.1 Xây dựng kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 của Quy hoạch Hà Nội cho chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và phân bùn bể tự hoại | • Phụ trợ 2-2. Kế hoạch thực hiện và đề xuất quản lý chất thải rắn tại thành phố Hà Nội |
| | | 2.3.2 Chuẩn bị đề xuất quản lý chất thải sinh hoạt, là một phần của kế hoạch thực hiện, bao gồm các dự án ưu tiên 5 năm | • Phụ trợ 2-3. Báo cáo Tác động của việc áp dụng phân loại tại nguồn và thay đổi trong hệ thống thu gom đến tổng chi phí QLCTR và giảm thiểu chất thải |
| | | 2.3.3 Chuẩn bị đề xuất quản lý chất thải xây dựng, là một phần của kế hoạch thực hiện, bao gồm các dự án ưu tiên 5 năm | • Phụ trợ 2-4. Tài liệu đề xuất quản lý chất thải xây dựng hiệu quả tại thành phố Hà Nội |
| | | 2.3.4 Chuẩn bị đề xuất quản lý phân bùn bể tự hoại, là một phần của kế hoạch thực hiện, bao gồm các dự án ưu tiên 5 năm | • Phụ trợ 2-5. Báo cáo đề xuất quản lý phân bùn bể tự hoại tại thành phố Hà Nội |
| | | 2.3.5 Thực hiện giai đoạn đầu của các dự án ưu tiên 5 năm đối với quản lý chất thải sinh hoạt ((a) Cải thiện thu gom và vận chuyển (b) Giám sát toàn diện việc thực hiện Quy hoạch, (c) Đề xuất các cơ sở xử lý cần thiết, (d) Thành lập "Văn phòng cải tiến quản lý chất thải để tránh khủng hoảng") | • Phụ trợ 2-6. Kế hoạch phát triển các khu xử lý chất thải rắn tại Thành phố Hà Nội • Phụ trợ 2-7. Khung định hướng đề xuất điều chỉnh quyết định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố Hà Nội • Phụ trợ 2-8. Giám sát "Khả năng xảy ra khủng hoảng" |
| | | 2.3.6 Thực hiện giai đoạn đầu của các dự án ưu tiên 5 năm ((a) Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm tái chế từ chất thải xây dựng, (b) Xây dựng, Vận hành và bảo trì nhà máy tái chế, (c) Tận dụng các sản phẩm tái chế tại các công trình xây dựng) | • Phụ trợ 2-9 Đề xuất về Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng tại thành phố Hà Nội • Phụ trợ 2-10. Báo cáo tiến độ về việc xây dựng cơ sở tái chế cho chất thải xây dựng |
| | | 2.3.7 Thực hiện giai đoạn đầu của các dự án ưu tiên 5 năm ((a) Xác định khả năng của nhà máy xử lý Cầu Diễn, (b) Thu gom phân bùn bể tự hoại đến nhà máy xử lý Cầu Diễn, (c) Kế hoạch mở rộng ra toàn thành phố Hà Nội) cho phân bùn bể tự hoại bao gồm cả bùn thải thoát nước | • Phụ trợ 2-11. Thực hiện tăng cường quản lý phân bùn bể tự hoại tại thành phố Hà Nội |
| | 2.4 Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, và thực hiện nghiên cứu khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị | 2.4.1 Lựa chọn địa điểm nghiên cứu tiền khả thi | • Phụ trợ 2-12. Nghiên cứu về Khai thác bền vững khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn |
| | | 2.4.2 Xây dựng dự thảo báo cáo tiền khả thi | |
| | 2.5 Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, Ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP... | 2.5.1 Nghiên cứu về thúc đẩy đầu tư (Kết hợp với Hoạt động.2-4) | • Tổng hợp trong Phụ trợ 2-12 |

| Đầu ra | Hoạt động | Hoạt động thành phần | Phụ trợ |
|---|---|---|--|
| | 2.6 Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị | 2.6.1 Rút ra bài học từ quá trình lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch | • - |
| 3 Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm. | 3.1 Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành | - | • - |
| | 3.2 Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc chuẩn bị lập/sửa đổi Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt cho lĩnh vực quản lý chất thải rắn đô thị. Quy hoạch sẽ được trình lên chính quyền địa phương của tỉnh/ thành phố được lựa chọn | - | <ul style="list-style-type: none"> • Phụ trợ 3-1. Quy hoạch Quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 • Phụ trợ 3-2. Những ghi chú quy hoạch thông qua quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế |
| | 3.3 Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị | 3.3.1 Giám sát định kỳ giai đoạn đầu thực hiện của các dự án ưu tiên về 3R có sự tham gia của cộng đồng ((a) Thúc đẩy sản xuất phân hữu cơ tại cộng đồng, (b) Thúc đẩy các hoạt động 3R thông qua hợp tác với các cơ sở kinh doanh, (c) Thí điểm phân loại chất thải tại nguồn) do tỉnh TTH thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> • Phụ trợ 3-3. Báo cáo tiến độ các dự án ưu tiên • Phụ trợ 3-4. Kế hoạch mở rộng các dự án ưu tiên |
| | | 3.3.2 Giám sát định kỳ giai đoạn đầu thực hiện của các dự án ưu tiên về thúc đẩy quản lý chất thải rắn tổng hợp ((a) Phát triển cơ sở xử lý, (b) Chuyển tro đến nhà máy xi măng, (c) Ban tổng hợp quản lý chất thải, (d) Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy hoạch *) do tỉnh TTH thực hiện | |
| | 3.4 Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR dựa vào hoạt động 3-2 và 3-3 | - | <ul style="list-style-type: none"> • Phụ trợ 3-5. Tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, tập trung vào chất thải rắn sinh hoạt |
| 0 Quản lý dự án | 0.1 Xây dựng dự thảo các nội dung truyền thông của dự án | - | <ul style="list-style-type: none"> • Phụ trợ 0-1. Bản tin số 1 • Phụ trợ 0-2. Bản tin số 2 • Phụ trợ 0-3. Bản tin số 3 • Phụ trợ 0-4. Tổng quan chất thải rắn Việt Nam (Dữ liệu năm 2015) • Phụ trợ 0-5. Tổng quan chất thải rắn Việt Nam (Dữ liệu năm 2016) (Đang xây dựng) • Phụ trợ 0-6. Sổ tay số 1 "Chính sách quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Nhật Bản" • Phụ trợ 0-7. Sổ tay số 2 "Tái chế có sự tham gia của cộng đồng – Một bước cho phân loại tại nguồn" • Phụ trợ 0-8. Sổ tay số 3 "Giới thiệu các tài liệu hướng dẫn về quản lý chất thải rắn" • Phụ trợ 0-9. Giới thiệu "Các văn bản pháp luật chính |

| Đầu ra | Hoạt động | Hoạt động thành phần | Phụ trợ |
|--------|---|----------------------|--|
| | | | về quản lý chất thải rắn tại Việt Nam” ● Phụ trợ 0-10. “Tờ rơi về các vấn đề và thách thức đối với quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam” |
| | 0.2 Hoạt động đánh giá năng lực | - | ● Phụ trợ 0-11. Báo cáo đánh giá năng lực (1) ● Phụ trợ 0-12. Báo cáo đánh giá năng lực (2) |
| | 0.3 Tổ chức các khóa tập huấn để tăng cường các kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ trung ương và địa phương | - | ● Phụ trợ 0-13. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2014 (1) ● Phụ trợ 0-14. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2014 (2) ● Phụ trợ 0-15. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2015 (1) ● Phụ trợ 0-16. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2015 (2) ● Phụ trợ 0-17. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2016 (1) ● Phụ trợ 0-18. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2016 (2) ● Phụ trợ 0-19. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2017 (1) ● Phụ trợ 0-20. Tập huấn tại Nhật Bản năm 2017 (2) |

Các từ viết tắt

| | |
|---------|--|
| ATI | Cục Hạ tầng Kỹ thuật |
| BTNMT | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| BXD | Bộ Xây dựng |
| CSS | Chương trình giao lưu học tập |
| JCC | Ban điều phối chung |
| JET | Đoàn chuyên gia Nhật Bản |
| JICA | Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản |
| LBVMT | Luật Bảo vệ Môi trường (Luật số 55/2014/QH13) |
| LCC | Chi phí vòng đời |
| OVI | Chỉ số đánh giá khách quan (của PDM) |
| PDM | Ma trận thiết kế dự án |
| PFI | Sáng kiến tài chính tư nhân |
| PO | Kế hoạch hoạt động |
| QLCTRĐT | Quản lý Chất thải rắn Đô thị |
| QLTHCTR | Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn |
| SXD | Sở Xây dựng Hà Nội |
| TTH | Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| URENCO | Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội |

1. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1.1 Bối cảnh

Tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (dưới đây gọi là "Việt Nam"), khối lượng chất thải rắn đang tăng lên đáng kể và để tìm được địa điểm cho những bãi chôn lấp mới trong những thành phố lớn là rất khó khăn do tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa ngày càng nhanh. Chất thải rắn thông thường chiếm khoảng 80% tổng lượng chất thải rắn. Dịch vụ thu gom được cung cấp trên toàn quốc vào khoảng 75%. Hầu hết các bãi chôn lấp, từ 70 - 80%, vận hành không đúng cách và thường là bãi chôn lấp mở. Do đó, việc xây dựng các bãi chôn lấp được thiết kế và việc giảm thiểu lượng chất thải bằng các biện pháp phân loại tại nguồn, tái chế và xử lý trung gian là khá cấp bách trong thời điểm hiện tại.

Năm 2007, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn. Nghị định này là văn bản cơ sở và đưa ra định nghĩa và phân loại chất thải rắn cũng như những nguyên tắc cơ bản của quản lý chất thải rắn. Nghị định cũng chỉ ra trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể về chất thải rắn bao gồm việc phát triển các cơ sở liên quan đến QLCTR.

Năm 2009, "Chiến lược Quốc gia về Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn (Quyết định 2149/2009/QĐ-TTg)" đã đưa ra một số mục tiêu như đạt được 85% tỷ lệ thu gom chất thải đô thị đến năm 2015, đạt được 35% tỷ lệ tái sử dụng/tái chế đến năm 2015, và xây dựng quy hoạch tổng thể về quản lý chất thải rắn trong tất cả thành phố. Ngoài ra, trách nhiệm các cơ quan nhà nước liên quan cũng được làm rõ nhằm đạt được mục tiêu hợp tác.

Trong bối cảnh này, Bộ Xây dựng, một trong những cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý chất thải rắn, sẵn sàng thiết lập hệ thống quản lý chất thải rắn ổn định dựa vào sự hiểu biết của người dân, trong đó hệ thống thu gom riêng biệt, cơ sở tái chế và bãi chôn lấp hợp vệ sinh được cân đối với nhau nhằm mục đích giảm thiểu chất thải cân nhắc đến quy mô và đặc điểm của mỗi thành phố. Hơn nữa, Bộ Xây dựng đang có kế hoạch để xây dựng các khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế... Tuy nhiên, bộ hiện nay vẫn chưa thực hiện được những ý định này do thiếu công cụ pháp luật và thể chế cũng như kiến thức kỹ thuật...

Với mục đích giải quyết những vấn đề đã đề cập ở trên, Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn của chính quyền cấp trung ương và cấp địa phương. Từ đó, dự án "Tăng cường Năng lực Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn đô thị tại Việt Nam" đã được quyết định thực hiện dựa vào Biên bản Thảo luận và Biên bản Cuộc họp ký vào ngày 17/06/2013, trong đó Bộ Xây dựng phụ trách chính cùng với những cơ quan Việt Nam liên quan khác, với sự hỗ trợ kỹ thuật của JICA là đơn vị ủy quyền của Nhật Bản phụ trách mảng hợp tác quốc tế.

1.2 Tổng quan dự án

(1) Mục tiêu tổng thể

a) Mục tiêu tổng thể dài hạn (mục tiêu lớn)

- Quản lý tổng hợp chất thải rắn (QLTHCTR) được thiết lập trên toàn Việt Nam theo Chiến lược quốc gia về QLTHCTR.

b) Mục tiêu tổng thể ngắn hạn (5 năm sau khi hoàn thành dự án)

- Hệ thống QLTHCTR đối với chất thải rắn đô thị được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về QLTHCTR.

(2) Mục đích của dự án

- Năng lực quản lý chất thải rắn đô thị (QLCTRĐT) được phát triển một cách tổng thể tại cấp trung ương và cấp địa phương.

(3) Đầu ra

- Đầu ra 1: Năng lực của BXD về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện "Chiến lược quốc gia về QLTHCTR" được tăng cường, đặc biệt đối với QLCTRĐT
- Đầu ra 2: Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường
- Đầu ra 3: Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với BXD trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua Địa phương thí điểm
- Đầu ra 0. Quản lý dự án

(4) Các hoạt động

a) Đầu ra 1. Năng lực của Bộ Xây dựng về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về QLTHCTR được tăng cường, đặc biệt đối với việc QLCTRĐT

- 1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.
- 1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.
- 1-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị.
- 1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của Bộ Xây dựng trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương.
- 1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.
- 1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn.
- 1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh. (Ghi chú: Hoạt động 1-7 kết hợp với Hoạt động 1-3)
- 1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.
- 1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc (Ghi chú: Hoạt động 1-9 kết hợp với Hoạt động 1-8)
- 1-10. Dự thảo điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về QLTHCTR dựa vào kết quả rà soát của Hoạt động 1-1 để trình lên Thủ tướng Chính phủ

b) Đầu ra 2. Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện QLTHCTR được tăng cường

- 2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất.
- 2-2. (Xóa bỏ.)
- 2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.
- 2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị.
- 2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, Ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP... (Hoạt động 2-5 được kết hợp với hoạt động 2-4)
- 2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội đặc biệt đối với QLCTRĐT

c) Đầu ra 3. Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm

- 3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành.
- 3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm.
- 3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với QLCTRĐT
- 3-4. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch Quản lý tổng hợp CTR dựa vào các kinh nghiệm từ Hoạt động 3-2 và 3-3.

d) Đầu ra 0. Quản lý dự án

- 0-1. Xây dựng dự thảo các nội dung truyền thông của dự án
- 0-2. Các hoạt động đánh giá năng lực
- 0-3. Tổ chức các khóa tập huấn tại Nhật Bản

1.3 Đối tác

- Bộ Xây dựng
- Sở Xây dựng, Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội
- Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội
- Tỉnh Thừa Thiên Huế

1.4 Chất thải mục tiêu

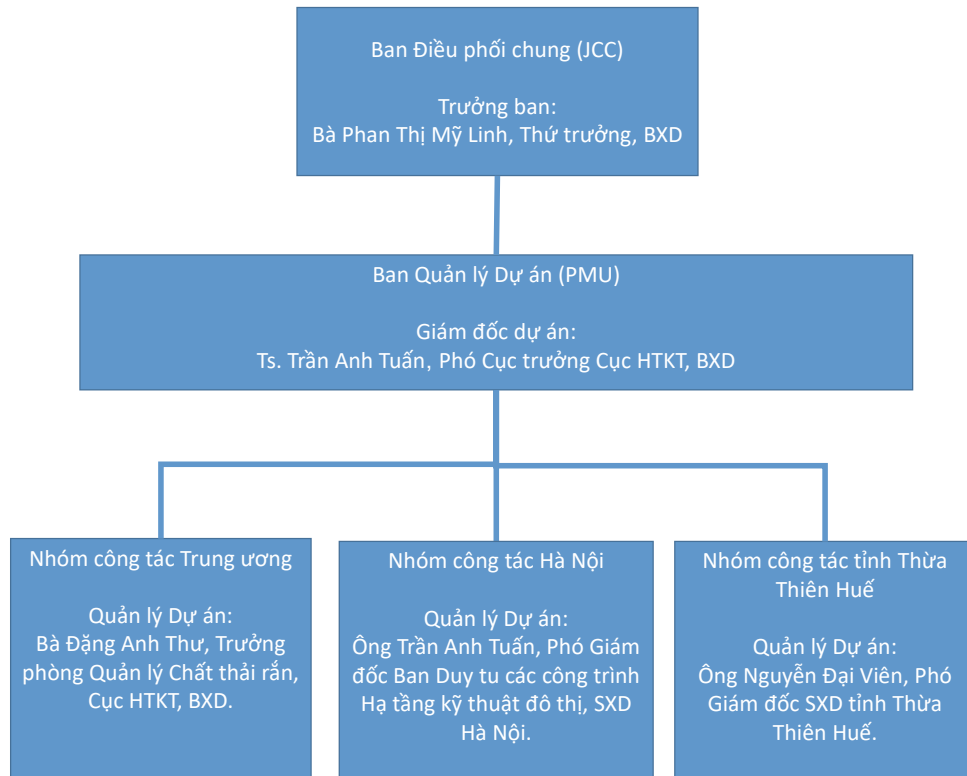
- “Chất thải rắn đô thị” trong dự án này được xác định gồm 1) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), khu vực công cộng (đường phố, công viên...) và các cơ sở thương mại/dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) Chất thải xây dựng và 3) Phân bùn bể tự hoại.
- Mặc dù Đầu ra số 3 của Dự án tập trung “đặc biệt cho chất thải rắn đô thị”, tuy nhiên Quy hoạch quản lý chất thải rắn sẽ bao gồm tất cả các loại chất thải. Các loại chất thải mục tiêu khác ngoài chất thải rắn đô thị sẽ được giải quyết bởi địa phương thí điểm kết hợp với các cơ quan liên quan và JET sẽ cung cấp tư vấn kỹ thuật về vấn đề này.

1.5 Thời gian thực hiện dự án

- Tháng 3/2014 – Tháng 3/2018 (Bốn năm)

1.6 Cơ cấu quản lý dự án

Dự án được thực hiện theo cấu trúc quản lý được thể hiện dưới đây:



Hình 1-1 Cấu trúc quản lý dự án

(1) Ban điều phối chung

a) Các chức năng

- Ban điều phối chung (JCC) họp ít nhất một lần một năm và họp trong trường hợp cần thiết. Các chức năng chính của JCC được trình bày dưới đây:
- Giám sát tiến độ các hoạt động dự án theo Kế hoạch Hoạt động (PO)
- Rà soát và kiểm tra khung dự án theo Ma trận thiết kế dự án (PDM)
- Thảo luận và tư vấn về những vấn đề chính phát sinh trong giai đoạn dự án
- Phê duyệt Kế hoạch Hoạt động Hàng năm

b) Thành viên

i) Trưởng ban

- Bà Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng

ii) Phía Việt Nam

- Đại diện, Cục Hạ tầng Kỹ thuật, Bộ Xây dựng
- Đại diện, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng
- Đại diện Sở Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội
- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hà Nội
- Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị

- Đại diện, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Các thành viên khác được quyết định bởi phía Việt Nam

iii) Phía Nhật Bản

- Cố vấn trưởng của Dự án
- (Các) chuyên gia Nhật Bản khác trong đoàn Dự án
- Trưởng đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam
- Những thành viên khác được đề xuất bởi JICA
- (Các) đại diện của Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam (với tư cách là giám sát viên)

(2) Ban Quản lý Dự án

a) Chức năng

- Điều phối Nhóm công tác
- Quản lý tiến độ của các hoạt động của các nhóm công tác

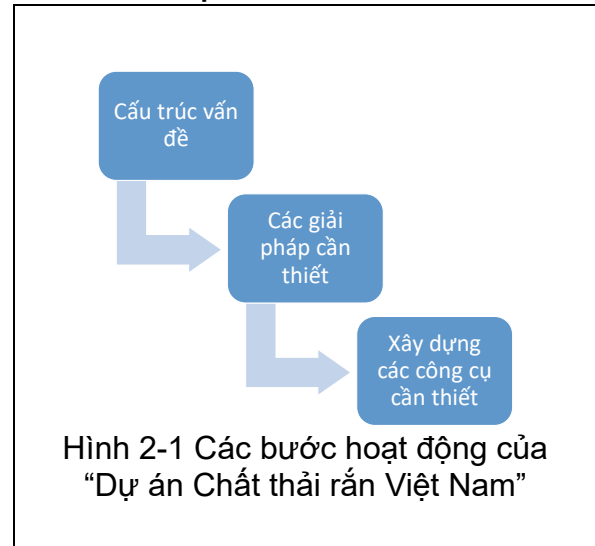
b) Thành viên

- Giám đốc Dự án: TS. Trần Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật, BXD
- Quản lý Dự án 1: Bà Đặng Anh Thư, Trưởng phòng QLCTR, Cục Hạ tầng Kỹ thuật, BXD
- Quản lý Dự án 2: Ông Trần Anh Tuấn, Phó Giám đốc Ban duy tu các Công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị, SXD Hà Nội
- Quản lý Dự án 3: Ông Nguyễn Đại Viên, Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. CÁC VẤN ĐỀ CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM – CHIẾN LƯỢC CỦA “DỰ ÁN CHẤT THẢI RẮN VIỆT NAM”

2.1 Các bước hoạt động của “Dự án Chất thải rắn Việt Nam”

Dự án “Chất thải rắn Việt Nam” (VWP) đã bắt đầu triển khai công việc từ việc xác định cấu trúc vấn đề của Việt Nam. Dựa trên các vấn đề đó, các giải pháp cần thiết được đưa ra thảo luận. Sau đó, xây dựng các công cụ cần thiết bao gồm “Các tài liệu hướng dẫn” để sử dụng cho các tỉnh/thành phố trong “Chương trình giao lưu học tập (CSS)”.



2.2 Cấu trúc vấn đề của Việt Nam và các điểm thuận lợi/bất lợi cần lưu ý trên toàn Châu Á

(1) Hiểu về hiện trạng

Ô nhiễm từ các bãi chôn lấp hiện tại được coi là vấn đề nghiêm trọng tại Việt Nam. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 64/2003/QĐ-TTg (Quyết định này được bổ sung điều chỉnh tại Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg). Quyết định này đã thúc đẩy và nâng cao nhận thức rằng các bãi chôn lấp cần phải được cải thiện, mặc dù một số biện pháp đã được thực hiện chưa đầy đủ do tính cấp bách của vấn đề. Chôn lấp cũng là vấn đề cần cân nhắc do tốc độ chôn lấp chất thải chưa xử lý lớn và các khó khăn gặp phải để nhận được sự đồng thuận của cộng đồng trong việc xây dựng bãi chôn lấp mới.

(2) Các hành động cần thiết hiện tại

Các công nghệ xử lý trung gian như đốt và sản xuất compost được coi là chìa khóa để tránh ô nhiễm tại các bãi chôn lấp. Các công nghệ giúp tăng tuổi thọ của các bãi chôn lấp thông qua việc ổn định chất thải và tỷ lệ giảm thiểu cao. Để giải quyết các vấn đề liên quan đến chất thải rắn cần xây dựng các cơ sở xử lý hiệu quả và vận hành ổn định các cơ sở này.

(3) Điểm mấu chốt cho các hành động cần thiết

Liệu các cơ sở xử lý trung gian có được xây dựng ổn định? Phụ thuộc vào điều kiện của các tỉnh/thành phố, trên thực tế sự cần thiết của các cơ sở xử lý đã được công nhận, tuy nhiên, tiến độ thực hiện vẫn còn chậm.

Tại sao việc phát triển cơ sở xử lý bị chậm? Nguyên nhân được chỉ ra là thiếu các kiến thức về phát triển cơ sở xử lý do không có kinh nghiệm. Thông thường, mong đợi quá nhiều sự đóng góp từ các nhà đầu tư tư nhân và quên đi vai trò và trách nhiệm quan trọng của tỉnh/thành phố - chủ đầu tư dự án. Tin tưởng và dựa hoàn toàn vào các nhà đầu tư tư nhân mà không có sự tham gia đầy đủ từ phía các tỉnh/thành phố là vấn đề nghiêm trọng.

Thiếu hụt về tài chính thường được coi là một trong những nguyên nhân khiến cho việc xây dựng cơ sở xử lý không thể tiến hành. Trên thực tế, chi phí QLCTR sẽ tăng do xử lý trung gian.

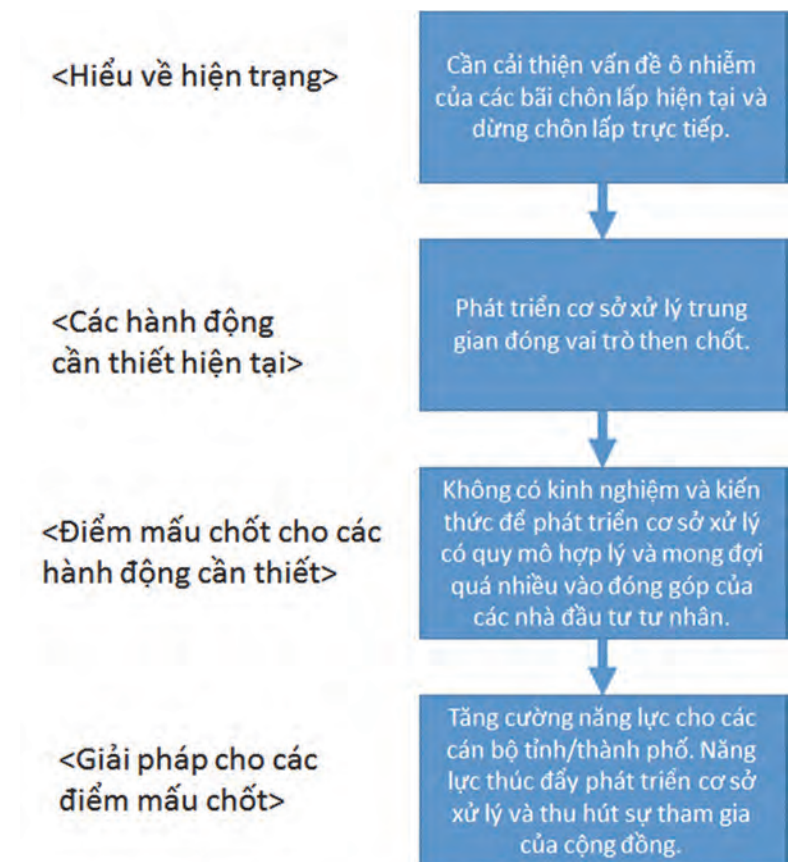
Tuy nhiên, phần tăng chi phí này đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện môi trường. Nếu cải thiện môi trường được lựa chọn là một trong những lựa chọn chính sách, thiếu hụt về tài chính phải được cân nhắc là vấn đề phân bổ ngân sách.

(4) Giải pháp cho các điểm mấu chốt hiện tại

Tăng cường năng lực cho các cán bộ tỉnh/thành phố là chìa khóa để phát triển cơ sở xử lý hiệu quả. Các năng lực cần được phát triển bao gồm các năng lực trực tiếp để phát triển cơ sở xử lý như quy hoạch cơ sở xử lý và quản lý dự án thông qua việc đàm phán với các nhà đầu tư tư nhân, cũng như năng lực thu hút sự tham gia của người dân địa phương và các đơn vị tư nhân. Thu hút sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi cuối cùng trong việc xây dựng cơ sở xử lý là rất quan trọng để phát triển cơ sở xử lý hiệu quả và bền vững.

Người dân là chủ thể đóng vai trò duy nhất trong việc kiểm soát số lượng và chất lượng chất thải trong dòng chất thải. Thu hút sự tham gia của cộng đồng sẽ đưa đến kết quả cuối cùng là nâng cao nhận thức về chất thải và giúp phát triển cơ sở xử lý hiệu quả.

QLCTR thường được hiểu là chuyển chất thải ra khỏi khu dân cư một cách đảm bảo và xử lý chất thải đó một cách phù hợp. Tuy nhiên, QLCTR phải được nhìn nhận dưới quan điểm là động lực cho hạ tầng xã hội để thúc đẩy sự đóng góp chủ động và tích cực từ người dân hướng tới xã hội có nhận thức cao về chất thải thông qua thu hút sự tham gia của cộng đồng. Các đơn vị phụ trách QLCTR đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy cộng đồng sẽ chuyển đổi chức năng cơ bản của mình thông qua tăng cường năng lực toàn diện bao gồm cả năng lực quản lý dữ liệu/tài chính cũng như công bố các thông tin và truyền thông về vấn đề chất thải.



Hình 2-2 Cấu trúc vấn đề của Việt Nam và các giải pháp

2.3 Các lợi thế và bất lợi của Việt Nam

(1) Các lợi thế của Việt Nam

Các điểm dưới đây là các lợi thế của Việt Nam được quan sát và rút ra từ việc thực hiện Dự án. Các lợi thế đặc trưng của Việt Nam có thể được tận dụng để giải quyết các vấn đề QLCTR của Việt Nam.

- Nhận thức về quản lý cộng đồng tồn tại với hệ thống quản trị/lãnh đạo cộng đồng được đảm bảo.
- Tầm quan trọng của việc kiểm soát chất thải bởi chủ thải được công nhận.
- Mong muốn tránh chôn lấp trực tiếp.
- Khối lượng chất thải được đo bởi trạm cân có tại các bãi chôn lấp chính.
- Khuyến khích đầu tư tư nhân vào QLCTR theo chính sách xã hội hóa.

(2) Bất lợi của Việt Nam

Các điểm dưới đây là các bất lợi của Việt Nam khi so sánh với các quốc gia Châu Á khác. Những điểm này phải được cải thiện và hoặc cần có các giải pháp dự phòng.

- Chủ thải quen với việc xả thải vào bất kỳ thời điểm nào trong hệ thống cung cấp dịch vụ quét đường hoặc tại các thùng thu gom cố định. Các phương thức truyền thống này không thể được thay đổi một cách dễ dàng.
- Kiểm soát dòng chất thải trong toàn tỉnh gặp khó khăn bởi vì trên thực tế các trách nhiệm chính về QLCTR thuộc về chính quyền tỉnh nhưng một số huyện vẫn cung cấp dịch vụ QLCTR trong địa bàn của mình do khoảng cách đến các chủ thải nhỏ hơn.
- Dữ liệu QLCTR không được quản lý tốt, do đó việc tận dụng dữ liệu không dễ dàng.

2.4 Những giải pháp và công cụ cần thiết

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, Dự án Chất thải rắn Việt Nam xây dựng các công cụ chi ra trong bảng dưới đây.

Bảng 2-1 Các giải pháp và công cụ cần thiết

| Phân loại | Các giải pháp cần thiết | Các công cụ cần thiết để thực hiện giải pháp | Số Phụ trương |
|--------------------------------|---|--|--------------------------------------|
| Chính sách cơ bản cấp quốc gia | Khung chính sách nhằm hỗ trợ các Tỉnh/Thành phố cần phải được xây dựng nhất quán với nghị định mới Số 38/2015/NĐ-CP | Đề xuất "Nghị định về quy hoạch, phát triển và quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn" để thay thế Nghị định số 59/2007/NĐ-CP nhất quán với Nghị định số 38/2015/NĐ-CP. | Phụ trương 1-6 |
| | Các mục tiêu chính sách bao gồm mục tiêu số quốc gia phải được lập và các mục tiêu quốc gia phải được kiểm soát hàng năm. | Đề xuất quyết định của Thủ tướng chính phủ về "Các mục tiêu và Chiến lược quốc gia về Quản lý chất thải sinh hoạt" bao gồm các chính sách hỗ trợ cơ bản và các mục tiêu định lượng quốc gia. | Phụ trương 1-29 |
| | Hệ thống thống kê về việc quản lý chất thải rắn là cần thiết. | Tổng hợp kết quả thu thập được từ biểu mẫu cơ sở dữ liệu thống kê đã được xây dựng và đã biên soạn cuốn "Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam" để xuất bản. | Phụ trương 1-18 Phụ trương 0-4, 5 |
| Dữ liệu cơ sở | Lượng chất thải sinh hoạt được thu gom là số liệu chính, nhưng số liệu này không được kiểm soát cẩn thận bởi Thành phố/Tỉnh, mặc dù số liệu cầu cần là sẵn có ở nhiều địa phương. | Thông tư "Hướng dẫn Nguyên tắc và Phương pháp tính toán lượng chất thải" bao gồm đề xuất cách kiểm soát lượng chất thải. | Phụ trương 1-9 |

| Phân loại | Các giải pháp cần thiết | Các công cụ cần thiết để thực hiện giải pháp | Số Phụ trương |
|---------------------|--|--|--------------------|
| Quy hoạch | Biết cách thức lập quy hoạch quản lý chất thải rắn là cần thiết. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch. | Phụ trương 3-5 |
| | Biết cách thức lập kế hoạch các cơ sở xử lý tại giai đoạn lập quy hoạch là cần thiết. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch trung hạn/dài hạn phát triển các cơ sở xử lý. | Phụ trương 1-16 |
| | Biết cách thức lập kế hoạch xây dựng là cần thiết trong việc thúc đẩy xây dựng cơ sở xử lý. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn quy hoạch xây dựng. | Phụ trương 1-15 |
| | Biết cách lựa chọn công nghệ phải được đúc rút trong các Tỉnh/Thành phố, vì các công nghệ xử lý phù hợp thường không được lựa chọn bởi Tỉnh/Thành phố. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn lựa chọn công nghệ. | Phụ trương 1-14 |
| | Xem xét việc làm thế nào để chọn, hướng dẫn và phối hợp với các nhà đầu tư tiềm năng. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành các cơ sở xử lý. | Phụ trương 1-20 |
| Tài chính | Rất quan trọng để đạt được mục tiêu xử lý và quản lý tài chính bền vững. Vì vậy, phí xử lý trả cho các cơ sở xử lý phải được tính toán cẩn thận. | Xây dựng Tài liệu hướng dẫn tính toán giá dịch vụ. | Phụ trương 1-8 |
| Tập huấn | Các chương trình tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho các địa phương là rất cần thiết | Đề xuất “Chương trình giao lưu học tập” để tăng cường năng lực cho các địa phương. | Phụ trương 1-21 |
| Nghiên cứu thí điểm | Nghiên cứu thí điểm về sự phát triển cơ sở xử lý hiệu quả. | Xây dựng Nghiên cứu Tiền khả thi và kế hoạch phát triển cơ sở xử lý cho Thành phố Hà Nội | Phụ trương 2-6, 12 |
| | Nghiên cứu thí điểm xây dựng quy hoạch hiệu quả | “Quy hoạch Quản lý chất thải rắn tổng hợp” được xây dựng cho Tỉnh Thừa Thiên Huế. | Phụ trương 3-1 |

2.5 Các điểm trọng tâm trong tương lai để cải thiện quản lý chất thải rắn

(1) Thiết lập và thực hiện thường xuyên hệ thống tăng cường năng lực cho các cán bộ tỉnh

Dự án Chất thải rắn Việt Nam xây dựng sáu “Tài liệu hướng dẫn”.

- Tài liệu hướng dẫn Lập Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn
- Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển trung hạn/dài hạn cơ sở xử lý
- Tài liệu hướng dẫn lựa chọn công nghệ
- Tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng
- Tài liệu hướng dẫn đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt
- Tài liệu hướng dẫn Thiết lập hệ thống quản lý tài chính bền vững

Dự án Chất thải rắn Việt Nam tập trung vào việc xây dựng các tài liệu hướng dẫn được sử dụng để tăng cường năng lực cho các cán bộ địa phương và sử dụng trong “Chương trình giao lưu học tập”. Hoạt động này cần được tiếp tục.

(2) Cải thiện nội dung của quy hoạch và sự cần thiết để xây dựng hướng dẫn quy hoạch

Như đã biết, quy hoạch tại Việt Nam có xu hướng tập trung vào vị trí của cơ sở xử lý. Điều quan trọng là cần cân nhắc việc xây dựng dòng chất thải theo thời gian là nội dung tiêu chuẩn của quy hoạch tại Việt Nam. Điều này cũng được cân nhắc trong quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Dự báo khối lượng chất thải khoa học và hợp lý
- Chiến lược thu hút sự tham gia của cộng đồng để thu hút người dân và các cơ sở kinh doanh

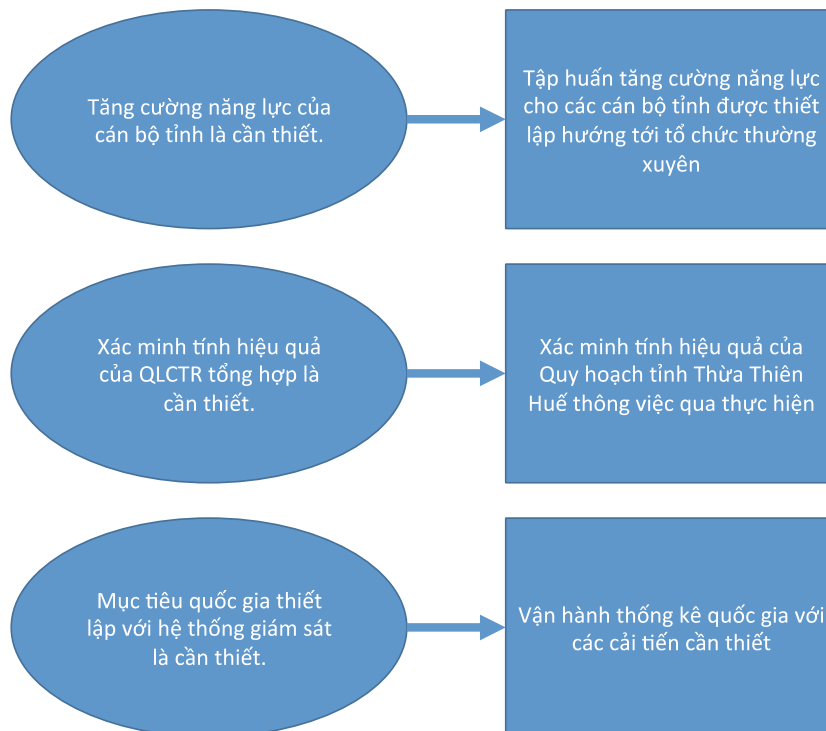
- Xác định được hệ thống thu gom chất thải tối ưu thông qua công cụ mô phỏng hệ thống thu gom chất thải
- Quản lý chất thải theo vùng thông qua việc phát triển các cơ sở xử lý trung gian có quy mô trung bình
- Giảm thiểu chất thải chôn lấp thông qua việc hợp tác với các ngành công nghiệp
- Xây dựng cơ cấu thể chế giữa các cơ quan trong tỉnh và theo ngành dọc với sự tham gia của các địa phương cấp huyện.

Quy hoạch này bao gồm các khía cạnh toàn diện và tổng hợp, trong khi các đặc điểm chung của các quy hoạch hiện tại chỉ tập trung vào vị trí cơ sở xử lý. Quy hoạch được lập cho tỉnh Thừa Thiên Huế được kỳ vọng sẽ sử dụng làm mô hình mẫu.

(3) Vòng tròn chính sách “xây dựng chính sách → thực hiện → giám sát → phản hồi” tại BXD

Thông qua việc kết hợp giữa thiết lập mục tiêu và hệ thống giám sát, vòng tròn chính sách bao gồm cả các chính sách hỗ trợ và thực hiện tại các địa phương để thu hẹp khoảng cách giữa các mục tiêu và hiện trạng cần được thiết lập.

Thiết lập các mục tiêu QLCTR quốc gia và hệ thống giám sát là hạ tầng cơ bản quan trọng nhất để cân nhắc bất kỳ giải pháp hỗ trợ nào từ trung ương tới địa phương. Từ quan điểm này, dự án Chất thải rắn Việt Nam đề xuất điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về QLTHCTR và thiết lập một hệ thống thu thập/tổng hợp/công bố dữ liệu. Các hoạt động quản lý dữ liệu được kỳ vọng sẽ được duy trì.



Hình 2-3 Chiến lược của “Dự án Chất thải rắn Việt Nam”

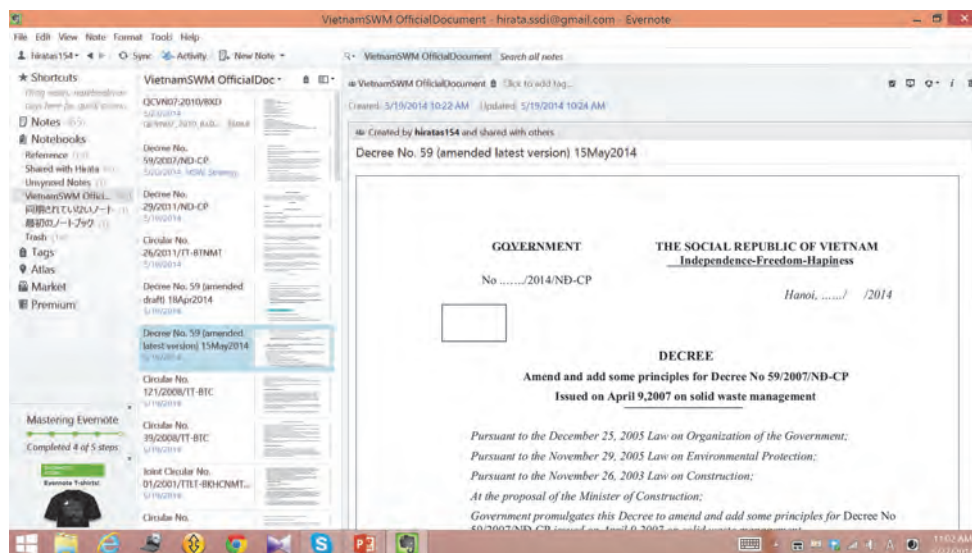
3. TÓM TẮT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN (ĐẦU RA 1: NĂNG LỰC CỦA BXD VỀ QUẢN LÝ, HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH, VÀ HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN “CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN” ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ)

3.1 Hoạt động 1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.

(1) Hoạt động 1-1-1. Rà soát các văn bản pháp luật

a) Dữ liệu cơ sở các văn bản luật

Hiện nay có khoảng 80 văn bản luật liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến QLCTR. Tất cả các văn bản thu thập được tổng hợp vào một cơ sở dữ liệu sử dụng phần mềm “Evernote”.



Hình 3-1 Ứng dụng của cơ sở dữ liệu về các văn bản luật/quy định

b) Phân loại các văn bản luật

Các văn bản luật được phân loại theo các hạng mục sau, và được chia thành ba nhóm. Ba báo cáo nằm trong Phụ trương 1-1, 1-2, 1-3 và 1-4 đã được xây dựng theo từng nhóm.

i) Mục tiêu của Phụ trương 1-1

- Những vấn đề chung/ Chiến lược

ii) Mục tiêu của Phụ trương 1-2

- Phí/ Dịch vụ công cộng
- Đầu tư/ Ưu đãi

iii) Mục tiêu của Phụ trương 1-3

- Quy hoạch
- Đánh giá Môi trường chiến lược/Đánh giá tác động môi trường (ĐMC/ ĐTM)
- Nước thải

- Chất thải y tế/Chất thải nguy hại
- Ô nhiễm/ Xử phạt/ Kiểm soát nhập khẩu

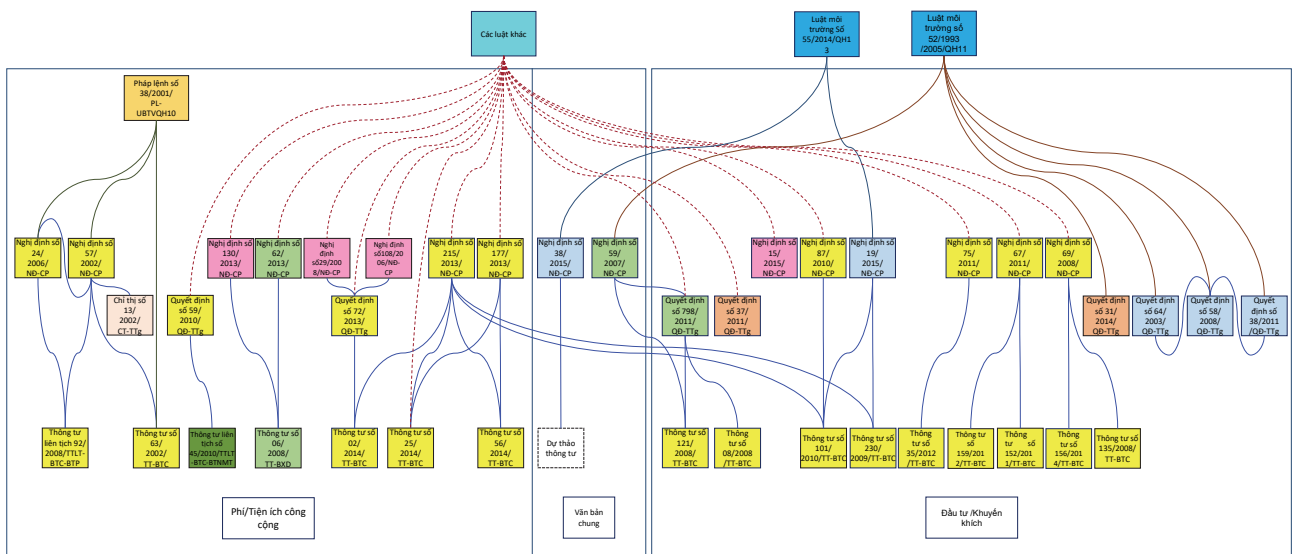
iv) Mục tiêu của Phụ trương 1-4

- Tất cả các QCVN/TCVN liên quan đến quản lý chất thải rắn.

c) Rà soát văn bản pháp luật

Các văn bản luật được liên kết với nhau như trong hình dưới đây. Cấu trúc hình cung cấp thông tin phân nhóm các văn bản luật. Dựa trên việc phân nhóm, các văn bản luật được rà soát.

Các văn bản luật được rà soát theo nhóm, tập trung vào các vấn đề cụ thể trong nhóm. Các vấn đề cụ thể được đưa ra từ hiện trạng mà các Tỉnh/Thành phố đang gặp phải. Các văn bản luật này đã được đánh giá là liệu chúng có góp phần cải thiện tình hình các vấn đề hiện tại của địa phương hay không. Nội dung kết quả rà soát được trình bày trong phần Phụ trương 1-1, 1-2, 1-3 và 1-4.



Hình 3-2 Mối quan hệ của các văn bản luật (ví dụ)

d) Tóm tắt của cấu trúc luật

Hệ thống luật được tóm tắt trong Phụ trương 1-5 để sử dụng thực tế.

(2) Hoạt động 1-1-2. Điều chỉnh Nghị định số 59/2007/NĐ-CP

a) Vai trò của BXD theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP

Nghị định mới số 38/2015/NĐ-CP với tiêu đề “Quản lý chất thải và phế liệu” có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2015 theo “Luật bảo vệ môi trường” sửa đổi (Luật số 55/2014/QH13).

Nghị định cơ bản về Quản lý chất thải rắn này bao gồm nhiều nội dung có tác động đến các chính sách và Dự án của BXD. Vì vậy, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP đã được nghiên cứu.

Nghị định số 38 quy định vai trò của BXD như sau:

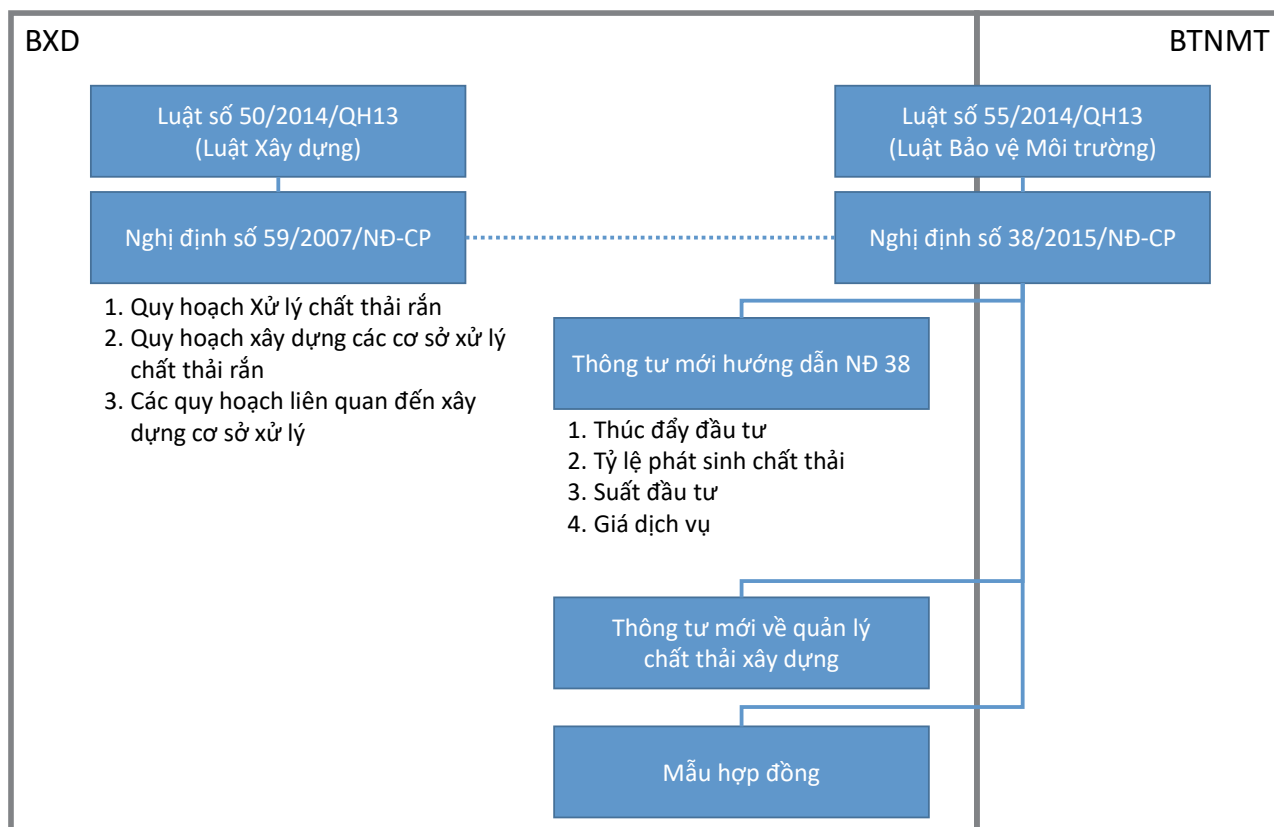
- Chất thải sinh hoạt
 - Thúc đẩy đầu tư
 - Hướng dẫn tỷ lệ chất thải phát sinh
 - Hướng dẫn tỷ lệ đầu tư
 - Hướng dẫn giá dịch vụ
 - Hướng dẫn mẫu hợp đồng chuẩn

- Quy định mới về Quản lý chất thải xây dựng

Một điều liên quan đến việc thi hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP là một số điều trong Nghị định số 59/2007/NĐ-CP vẫn còn hợp lệ theo Nghị định số 38. Những điều này có nội dung liên quan đến các vấn đề sau:

- Vấn đề liên quan đến quy hoạch quản lý chất thải rắn
- Vấn đề liên quan đến việc phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn qua việc quy hoạch xây dựng
- Vấn đề liên quan đến thúc đẩy đầu tư và quản lý cho các cơ sở quản lý chất thải rắn.

Vì vậy, vai trò của BXD là rất quan trọng trong lĩnh vực quản lý chất thải sinh hoạt đặc biệt là sau khi Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ban hành.



Hình 3-3 Vai trò của BXD theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP

b) Đề xuất điều chỉnh Nghị định số 59/2007/NĐ-CP

Đề điều chỉnh Nghị định số 59/2007/NĐ-CP trong tương lai phù hợp với các điều khoản trong Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Dự án chuẩn bị dự thảo nghị định để BXD tham khảo.

i) Các nhược điểm của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP

- Không có định nghĩa rõ ràng về quy hoạch quản lý chất thải rắn
- Nội dung của quy hoạch không đầy đủ như tài chính, thể chế và quản lý quy hoạch
- Các bước lập quy hoạch không rõ ràng
- Không có nội dung về thực hiện quy hoạch
- Không có nội dung về điều chỉnh quy hoạch
- Các bước thúc đẩy đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư không rõ ràng
- Không có nội dung về xây dựng và quản lý vận hành
- Không có nội dung về áp dụng chính sách
- Không phù hợp với các văn bản pháp luật mới ban hành
- Cân nhắc quá nhiều về quy hoạch xử lý chất thải rắn liên tỉnh

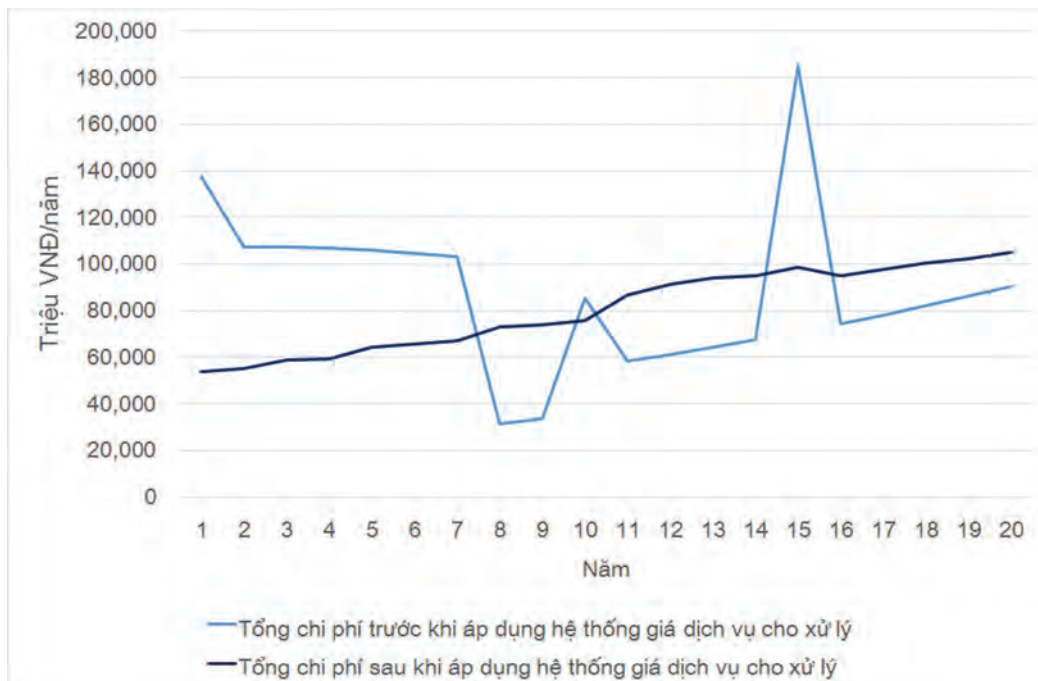
ii) Cấu trúc đề xuất

Nghị định sẽ bao gồm các nội dung cần phải làm trong dự án phát triển một cơ sở xử lý bao gồm:

- Các quy định chung
- Quy hoạch Quản lý chất thải rắn
- Quy hoạch phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn
- Quản lý và vận hành các cơ sở xử lý chất thải rắn
- Xây dựng chính sách và giám sát

(3) Hoạt động 1-1-3. Đề xuất văn bản pháp luật về giá dịch vụ xử lý chất thải rắn

Báo cáo về giá dịch vụ xử lý chất thải kèm với văn bản luật được phát triển. Nội dung chính là hướng dẫn cách đồng nhất biến động chi phí hàng năm, như được trình bày trong Hình 3-4. Đặc biệt, điểm chính là hướng dẫn làm thế nào để cân nhắc các chi phí sửa chữa trong tương lai theo tỷ lệ lạm phát cao.



Hình 3-4 Biến động hàng năm Chi phí Vòng đời và chi phí đồng nhất của một cơ sở xử lý trung gian

(4) Hoạt động 1-1-4. Chỉ số phát sinh chất thải và chỉ tiêu sử dụng đất đối với các cơ sở xử lý

a) Đề xuất về văn bản pháp luật về tính toán khối lượng chất thải

Trong chương 9 của QCVN 07/2010/BXD chỉ rõ các giá trị tiêu chuẩn của lượng chất thải như được trình bày trong bảng dưới đây. Các giá trị này nhìn chung là khá cao.

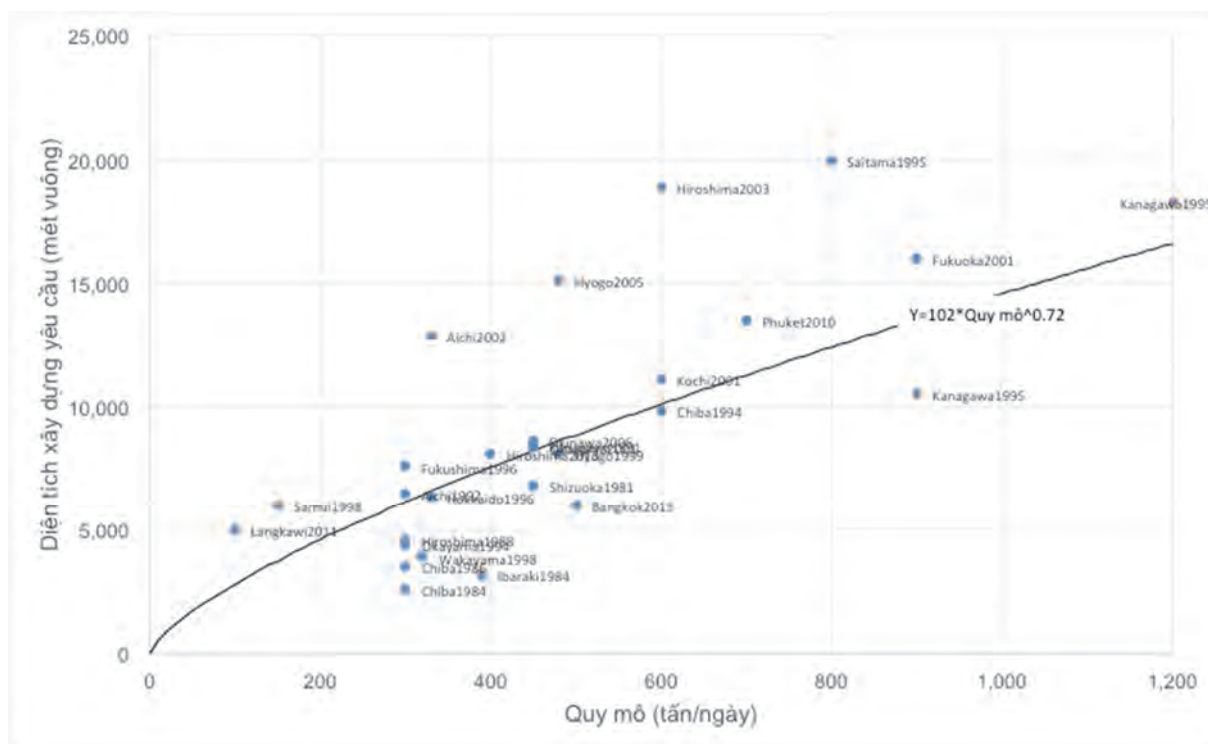
Thực tế, báo cáo này đề xuất việc sử dụng dữ liệu cầu cân cho tính toán lượng chất thải hiện nay. Đối với các tỉnh hoặc huyện mà chưa lắp đặt được cầu cân, đề xuất áp dụng tính toán chuyển đổi từ số lượng các chuyến thu gom vận chuyển kèm theo tỷ trọng khối là 0,3-0,4 tấn/m³. Đề xuất này được mô tả dưới dạng Thông tư.

Bảng 3-1 Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh quy định trong QCVN07/2010/BXD

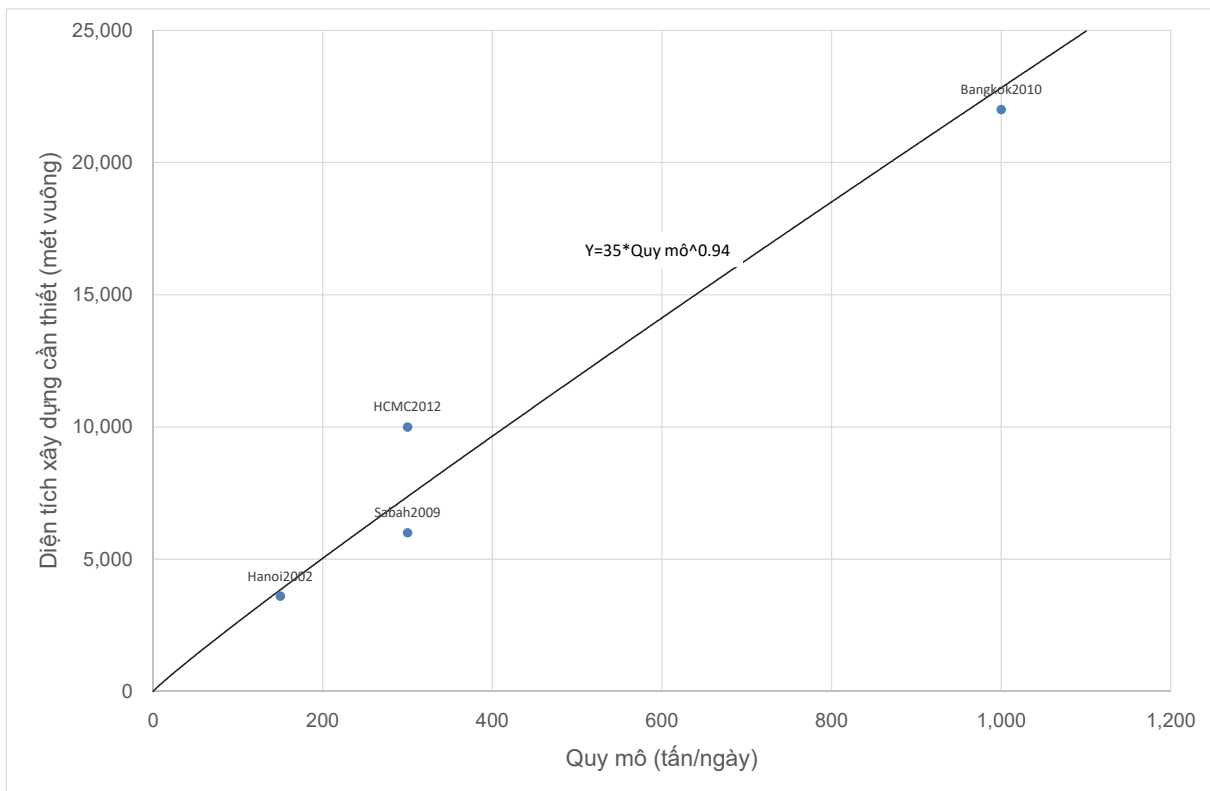
| Loại đô thị | Khối lượng chất thải sinh hoạt (kg/người/ngày) |
|-------------|--|
| Đặc biệt, I | 1,3 |
| II | 1,0 |
| III, IV | 0,9 |
| V | 0,8 |

b) Diện tích đất cần thiết là một chỉ tiêu cho các cơ sở xử lý chất thải rắn

Báo cáo này bao gồm diện tích cần thiết cho các cơ sở đốt và các cơ sở sản xuất phân hữu cơ. Dữ liệu thô được thu thập từ các quốc gia Châu Á và Nhật Bản.



Hình 3-5 Diện tích xây dựng cần thiết cho cơ sở đốt



Hình 3-6 Diện tích xây dựng cần thiết cho cơ sở sản xuất phân compost

Diện tích tiêu chuẩn yêu cầu được trình bày như trong các bảng dưới đây.

Bảng 3-2 Diện tích yêu cầu tiêu chuẩn cho các lò đốt

| | Tối thiểu | Tiêu chuẩn | Tối đa |
|---|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Diện tích xây dựng lò đốt cần thiết (mét vuông) | $72 * \text{Quy mô}^{0.72}$ | $102 * \text{Quy mô}^{0.72}$ | $133 * \text{Quy mô}^{0.72}$ |
| Diện tích đất yêu cầu (mét vuông) | $108 * \text{Quy mô}^{0.72}$ | $179 * \text{Quy mô}^{0.72}$ | $266 * \text{Quy mô}^{0.72}$ |

Ghi chú: Quy mô (tấn/ngày)

Bảng 3-3 Diện tích yêu cầu tiêu chuẩn cho cơ sở sản xuất phân compost

| | Tối thiểu | Tiêu chuẩn | Tối đa |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Diện tích xây dựng cơ sở sản xuất phân compost (mét vuông) | $24 * \text{Quy mô}^{0.94}$ | $35 * \text{Quy mô}^{0.94}$ | $45 * \text{Quy mô}^{0.94}$ |
| Diện tích đất yêu cầu (mét vuông) | $36 * \text{Quy mô}^{0.94}$ | $61 * \text{Quy mô}^{0.94}$ | $90 * \text{Quy mô}^{0.94}$ |

Ghi chú: Quy mô (tấn/ngày)

(5) Hoạt động 1-1-5. Mẫu hợp đồng tiêu chuẩn khi ký hợp đồng với các công ty quản lý chất thải rắn

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP yêu cầu BXD chuẩn bị các hợp đồng chuẩn cho quản lý chất thải rắn. Báo cáo này đề xuất các hợp đồng chuẩn giữa chủ thể được thuê và khối nhà nước (bên thuê) về quản lý chất thải rắn. Có ba loại hợp đồng được đề xuất: 1) thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, 2) xử lý chất thải rắn sinh hoạt và 3) quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Thêm nữa, trong báo cáo tham khảo hợp đồng được sử dụng cho các Dự án PFI (Sáng kiến tài chính tư nhân) ở Nhật Bản theo yêu cầu của BXD.

Các hợp đồng đề cập đến việc làm thế nào để chia sẻ các loại rủi ro khác nhau liên quan đến quản lý chất thải rắn giữa hai bên chủ thể thuê và được thuê.

(6) Hoạt động 1-1-6. Xây dựng văn bản pháp luật mới cho chất thải xây dựng

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP yêu cầu BXD quy định về chất thải rắn xây dựng. Báo cáo này đã giới thiệu về các chính sách chất thải xây dựng của Nhật Bản để giải quyết các vấn đề tồn tại ở Việt Nam liên quan đến chất thải xây dựng.

Nhìn chung, các chính sách mới về quản lý chất thải xây dựng bao gồm cả chủ thể chịu trách nhiệm, vai trò của khối nhà nước và hệ thống cấp phép được đề xuất và soạn thảo như trong cấu trúc của Thông tư.

Hơn nữa, trong báo cáo này đã đề xuất công thức tính toán về lượng chất thải xây dựng thông qua công thức tham khảo được sử dụng tại Nhật Bản.

(7) Hoạt động 1-1-7. Rà soát và điều chỉnh QCXDVN01

Quy chuẩn xây dựng này có nội dung cơ bản bao gồm các định mức về quản lý CTRSH:

- Quy định về lựa chọn địa điểm của các cơ sở xử lý chất thải rắn
- Yêu cầu về công nghệ xử lý chất thải rắn
- Lượng chất thải tiêu chuẩn
- Các yêu cầu về trạm trung chuyển
- Các quy định về khoảng cách an toàn môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn
- Xử lý chất thải rắn nguy hại

Các nội dung của QCXDVN được rà soát và đề xuất cách thức điều chỉnh các định mức trong quy chuẩn.

3.2 Hoạt động 1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp

(1) Hoạt động 1-2-1. Xây dựng sổ tay hướng dẫn lựa chọn công nghệ xử lý

Sổ tay hướng dẫn về lựa chọn công nghệ được xây dựng. Bảng đánh giá công nghệ (Bảng 3-4) được giới thiệu và bao gồm cả phương pháp phân tích chi phí trong sổ tay hướng dẫn này.

Bảng 3-4 Đánh giá công nghệ lò đốt và chế biến phân vi sinh (ví dụ)

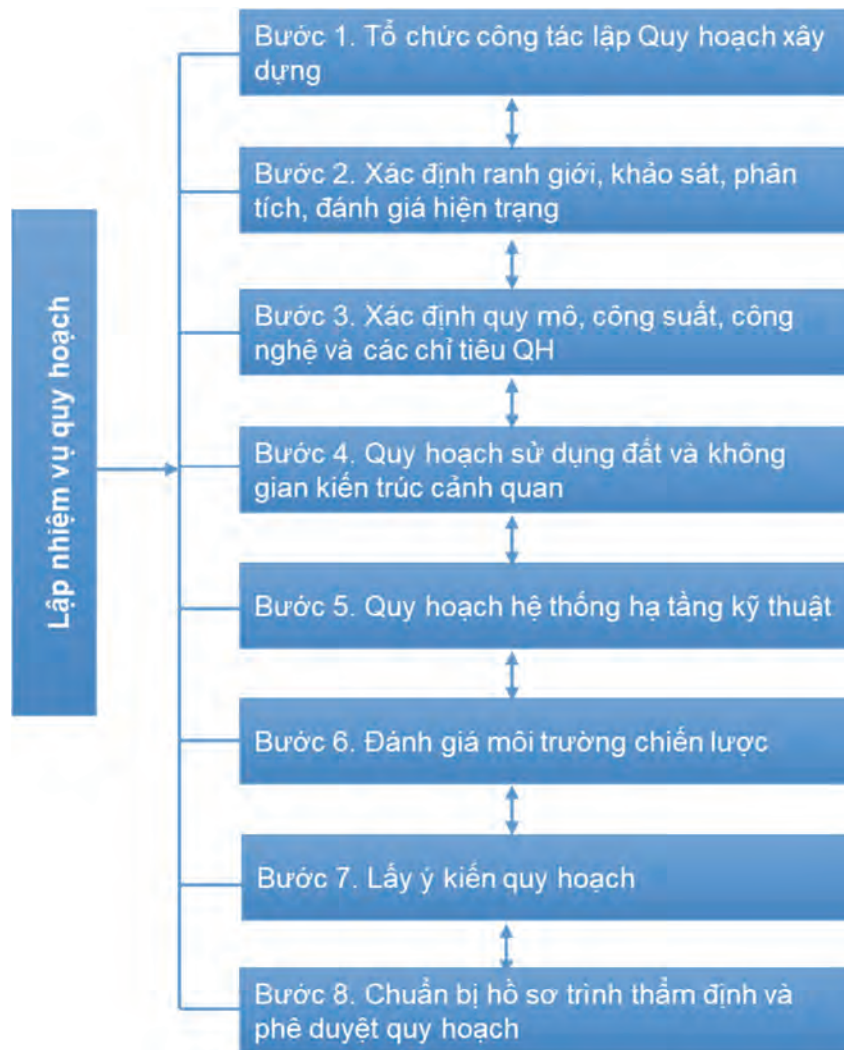
| Các yếu tố để xem xét | Yếu tố phụ | Lò đốt | Chế biến phân vi sinh |
|--------------------------------|--|--|---|
| 1. Tính bền vững của công nghệ | 1-1. Số lượng các cơ sở xử lý cùng quy mô đang tồn tại ở Việt Nam | ● Một số cơ sở xử lý với quy mô công suất tương tự ở Xuân Sơn, Hà Nội. | ● Nhiều cơ sở xử lý với cùng công suất ở Việt Nam ví dụ như Cầu Diễn (Hà Nội), Nam Định và Huế. |
| | 1-2. Số lượng các cơ sở xử lý cùng quy mô đang tồn tại ở các quốc gia Đông Nam Á | ● Một số cơ sở xử lý với cùng công suất ở Phuket (Thái Lan) và Langkawi (Malaysia) | ● Nhiều cơ sở xử lý với cùng công suất ở các quốc gia Châu Á. |
| | 1-3. Số lượng các cơ sở xử lý cùng quy mô đang tồn tại trên thế giới | ● Nhiều cơ sở xử lý bao gồm cả ở Nhật Bản | ● Nhiều cơ sở xử lý đang hoạt động. |
| 2. Sự hoạt động của công nghệ | 2-1. Tỷ lệ tái chế (%) (tỷ lệ các chất tái chế được phục hồi so với lượng chất thải đầu vào) | ● Có khả năng thu hồi nhiệt. | ● Tỷ lệ phân vi sinh được sản xuất ra khoảng 30% |
| | 2-2. Tỷ lệ tồn dư (%) (tỷ lệ tồn dư so với lượng chất thải đầu vào) | ● Khoảng 20% khi áp dụng cho chất thải không phân loại. | ● Khoảng 30% khi áp dụng cho chất thải không phân loại. |

| Các yếu tố để xem xét | Yếu tố phụ | Lò đốt | Chế biến phân vi sinh |
|-----------------------------------|---|---|---|
| | 2-3. Lượng tiêu thụ điện nước và các đầu vào cùng loại trên khối lượng chất thải đầu vào. | <ul style="list-style-type: none"> Hóa chất 70.000VNĐ/tấn Điện 110kWh/tấn | <ul style="list-style-type: none"> Các vật liệu phụ 60.000VNĐ/tấn Đầu vào (nhiên liệu và điện) 80.000VNĐ/tấn |
| | 2-4. Diện tích đất yêu cầu (m ²) | •6.000 m ² | •10.000 m ² |
| | 2-5. Số lượng người vận hành yêu cầu (người) | •17 người | •50 người |
| 3. Sự sẵn có của công nghệ | 3-1. Các loại chất thải phù hợp | <ul style="list-style-type: none"> Về cơ bản là các loại chất thải không chứa thủy ngân (thủy ngân không thể thu gom trong quá trình xử lý vệ sinh khí) Tuy nhiên, sẽ hiệu quả hơn cho việc đốt nếu chỉ có chất thải dễ cháy. | <ul style="list-style-type: none"> Về cơ bản là tất cả các chất thải vì các khâu phân loại cơ học được trang bị cơ bản ở nhà máy. Chất thải chứa thủy ngân sẽ không được chấp nhận bởi nó sẽ gây độc hại cho phân vi sinh được sản xuất ra. |
| | 3-2. Phạm vi công suất thông dụng nhất/ngày | •100-1000 tấn/ngày (200 tấn ngày thuộc phạm vi này.) | •Khoảng 20- tấn/ngày (200 tấn ngày thuộc phạm vi này.) |
| 4. Các tác động môi trường/xã hội | 4-1. Các tác động xã hội/môi trường chủ yếu nhất và các biện pháp giảm thiểu | •Phát thải dioxin phải được ngăn ngừa bằng sử dụng các thiết bị vệ sinh thích hợp và vận hành đúng cách thức. | •Mùi hôi thối và ruồi phải được ngăn ngừa bằng vận hành đúng cách thức. |
| 5. Chi phí xử lý | 5-1. Tổng chi phí xử lý trên một số định mức chất thải đầu vào (chi phí xử lý) | •280 – 640 nghìn VNĐ/tấn | •130 – 430 nghìn VNĐ/tấn |
| | 5-2. Tổng chi phí mà thành phố/ tỉnh phải trả | •18 – 38 tỷ VNĐ/năm | •8 – 25 tỷ VNĐ/năm |

3.3 Hoạt động 1-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị.

(1) Hoạt động 1-3-1. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng

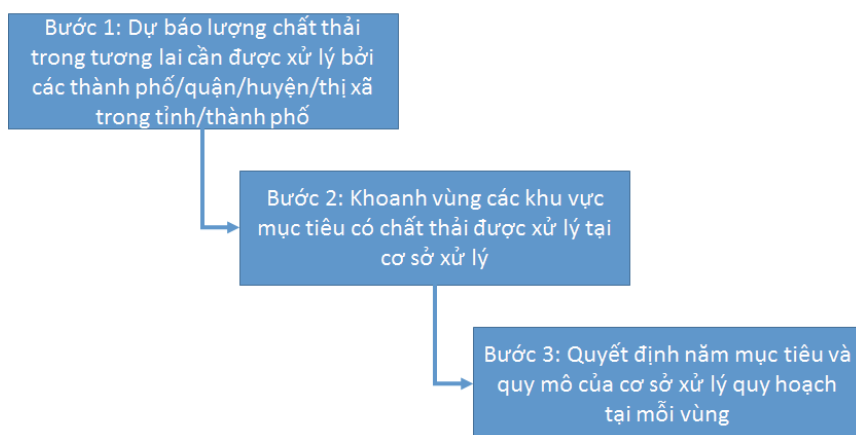
Dự thảo “Hướng dẫn kỹ thuật – Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn” được soạn thảo. Các bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn được trình bày trong hình dưới đây. Trong bản hướng dẫn, nội dung quy hoạch, phương pháp lập quy hoạch theo những điểm cần phải xem xét được giải thích theo các bước.



Hình 3-7 Các bước trong lập quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn

(2) Hoạt động 1-3-2. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch trung hạn/dài hạn cơ sở xử lý

Dự thảo “Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch trung hạn/dài hạn các cơ sở xử lý” được xây dựng nhằm đảm bảo sự phát triển cơ sở xử lý trung hạn và dài hạn. Trong bản tài liệu hướng dẫn này, phương pháp dự báo lượng chất thải tương lai, quy hoạch thành phố/tỉnh mục tiêu và làm thế nào để xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở xử lý được trình bày như hình sau.



Hình 3-8 Các bước lập kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn cơ sở xử lý

3.4 Hoạt động 1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của BXD trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương

(1) Hoạt động 1-4-1. Xây dựng kế hoạch theo dõi và giám sát cho thành phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế

Để theo dõi và giám sát thành phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế, mẫu báo cáo giám sát đã được xây dựng.

(2) Hoạt động 1-4-2. Báo cáo theo dõi và giám sát

Hoạt động giám sát và báo cáo của thành phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ bản được thực hiện ba tháng một lần.

3.5 Hoạt động 1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.

(1) Hoạt động 1-5-1. Thu thập dữ liệu

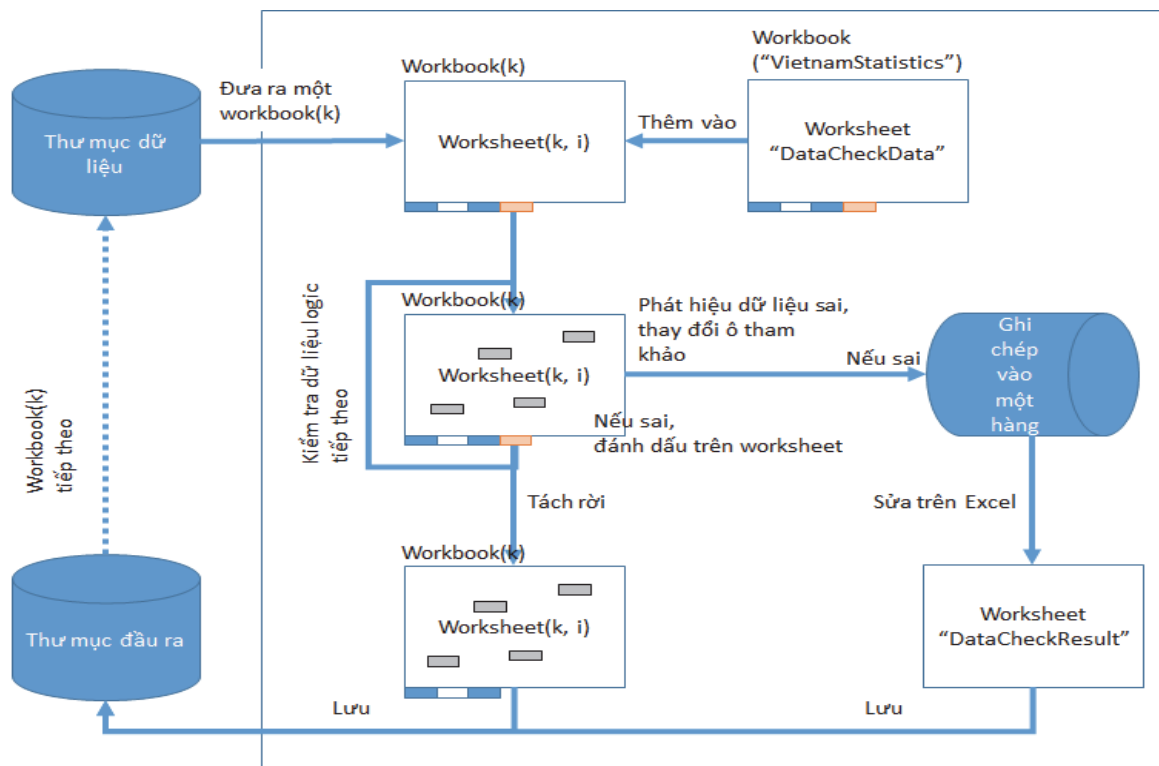
Dữ liệu được thu thập từ tất cả các tỉnh/thành phố ba lần vào năm 2015, 2016 và 2017 thông qua biểu mẫu thu thập dữ liệu. Biểu mẫu được hoàn thiện hàng năm dựa vào kinh nghiệm của năm trước đó.

Các dữ liệu được thu thập theo kế hoạch nêu sau đây.

| Các bước | Tháng 6 | | | Tháng 7 | | | Tháng 8 | | | Tháng 9 | | | Tháng 10 | | | Tháng 11 | | | Tháng 12 | | |
|--|---------|------|------|---------|------|------|---------|------|------|---------|------|------|----------|------|------|----------|------|------|----------|------|------|
| | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối | Đầu | Giữa | Cuối |
| 1. Xây dựng biểu mẫu thu thập dữ liệu | [Đen] | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Công văn gửi các địa phương BXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Thu thập dữ liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Xác nhận số liệu tại các địa phương | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. rà soát dữ liệu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Hình 3-9 Kế hoạch thu thập dữ liệu năm 2016

Đối với việc xây dựng dữ liệu của 63 tỉnh thành từ 63 tập tin dữ liệu, đã phát triển việc sử dụng phần mềm máy tính Microsoft® Visual Studio 2013. Quy trình mẫu được minh họa trong Hình 3-10.



Hình 3-10 Cấu trúc của mô-đun “DataListing” (Liệt kê dữ liệu) trong phần mềm máy tính để xây dựng dữ liệu từ 63 tỉnh thành

(2) Hoạt động 1-5-2. Tổng hợp dữ liệu

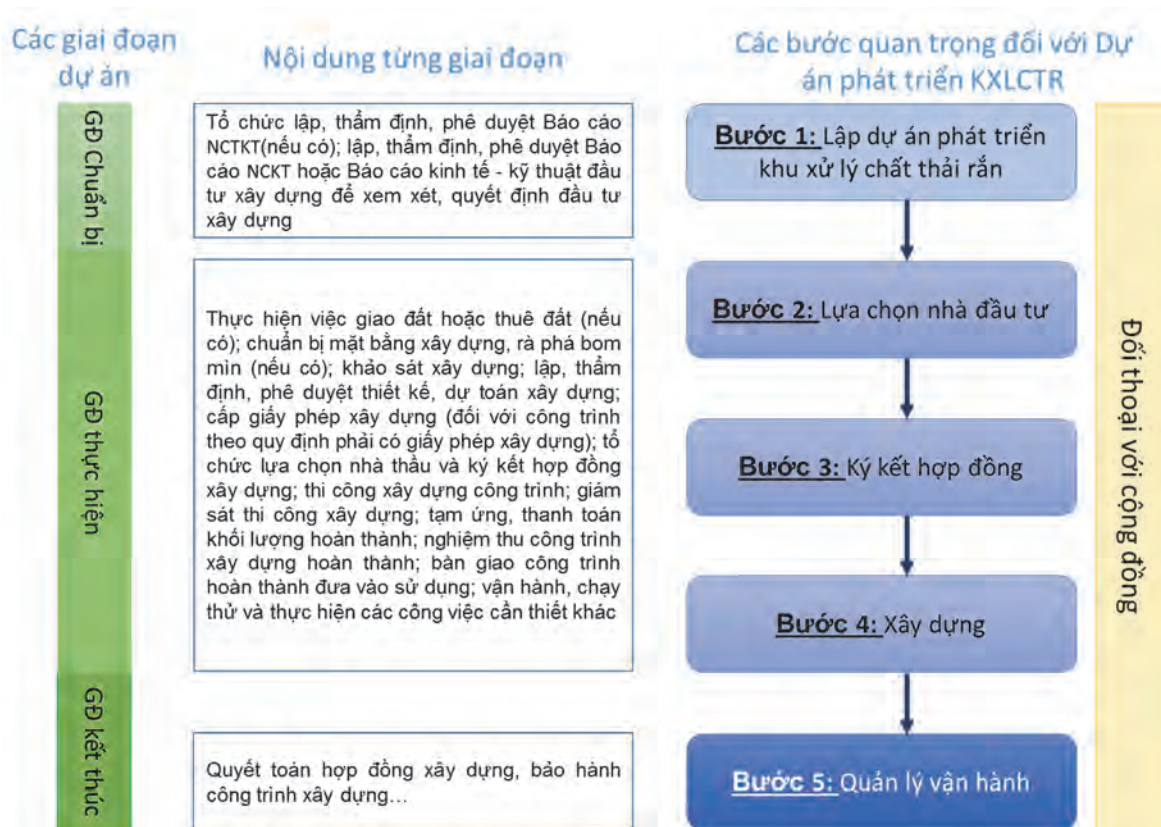
Dữ liệu thu thập được tổng hợp và thể hiện dưới dạng bảng và hình. Một số dữ liệu tổng hợp được soạn thảo trong “Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam” để xuất bản 2 lần vào năm 2016 và 2017. Tài liệu xuất bản năm 2016 và 2017 bao gồm các số liệu năm 2015 và 2016 tương ứng. Nó bao gồm các giá trị trung bình và sự phân bố của 1) chất thải rắn sinh hoạt 2) thu gom chất thải sinh hoạt, 3) các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt 4) dữ liệu tài chính.

3.6 Hoạt động 1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn.

(1) Hoạt động 1-6-1. Xây dựng dự thảo tài liệu hướng dẫn mô hình đầu tư và quản lý vận hành của các khu xử lý chất thải rắn

Tài liệu hướng dẫn này nhằm mục tiêu nêu rõ các lưu ý quan trọng cho các địa phương về việc phát triển các khu xử lý chất thải rắn. Tại Việt Nam, có một thực tế là các địa phương chưa thực sự chủ động trong việc thúc đẩy công tác đầu tư phát triển các khu xử lý chất thải rắn mà thường dựa quá nhiều vào đề xuất của các nhà đầu tư. Thực tế này có thể làm giảm hiệu quả của việc phát triển các khu xử lý chất thải rắn do bất kỳ lý do gì có thể làm trì hoãn quá trình.

Với quan điểm nêu trên đây, ngoài các yêu cầu thủ tục pháp lý trong các bước phát triển khu xử lý chất thải rắn, tài liệu hướng dẫn này nhằm tập trung nhấn mạnh cách thức các địa phương có thể chủ động thực hiện thông qua các cam kết đối với các nhà đầu tư tiềm năng trong từng bước phát triển dự án đầu tư xây dựng cũng như vận hành các khu xử lý chất thải rắn, từ giai đoạn lựa chọn nhà đầu tư tới giai đoạn vận hành khu xử lý như nêu trong hình dưới đây.



Hình 3-11 Các bước phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn

3.7 Hoạt động 1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh.

Hoạt động này được kết hợp với hoạt động 1-3, theo Kế hoạch Hoạt động.

3.8 Hoạt động 1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.

(1) Hoạt động 1-8-1. Xây dựng chương trình “Giao lưu học tập”

a) Mục tiêu của chương trình “Giao lưu học tập” (CSS)

Chương trình “Giao lưu học tập” được tổ chức nhằm mục tiêu chia sẻ các vấn đề và thách thức trong công tác quản lý chất thải rắn giữa các địa phương tham gia và thảo luận về các giải pháp có thể thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề này cùng với tư vấn của các chuyên gia Nhật Bản. Ngoài ra, chương trình cũng là một hoạt động nhằm tăng cường năng lực cho BXD trong việc hướng dẫn cho các địa phương.

Các tài liệu hướng dẫn được xây dựng được gửi tới các đại biểu tham dự để tham khảo cũng như góp ý cho các tài liệu này.

b) Các chương trình CSS

Đã có ba chương trình CSS được tổ chức.

i) Chương trình CSS lần thứ nhất

- Phân nhóm vấn đề cho lập quy hoạch

ii) Chương trình CSS lần thứ hai

- Dự báo khối lượng chất thải
- Quy hoạch cơ sở xử lý
- Xây dựng “Hồ sơ mời thầu” để kêu gọi nhà đầu tư

iii) Chương trình CSS lần thứ ba

- Đánh giá các đề xuất từ các nhà đầu tư
- Xác định giá dịch vụ

(2) Hoạt động 1-8-2. Thực hiện chương trình "Giao lưu học tập"

Các chương trình CSS được thực hiện theo bảng dưới đây.

Bảng 3-5 Các CSS đã được Dự án Chất thải rắn Việt Nam tổ chức

| Địa bàn | Đơn vị | Địa điểm & Thời gian | Chương trình |
|---------------------------------|--|----------------------|---|
| Đông Bắc | <ul style="list-style-type: none"> - Hà Nội (SXD, URENCO) - Hải Dương - Nam Định - Thái Bình - Vĩnh Phúc - Thanh Hóa | 25/10/2017 Hà Nội | <ul style="list-style-type: none"> - Dự báo khối lượng chất thải - Quy hoạch cơ sở xử lý - Xây dựng hồ sơ mời thầu - Đánh giá hồ sơ thầu của các nhà đầu tư |
| | | 26/10/2017 Hà Nội | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định giá dịch vụ - Tham quan cơ sở xử lý |
| Tây Bắc | <ul style="list-style-type: none"> - Điện Biên - Lai Châu - Hòa Bình - Sơn La | 1/12/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm vấn đề - Dự báo khối lượng chất thải - Quy hoạch cơ sở xử lý - Xây dựng hồ sơ mời thầu - Đánh giá hồ sơ thầu của các nhà đầu tư - Xác định giá dịch vụ |
| Khu vực Nam Trung Bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Khánh Hòa - Bình Định - Bình Thuận - Lâm Đồng - Phú Yên - Ninh Thuận | 11/11/2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm vấn đề - Tham quan cơ sở xử lý |
| | | 22/6/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Dự báo khối lượng chất thải - Quy hoạch cơ sở xử lý - Xây dựng hồ sơ mời thầu |
| | | 17/11/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hồ sơ thầu của các nhà đầu tư - Xác định giá dịch vụ |
| Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long | <ul style="list-style-type: none"> - Cần Thơ - Long An - Kiên Giang - Vĩnh Long - Hậu Giang - An Giang | 16/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm vấn đề - Tham quan cơ sở xử lý |
| | | 16/06/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Dự báo khối lượng chất thải - Quy hoạch cơ sở xử lý - Xây dựng hồ sơ mời thầu |
| | | 10/11/2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hồ sơ thầu của các nhà đầu tư - Xác định giá dịch vụ - Tham quan cơ sở xử lý |

Chú thích: Thực hành “phân nhóm vấn đề” không bao gồm trong chương trình của vùng Đông Bắc và Tây Bắc do không đủ thời gian.

(3) Hoạt động 1-8-3. Đề xuất chương trình cấp chứng chỉ cho các địa phương

Chương trình cấp chứng chỉ bắt đầu từ chương trình CSS nhằm tăng cường năng lực của địa phương trong tương lai được đề xuất. Các chương trình tập huấn hiệu quả với bài kiểm tra năng lực hướng tới chương trình cấp chứng chỉ được đề xuất dưới đây dựa vào kinh nghiệm của CSS đã tổ chức.

a) Các khóa

- Khóa 1: Khóa lập quy hoạch quản lý chất thải rắn
- Khóa 2: Khóa quy hoạch các cơ sở xử lý
- Khóa 3: Khóa phát triển các cơ sở xử lý

b) Thời gian cần thiết

- Ba ngày cho mỗi khóa

c) Đối tượng mục tiêu

- Các cán bộ địa phương, ví dụ Giám đốc hoặc Phó giám đốc phụ trách của Sở chuyên ngành quản lý chất thải rắn
- Khoảng 10 người mỗi khóa

d) Các công cụ cần thiết

- 10 máy tính
- Một máy chiếu và màn chiếu
- Một bảng
- Bàn ghế

e) Chương trình tập huấn

i) Khóa Lập quy hoạch quản lý chất thải rắn

Bảng 3-6 Nội dung tập huấn khóa “Lập Quy hoạch quản lý chất thải rắn”

| Ngày | Sáng (8:00-11:30) | Chiều (13:00-17:00) |
|---------------|--|--|
| Ngày thứ nhất | <ul style="list-style-type: none">● Trình bày về tài liệu hướng dẫn● Bài giảng về phân nhóm vấn đề● Thực hành phân nhóm vấn đề | <ul style="list-style-type: none">● Thực hành tính toán và dự báo khối lượng chất thải phát sinh |
| Ngày thứ hai | <ul style="list-style-type: none">● Thực hành thiết lập các lựa chọn hệ thống quản lý chất thải● Thực hành giả định mô hình thu gom | <ul style="list-style-type: none">● Thực hành giả định mô hình dòng chất thải rắn |
| Ngày thứ ba | <ul style="list-style-type: none">● Thực hành tổng hợp Quy hoạch | <ul style="list-style-type: none">● Bài kiểm tra cuối kỳ lấy chứng chỉ |

* Đề xuất tổ chức trong ba ngày liên tục.

Bảng 3-7 Bài kiểm tra cấp chứng chỉ (khóa “Lập quy hoạch quản lý chất thải rắn”)

Hãy viết lại mô tả dưới đây theo cách “phân nhóm”.

Tại địa phương của tôi, khối lượng chất thải một ngày là 600 tấn. Toàn bộ khối lượng chất thải này được chôn lấp tại bãi chôn lấp với công suất là 300.000 m³. Do công suất còn lại rất ít, bãi chôn lấp chỉ có thể sử dụng thêm 5 năm nữa. Địa phương cần phải xây dựng cơ sở xử lý trung gian với công nghệ cao để giảm thiểu khối lượng chất thải phải chôn lấp.

Hãy dự báo khối lượng chất thải trong tương lai đến năm 2030 sử dụng hồi quy tuyến tính dựa vào dữ liệu dưới đây:

| | Số chuyến vận chuyển | Dân số |
|------|----------------------|---------|
| 2010 | 80 chuyến/ngày | 550.000 |
| 2011 | 90 chuyến/ngày | 560.000 |

| | | |
|------|----------------|---------|
| 2012 | 95 chuyến/ngày | 562.000 |
| 2013 | 92 chuyến/ngày | 570.000 |
| 2014 | 99 chuyến/ngày | 572.000 |

Hãy đề xuất ba phương án hệ thống với dòng cân bằng vật chất quản lý chất thải rắn dựa vào các dữ liệu dưới đây, và so sánh các phương án.

Thành phần chất thải mục tiêu

| | |
|--------|-----|
| Hữu cơ | 70% |
| Giấy | 5% |
| Nhựa | 10% |
| Gỗ | 5% |
| Vô cơ | 10% |

ii) Khóa quy hoạch các cơ sở xử lý

Bảng 3-8 Chương trình tập huấn khóa “Quy hoạch các cơ sở xử lý”

| Ngày | Sáng (8:00-11:30) | Chiều (13:00-17:00) |
|---------------|--|--|
| Ngày thứ nhất | <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày về tài liệu hướng dẫn • Bài giảng về một số công nghệ phổ biến để chia sẻ | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành tính toán khối lượng chất thải hiện tại và tương lai |
| Ngày thứ hai | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành xác định thời gian và quy mô cơ sở xử lý cần được phát triển | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành lựa chọn công nghệ |
| Ngày thứ ba | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành về kêu gọi nhà đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> • Bài kiểm tra để cấp chứng chỉ |

* Đề xuất tổ chức trong ba ngày liên tục.

Bảng 3-9 Bài kiểm tra cấp chứng chỉ (khóa “Quy hoạch các cơ sở xử lý”)

Hãy dự báo khối lượng chất thải trong tương lai đến năm 2030 sử dụng hồi quy tuyến tính dựa vào dữ liệu dưới đây:

| | Số chuyến vận chuyển | Dân số |
|------|----------------------|---------|
| 2010 | 80 chuyến/ngày | 550.000 |
| 2011 | 90 chuyến/ngày | 560.000 |
| 2012 | 95 chuyến/ngày | 562.000 |
| 2013 | 92 chuyến/ngày | 570.000 |
| 2014 | 99 chuyến/ngày | 572.000 |

Hãy tính toán thời gian xây dựng và quy mô cơ sở xử lý cần xây dựng để đảm bảo các điều kiện dưới đây:

| | |
|------------------------------------|--------------------------|
| Khối lượng chất thải | trên |
| Công suất còn lại của bãi chôn lấp | 1.000.000 m ³ |

Hãy đề xuất kế hoạch thực tế để xây dựng cơ sở xử lý đề xuất ở trên.

iii) Khóa phát triển các cơ sở xử lý

Bảng 3-10 Chương trình tập huấn khóa “Phát triển các cơ sở xử lý”

| Ngày | Sáng (8:00-11:30) | Chiều (13:00-17:00) |
|---------------|--|--|
| Ngày thứ nhất | <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày về các tài liệu hướng dẫn • Bài giảng về một số công nghệ phổ biến để chia sẻ | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành về xây dựng “Mời thầu” |
| Ngày thứ hai | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành đánh giá “Mời thầu” | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành làm hợp đồng |
| Ngày thứ ba | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành xây dựng “Kế hoạch Vận hành” | <ul style="list-style-type: none"> • Bài kiểm tra để cấp chứng chỉ |

* Đề xuất tổ chức trong 3 ngày liên tục.

Bảng 3-11 Bài kiểm tra cấp chứng chỉ khóa “Phát triển các cơ sở xử lý”

Hãy xây dựng “Tài liệu mời thầu”

Đánh giá các đề xuất dự án.
(Hai đề xuất sẽ được đưa ra.)

f) Các khóa học có thể tổ chức trong tương lai

Phụ thuộc vào điều kiện thực tế vấn đề cần tập trung, các khóa tập huấn với nội dung khác nhau được đề xuất như sau:

- Các khóa học về thu hút sự tham gia của cộng đồng với mục đích giáo dục cộng đồng
- Khóa học về tạo sự đồng thuận của người dân
- Các khóa học về quản lý tài chính
- Khóa học về quản lý dữ liệu

(4) Hoạt động 1-8-4. Tổ chức các hội thảo và/hoặc hội nghị

a) Đưa thông tin tới cộng đồng

Hội thảo được tổ chức năm lần được liệt kê trong bảng dưới đây:

Bảng 3-12 Các hội thảo

| TT | Thời gian | Chủ đề | Số lượng đại biểu |
|----|------------|--|-------------------|
| 1 | 11/08/2014 | Hội thảo chia sẻ các vấn đề về quản lý chất thải rắn | 170 |
| 2 | 14/01/2015 | Xu hướng thế giới về quản lý chất thải rắn và khả năng ứng dụng tại Việt Nam | 147 |
| 3 | 15/01/2016 | Quản lý hiệu quả và phát triển bền vững | 77 |
| 4 | 09/11/2016 | Phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn: cách tiếp cận tổng hợp | 74 |
| 5 | 08/01/2018 | Hội thảo tổng kết và giới thiệu các sản phẩm của Dự án | 80 |

b) Làm việc với các cố vấn

Các cố vấn khoa học được mời từ Nhật Bản. Các hoạt động được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 3-13 Các hoạt động của các chuyên gia khoa học cho Hoạt động 1-9

| STT | Chuyên gia học thuật | Thời gian | Các hoạt động chính |
|-----|----------------------|-----------------|---|
| 1 | TS. Kosuke Kawai | 15/8-20/8, 2014 | - Phân tích thành phần chất thải sinh hoạt được phân loại tại khu thí điểm của Dự án 3R JICA. |
| 2 | GS. Yoshifumi Fujii | 22/8-30/8, 2014 | - Tham quan các khu vực phân loại chất thải tại nguồn, bãi chôn lấp Xuân Sơn, và lò đốt ở Hà Nội. - Trao đổi ý kiến với Giáo sư Nguyễn Thị Kim Thái - Tham quan thực tế các cơ sở xử lý tại tỉnh Thừa Thiên Huế |

| STT | Chuyên gia học thuật | Thời gian | Các hoạt động chính |
|-----|---|--------------------|--|
| | | | - Bài giảng và thảo luận trong cuộc họp với nhóm đối tác tại Hà Nội |
| 3 | Ông Keizo Shimada | 26/10- 30/10, 2014 | - Tham quan thực tế các trạm trung chuyển ở Hà Nội, bãi đổ chất thải Đan Phượng, Khu chôn lấp chất thải xây dựng Nguyên Khê, làng nghề - Trạm xử lý bùn thải thoát nước, khu chôn lấp chất thải xây dựng Vĩnh Quỳnh, Văn Nội, Nguyên Khê. - Công trường xây dựng (trung tâm mua sắm), Công trường phá dỡ (nhà dân), Công trình xây dựng (cầu, đường), Các nhà cung cấp vật liệu xây dựng |
| 4 | GS. Yoshifumi Fujii | 17/8 – 22/8, 2015 | - Tham quan hoạt động Nghiên cứu tiền khả thi Phục hồi bãi chôn lấp và Công nghệ xử lý cơ sinh học - Họp với TS. Liệu ở Đại học Huế về chương trình phân loại chất thải tại nguồn - Họp với Tổ chức phi chính phủ bàn về tính khả thi, ứng dụng công nghệ làm phân compost tại cộng đồng. - Hội thảo về Khả năng ứng dụng chính sách phối hợp tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| 5 | Ông Keizo Shimada | 4/10 – 8/10, 2015 | - Bài trình bày về quản lý chất thải xây dựng ở Nhật Bản với BXD và phía Hà Nội. - Tư vấn cho URENCO Hà Nội cách xử lý bùn thải từ việc xây dựng tàu điện ngầm |
| 6 | GS. Yoshifumi Fujii | 23/8 – 24/8, 2016 | - Tham quan thực địa tại tỉnh Thừa Thiên Huế đối với hoạt động sản xuất phân hữu cơ tại cộng đồng - Bài giảng “Cách thức để thiết kế phân loại chất thải tại nguồn tại Huế” |
| 7 | TS. Masato Yamada | 10/01/2017 | - Trình bày về “Giới thiệu phương pháp Fukuoka” - Tư vấn kỹ thuật về việc đóng cửa bãi chôn lấp Thủy Phương - Tham quan thực địa tại bãi chôn lấp hiện tại và bãi chôn lấp quy hoạch |
| 8 | Ông Hirota và Konosu từ Công ty Vật liệu Mitsubishi | 21/4 – 22/4, 2017 | - Hội thảo về đưa tro vào nhà máy xi măng: - Họp với hai nhà máy xi măng |

3.9 Hoạt động 1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc.

(1) Hoạt động 1-9-1. Hội thảo và thảo luận giữa các chuyên gia

Hoạt động này được kết hợp với hoạt động 1.8.2 và 1.8.4.

3.10 Hoạt động 1-10. Đề xuất chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

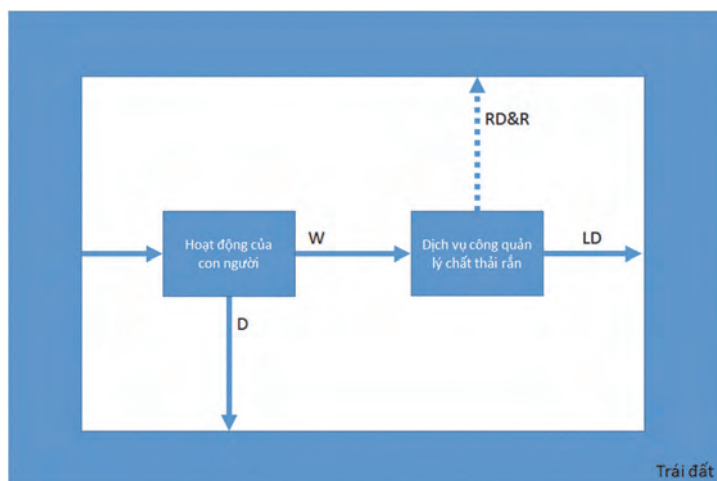
Chiến lược quản lý chất thải rắn quốc gia hiện tại bao gồm các mục tiêu của nó được rà soát lại bằng cách so sánh với các dữ liệu thu thập được từ hoạt động 1-5 và nhận thấy rằng các mục tiêu về quản lý CTRSH đã được đặt quá tham vọng. Ngoài ra, một số mục tiêu đưa ra mà không có giải pháp để giám sát, kiểm chứng.

Tham khảo các chính sách cũng như các mục tiêu dưới dạng chỉ số của Nhật Bản, thấy rằng các con số mục tiêu này đều được đặt ra dựa trên thực tế nên có tính khả thi cao cũng như được giám sát chặt chẽ. Dựa vào những vấn đề nêu trên, các mục tiêu của Quyết định 2149/QĐ-TTg đã được rà soát lại và đề xuất như sau.

Để đề xuất được các mục tiêu cụ thể, nguyên tắc sau đây đã được đề xuất cùng với định hướng kiểm soát dòng chất thải như sau:

- Tối thiểu hóa “D”: Xả thải trực tiếp không qua xử lý phải được giảm thiểu tối đa.
- Kiểm soát “W”: Khối lượng chất thải cần phải được giảm thiểu tối đa.
- Tối đa hóa “RD&R”: Giảm thiểu chất thải bao gồm tái chế cần được thực hiện tối đa.
- Tối thiểu hóa “LD” thông qua tối đa hóa “RD&R”: Chất thải thu gom phải được giảm thiểu và ổn định thông qua xử lý và khối lượng chất thải chuyển đến bãi chôn lấp phải được giảm thiểu tối đa

Các giá trị mục tiêu được nêu trong Bảng 3-14 được dựa trên các nguyên tắc đã nêu cũng như các dữ liệu thu thập được từ hoạt động 1-5.



Hình 3-12 Mô hình khái niệm quản lý chất thải sinh hoạt

Bảng 3-14 Đề xuất các giá trị mục tiêu trong tương lai

| Ký hiệu | Chỉ số | Khu vực | 2015 (Hiện tại) | 2020 | 2025 | 2030 |
|-----------|---|----------------|----------------------|------|------|------|
| D(SMR) | Tỷ lệ tự quản lý Tỷ lệ tự quản lý | Toàn thành phố | 61% | 52% | 43% | 34% |
| | | TP&TX | 22% | 15% | 7% | 0% |
| | | H | 64% | 55% | 46% | 37% |
| D(CR) | Tỷ lệ thu gom chất thải | Toàn thành phố | 39% | 48% | 57% | 66% |
| | | TP&TX | 78% | 85% | 93% | 100% |
| | | H | 36% | 45% | 54% | 63% |
| W(GDP) | Khối lượng chất thải theo GDP | | 8692 g/triệu đồng | 8201 | 7726 | 7284 |
| W(Capita) | Khối lượng chất thải thu gom một người 1 ngày | Toàn thành phố | 725 g/c/d | 800 | 853 | 890 |
| | | TP&TX | 875 | 966 | 1030 | 1074 |
| | | H | 697 | 769 | 820 | 855 |
| RD&R | Tỷ lệ giảm thiểu & tái chế chất thải | | 44% | 51% | 58% | 65% |
| LD | Tỷ lệ chôn lấp | | 56% | 49% | 42% | 35% |

Ghi chú: “TP&TX”: Thành phố & Thị xã
“H”: Huyện

4. TÓM TẮT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN (ĐẦU RA SỐ 2: NĂNG LỰC CỦA SXD HÀ NỘI VỀ THỰC HIỆN QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG)

4.1 Hoạt động 2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất

(1) Hoạt động 2-1-1. Đánh giá dự án 3R

a) Tổng quan dự án 3R

Chương trình phân loại tại nguồn đã được thí điểm tại dự án 3R. Các khu vực mục tiêu được chỉ ra trong Bảng 4-1 và tổng quan hệ thống được chỉ ra ở Bảng 4-2.

Bảng 4-1 Thông tin chi tiết về các địa bàn thí điểm thuộc dự án 3R

| Khu vực thí điểm | Phan Chu Trinh (Quận Hoàn Kiếm) | Nguyễn Du (Quận Hai Bà Trưng) | Thành Công (Quận Ba Đình) | Láng Hạ (Quận Đống Đa) |
|---|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Diện tích (km ²) | 0.44 | 0.38 | 0.96 | 0.65 |
| Dân số | 8,224 | 11,140 | 24,872 | 28,584 |
| Số hộ gia đình | Khoảng 1,900 | Khoảng 2,000 | Khoảng 7,000 | Khoảng 7,300 |
| Số tổ dân phố | 29 | 43 | 137 | 117 |
| Số cụm dân cư | 10 | 8 | 13 | 16 |
| Xí nghiệp phụ trách | Xí nghiệp 2 | Xí nghiệp 3 | Xí nghiệp 1 | Xí nghiệp 4 |
| Số lượng thùng (không bao gồm số xe đẩy tay) | Hữu cơ: 36 Vô cơ: 56 | Hữu cơ: 52 Vô cơ: 63 | Hữu cơ: 101 Vô cơ: 108 | Hữu cơ: 97 Vô cơ: 114 |
| Số điểm thu gom | 34 | 44 | 58 | 79 |
| Số điểm cầu (Chỉ có điểm cầu đêm) | 16 | 23 | 16 | 25 |

(Ghi chú): Các thông tin về diện tích, dân số, số hộ gia đình, tổ dân phố, cụm dân cư là các số liệu ban đầu của khi thực hiện dự án vào năm 2007.

Các thông tin về số lượng thùng thu gom, điểm thu gom và điểm cầu là số liệu năm 2013 theo nguồn URENCO Hà Nội

Bảng 4-2 Hệ thống PLCTTN được áp dụng tại các địa bàn thí điểm

| Hạng mục | Nội dung |
|---|--|
| Các loại chất thải phân loại (Màu đặc trưng) | Rác hữu cơ (Màu xanh) Rác vô cơ (Màu cam) *Trong khuôn khổ dự án, các hộ gia đình trong địa bàn thí điểm được phát miễn phí một thùng đựng rác màu xanh lá cây (12l) và một thùng màu cam (12l) để thực hiện việc phân loại chất thải ngay tại gia đình. Bên cạnh đó, người dân cũng được khuyến khích thực hiện phân loại chất thải tái chế (màu xanh dương) và bán/cho hệ thống thu gom đồng nát hoặc cho công nhân thu gom |
| Tần suất thu gom | Hàng ngày (Ghi chú) Trong thời gian đầu thực hiện dự án thí điểm tại Phan Chu Trinh và Nguyễn Du, tần suất thu gom rác vô cơ được áp dụng là 4 ngày/tuần và hữu cơ là hàng ngày. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, do chưa nhận được sự hợp tác từ người dân về vấn đề này nên tần suất thu gom rác vô cơ được đổi thành hàng ngày như rác hữu cơ. |
| Các điểm thu gom | Các điểm thu gom quy định *Các thùng thu gom màu xanh lá cây cho rác hữu cơ (240l) và màu cam cho rác vô cơ (240l) được đặt tại các điểm thu gom quy định trong thời gian nhất định. |

| Hạng mục | Nội dung |
|-------------------|---|
| | *Người dân được yêu cầu mang rác đã phân loại ra đổ tại các điểm thu gom quy định trong giờ quy định, rác hữu cơ đổ vào thùng màu xanh lá cây, rác vô cơ đổ vào thùng màu cam. |
| Thời gian thu gom | Từ 18.00 đến 20.30 *Công nhân thu gom sẽ mang các thùng từ nơi lưu giữ thùng tới các điểm thu gom quy định trước 18.00 và khi hết thời gian quy định (sau 20.30) sẽ mang các thùng rác này tới các điểm cầu để thu gom lên xe tải. Sau đó, các thùng này được mang trở lại các điểm lưu giữ thùng. |

b) Hiện trạng của chương trình phân loại tại nguồn

Thông qua việc khảo sát thực tế tại các điểm thu gom đặt trên bốn địa bàn thí điểm và các cuộc phỏng vấn với URENCO Hà Nội, hiện trạng của việc thực hiện PLCTTN tại các địa bàn thí điểm được tóm tắt như sau:

- Một số hộ gia đình tại phường Nguyễn Du và Phan Chu Trinh vẫn tiếp tục duy trì việc thực hiện PLCTTN. Tuy nhiên, hầu hết người dân tại các phường Thành Công và Láng Hạ đã không còn thực hiện PLCTTN.
- Đa số người dân có thực hiện việc đổ rác đúng giờ đúng nơi quy định. Tuy nhiên, vẫn còn có tình trạng rác đổ bừa bãi trên vỉa hè, lòng đường.
- Tại hầu hết các điểm thu gom, chất thải rắn không được phân loại, tuy nhiên một số người dân vẫn nhận thức được về việc cần phải thực hiện PLCTTN.
- Số lượng thùng thu gom được bố trí tại một số điểm không đủ gây ra tình trạng chất thải đổ tràn ra ngoài.
- Tại một số điểm thu gom, chỉ bố trí một loại thùng (màu xanh hoặc màu cam)
- Một chi nhánh của URENCO Hà Nội vẫn duy trì các hoạt động phối hợp với UBND phường sở tại để tổ chức các hoạt động nhằm khuyến khích và nhắc nhở người dân về việc thực hiện PLCTTN.

Hiện trạng PLCTTN tại từng khu vực thí điểm được nêu trong bảng sau

Bảng 4-3 Hiện trạng PLCTTN tại các địa bàn thí điểm

| Phường thí điểm | Phan Chu Trinh (Quận Hoàn Kiếm) | Nguyễn Du (Quận Hai Bà Trưng) | Thành Công (Quận Ba Đình) | Láng Hạ (Quận Đống Đa) |
|--|---|---|--|--|
| Hiện trạng PLCTTN tại các điểm thu gom tập kết | ++ ● Một số người dân vẫn thực hiện phân loại chất thải | ++ ● Một số người dân vẫn thực hiện phân loại chất thải | + ● Rác tại các điểm thu gom tập kết hầu hết đều không phân loại | + ● Rác tại các điểm thu gom tập kết hầu hết đều không phân loại |
| Hiện trạng vệ sinh đường phố | ++ ● Một số ít người dân vẫn còn đổ rác ra lòng đường, hè phố | ++ ● Một số ít người dân vẫn còn đổ rác ra lòng đường, hè phố | + ● Nhiều nơi có tình trạng đổ rác ra đường, đặc biệt khu vực xung quanh chợ | + ● Nhiều nơi có tình trạng đổ rác ra đường, đặc biệt khu vực xung quanh chợ |
| Hoạt động cộng đồng | ++ | +++ ● Có những tổ dân phố điển hình vẫn giữ được hoạt động nhắc nhở người dân tại điểm thu gom tập kết | ++ | ++ |
| Hoạt động thu gom | ++ ● Còn tồn tại tình trạng cầu rác trước giờ thu gom quy định ● Thiếu thùng thu gom tập kết tại một số điểm (do vấn đề kinh phí) | ++ ● Còn tồn tại tình trạng cầu rác trước giờ thu gom quy định ● Thiếu thùng thu gom tập kết tại một số điểm (do vấn đề kinh phí) | + ● Hầu hết việc cầu rác đều sớm hơn so với thời gian quy định ● Số lượng thùng so với lượng rác phát sinh thiếu | + ● Hầu hết việc cầu rác đều sớm hơn so với thời gian quy định ● Số lượng thùng so với lượng rác phát sinh thiếu |

| Phường thí điểm | Phan Chu Trinh (Quận Hoàn Kiếm) | Nguyễn Du (Quận Hai Bà Trưng) | Thành Công (Quận Ba Đình) | Láng Hạ (Quận Đống Đa) |
|---|------------------------------------|---|--|--|
| | | | rất nhiều (do vấn đề kinh phí) ● Tại một số điểm thu gom tập kết, chỉ có một loại thùng (màu cam hoặc xanh) | rất nhiều (do vấn đề kinh phí) ● Tại một số điểm thu gom tập kết, chỉ có một loại thùng (màu cam hoặc xanh) |
| Hoạt động của các xí nghiệp (chi nhánh) | ++ | +++ ● Xí nghiệp 3 vẫn thường xuyên phối hợp với chính quyền phường, tổ dân phố tổ chức các hoạt động nhằm khuyến khích người dân thực hiện PLCTTN và giữ gìn vệ sinh đường phố | ++ | ++ |

(Ghi chú) ++++: rất tốt, +++: một số điểm tốt, ++ một số điểm chưa đạt yêu cầu, +: kém

(2) Các giải pháp để cải thiện hiện trạng

- Đưa thực hiện PLCTTN vào là một trong các nhiệm vụ thường xuyên của chính quyền cấp phường và cấp quận
- Xây dựng các giải pháp cụ thể cho việc thực hiện PLCTTN
- Thay đổi hợp đồng với các công ty QLCTR để khuyến khích thực hiện PLCTTN
- Chuyển đổi quy trình lao động của người công nhân từ công việc quét và thu gom chất thải sang việc hướng dẫn người dân
- Tuyển dụng và đào tạo công nhân cho việc hướng dẫn người dân thực hiện PLCTTN
- Cân nhắc hệ thống thu gom bằng thùng cũng như toàn bộ quy trình kỹ thuật
- Cải thiện hệ thống dịch vụ thu gom bằng việc đưa vào áp dụng trạm trung chuyển hay các cơ sở xử lý trung gian
- Nghiên cứu và ứng dụng các cơ chế ưu đãi về kinh tế đối với các cơ sở chế biến phân hữu cơ từ chất thải
- Tăng cường các hoạt động Giáo dục môi trường
- Tăng cường việc tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh quy mô lớn
- Hệ thống áp dụng cho các chung cư cao tầng
- Nghiên cứu áp dụng các hình thức khuyến khích về kinh tế đối với người dân khi thực hiện PLCTTN
- Bố trí ngân sách cho các hoạt động PLCTTN.

4.2 Hoạt động 2-2. (Xóa bỏ.)

Hoạt động này có nội dung về việc phát triển quy hoạch quản lý chất thải rắn cho thành phố Hà Nội đã bị xóa bỏ với lý do Quy hoạch đã được lập trước khi dự án bắt đầu thực hiện.

4.3 Hoạt động 2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng

(1) Hoạt động 2-3-1. Xây dựng kế hoạch thực hiện cho thành phố Hà Nội

Kế hoạch thực hiện cho 1) chất thải sinh hoạt, 2) chất thải xây dựng và 3) phân bùn bể tự hoại được xây dựng theo các chất thải mục tiêu của Dự án này. Các nội dung được tóm tắt dưới đây.

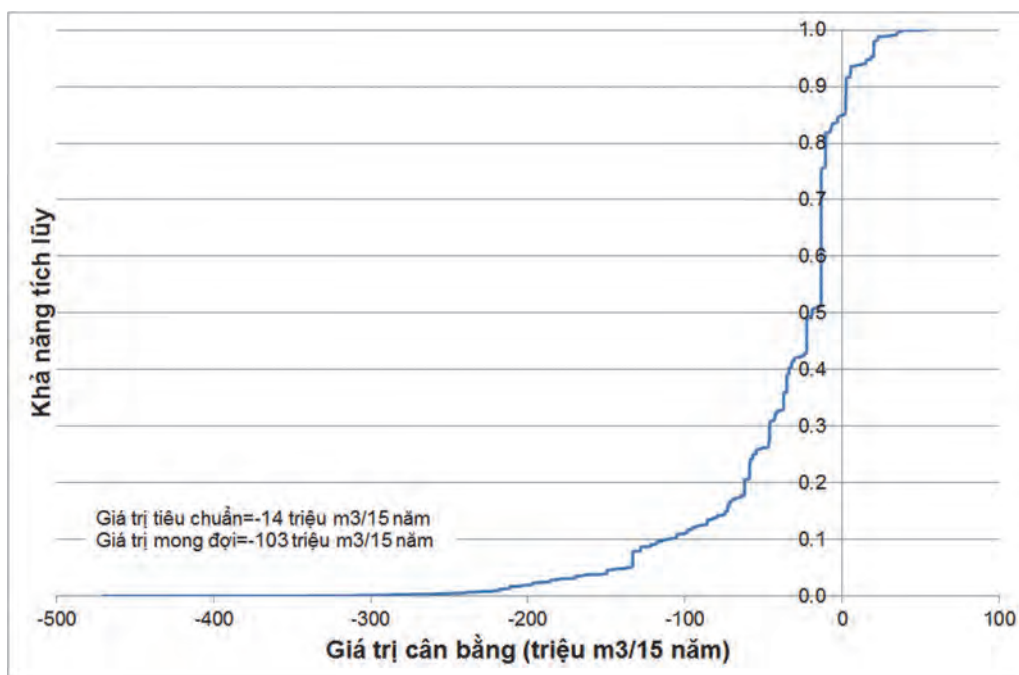
(2) Hoạt động 2-3-2. Đề xuất quản lý chất thải sinh hoạt

a) “Khủng hoảng chất thải” tại Hà Nội

Thành phố Hà Nội đang đối mặt với tuổi thọ ngắn về sức chứa các bãi chôn lấp. Rất quan trọng cho thành phố Hà Nội để đảm bảo khả năng xử lý, duy trì quản lý chất thải rắn, dựa vào Quy hoạch. Nếu các cơ sở xử lý có thể được xây dựng theo Quy hoạch, thì việc quản lý chất thải rắn ở Thành phố Hà Nội sẽ trở nên bền vững. Tuy nhiên, không quên rằng bất kỳ cơ sở xử lý chất thải rắn nào mà có nguy cơ rủi ro sẽ không được xây dựng như theo lịch dự kiến vì nhiều lý do khác nhau bao gồm cả khó khăn khi nhận được sự đồng thuận từ cộng đồng.

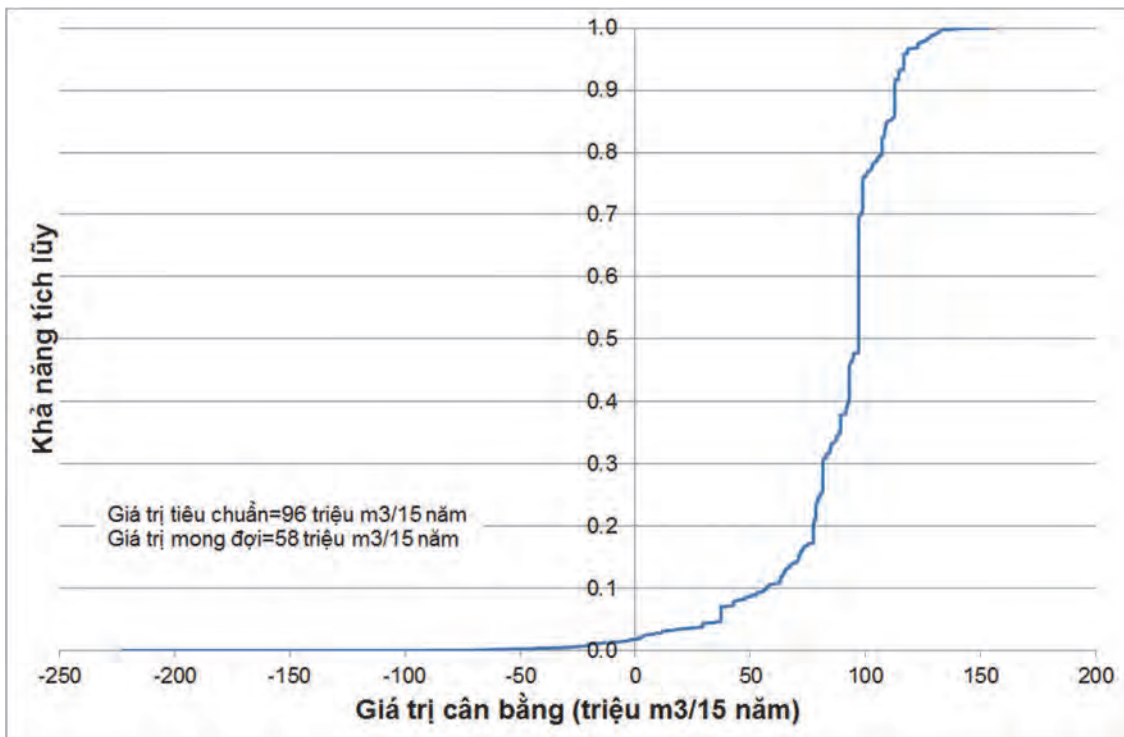
Bất kỳ sự trì hoãn xây dựng cơ sở xử lý ở Khu liên hiệp xử lý Chất thải Nam Sơn và các Khu liên hiệp xử lý khác có thể làm ảnh hưởng đến tuổi thọ về tổng sức chứa của các bãi chôn lấp. Theo hiện trạng này, thì chất thải có thể không được xử lý một cách hợp lý. Chất thải có thể không được thu gom và tồn đọng tại thành phố, thị xã và trong trường hợp chất thải được thu gom thì cũng chỉ là đổ đống ở một nơi nào đó. Điều này được gọi là “Cuộc khủng hoảng”.

Trong báo cáo này, xác suất của “Cuộc khủng hoảng” được ước tính qua cách đưa ra các biến số khác nhau liên quan đến sức chứa của bãi chôn lấp trong 15 năm. Nguy cơ khủng hoảng trong Quy hoạch Hà Nội được ước tính là 90%. Nghĩa là tổng sức chứa của bãi chôn lấp đường như sẽ ngắn vì bất kỳ sự trì hoãn ngoài mong đợi nào của các công trình xây dựng cơ sở xử lý và vì nhiều yếu tố khác.



Hình 4-1 Đồ thị đường cong rủi ro khi thực hiện Quy hoạch (chỉ ra khả năng xảy ra “Khủng hoảng”)

Nhằm tránh cuộc khủng hoảng như vậy, đề xuất kết hợp hai biện pháp sau: 1) tăng công suất xử lý trung gian lớn hơn 1,5 lần, và 2) các bãi chôn lấp bắt đầu vận hành sớm hơn 01 năm so với các cơ sở xử lý trung gian trong khu liên hiệp. Khi thực hiện hai biện pháp này, nguy cơ “Khủng hoảng” có thể được giảm tới gần giá trị 0.



Hình 4-2 Đồ thị rủi ro khi thực hiện cả hai biện pháp trong Quy hoạch

Xác xuất khủng hoảng phụ thuộc vào các điều kiện khác nhau. Tất cả các biến số phải được giám sát và kiểm soát để tránh cuộc khủng hoảng. Vì vậy, khuyến nghị thành lập một tổ công tác để giám sát và kiểm soát tất cả các biến số liên quan bao gồm tiến độ phát triển khu liên hiệp cũng như các dự án giúp giảm thiểu chất thải. Xem xét đến tính mức độ nghiêm trọng, có thể đề xuất tổ công tác sẽ được chủ trì chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội.

b) Thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Báo cáo này trình bày thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng của thành phố đưa ra các giải pháp và quyết định như thế nào trong việc thay đổi hệ thống thu gom như thực hiện PLCTTN, bao gồm phân loại chất thải tại nguồn và xây dựng trạm trung chuyển. Công cụ mô phỏng chi phí được xây dựng và sử dụng cho giải pháp tối ưu. Các kết luận và đề xuất có thể được tổng hợp như dưới đây.

i) Về việc thực hiện PLCTTN

- So sánh với việc thực hiện composting chất thải không phân loại từ nguồn thì việc thực hiện PLCTTN có thể tiết kiệm được khoảng 10% chi phí QLCTR. Nếu 10% này được nhìn nhận là lớn, thì việc thực hiện PLCTTN nên được áp dụng.
- Đối với các khu vực có mật độ dân cư thưa thớt và khu xử lý không quá xa khu vực thu gom thì chi phí thu gom sẽ khá cao hơn khi thực hiện PLCTTN do tăng tổng quãng đường phải di chuyển trong khu vực thu gom. Vì vậy, với các khu vực này, PLCTTN với mô hình thu gom xử lý tập trung không được khuyến khích mà có thể áp dụng các mô hình làm phân compost tại chỗ.

ii) Về hệ thống trung chuyển

- Khó để có thể kỳ vọng việc áp dụng hệ thống trung chuyển sẽ tiết kiệm được một tỷ lệ lớn chi phí thu gom vận chuyển. Hơn nữa, nếu chi phí đầu tư ban đầu cho trạm trung chuyển quá

lớn, có khả năng việc áp dụng trạm trung chuyển còn làm tăng chi phí thu gom vận chuyển lên.

- Trong trường hợp trạm trung chuyển là một nhu cầu cần thiết và được khẳng định, cần cân nhắc lựa chọn khoảng cách tối ưu của trạm trung chuyển so với khu vực thu gom, trong khoảng 10km.
- Tuy nhiên, hiệu quả của trạm trung chuyển không chỉ giúp làm giảm chi phí thu gom mà còn làm giảm tải cho các phương tiện thu gom và tài xế của các phương tiện này. Mặc dù có thể hệ thống trạm trung chuyển không đóng góp nhiều vào hiệu quả giảm thiểu chi phí nhưng nó cũng đóng góp nhiều vào việc cải thiện điều kiện làm việc cho lái xe. Và đây cũng có thể được coi là một giải pháp khuyến khích thực hiện PLCTTN.

iii) Về giải pháp công nghệ kết hợp

- Để giảm thiểu hơn nữa chi phí vận chuyển, các trạm xử lý trung gian như composting hay lò đốt cần được xây dựng với khoảng cách gần các khu vực thu gom giống như trạm trung chuyển.
- Nếu địa điểm của khu liên hợp xử lý chất thải với công nghệ kết hợp, bao gồm một trạm trung chuyển đã được quyết định, khu vực thu gom nơi mà chất thải được thu gom và vận chuyển tới khu liên hợp nên được lựa chọn ở các khu vực có khoảng cách dưới 10 km tính từ khu liên hợp.
- Các giải pháp công nghệ kết hợp cần được cân nhắc kỹ lưỡng với chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành để tránh trường hợp làm gia tăng tổng chi phí QLCTR
- Mặc dù tổng chi phí QLCTR tăng do áp dụng công nghệ kết hợp, nhưng nếu chi phí gia tăng được chấp thuận và giải pháp công nghệ kết hợp giúp giảm tỷ lệ chất thải đem đi chôn lấp, thì việc đầu tư cho công nghệ kết hợp này nên được tạo điều kiện thuận lợi.

(3) Hoạt động 2-3-3. Chất thải xây dựng

a) Tính toán lượng chất thải xây dựng

Lượng chất thải xây dựng có thể được tính toán như theo Bảng 4-4. Dựa theo cách tính này, công thức xây dựng trong báo cáo này được sử dụng.

Bảng 4-4 Tính toán chất thải xây dựng ở Hà Nội năm 2013

| | Tấn/năm (triệu tấn) | Tấn/năm (nghìn tấn) | Tỷ lệ thành phần |
|--|------------------------|------------------------|------------------|
| Chất thải từ các công trình dân dụng công cộng | Không chắc chắn | Không chắc chắn | - |
| Chất thải từ các công trình dân dụng tư nhân | 1,1-3,2 | 2,9-8,8 | 40-52% |
| Chất thải từ các công trình xây dựng tòa nhà mới | 0,23 | 0,62 | 4-5% |
| Chất thải từ các công trình phá dỡ tòa nhà | 1,4-2,8 | 3,8-7,6 | 44-51% |
| Tổng | 2,7-6,2 | 7,3-17,0 | 100% |

b) Các vấn đề và giải pháp cho chất thải xây dựng

Các vấn đề liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng ở Hà Nội đã được xác định qua việc phân tích dữ liệu và các chuyến đi thực tế. Các vấn đề có thể được tổng hợp như sau:

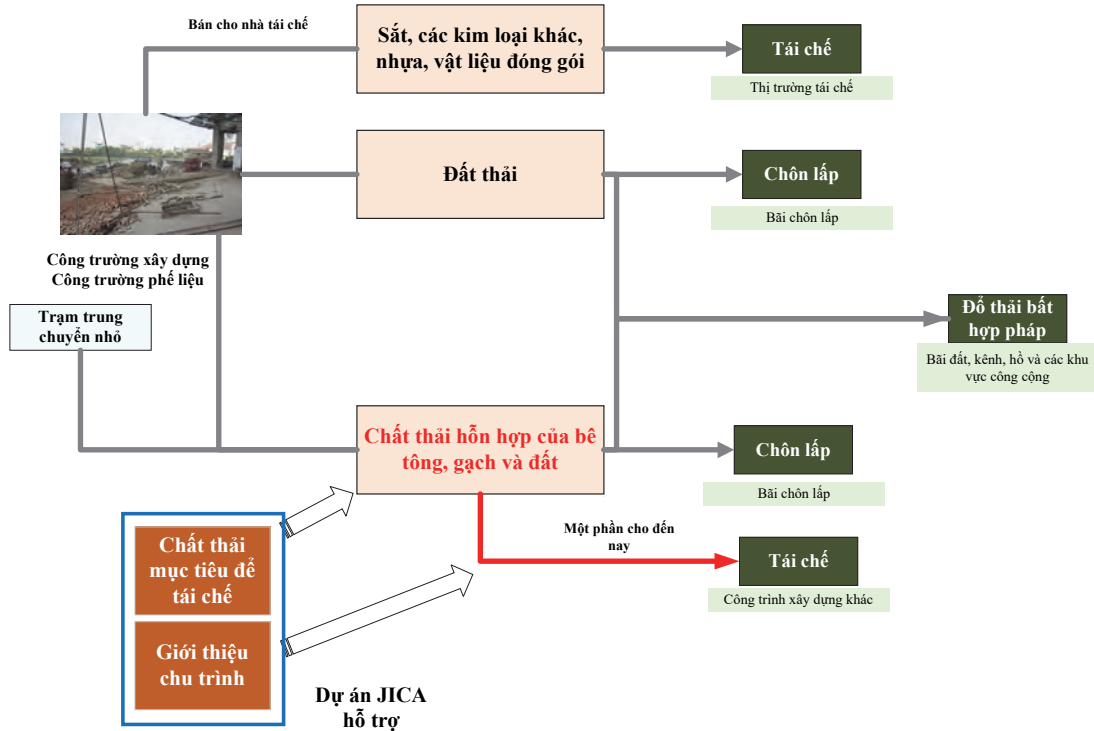
- Một số chất thải xây dựng đổ bất hợp pháp, tuy nhiên lượng đổ này không xác định rõ ràng,
- Ngay cả trong các bãi chôn lấp chất thải xây dựng đã đăng ký, vẫn có một số khu vực ô nhiễm, và
- Không có tiêu chuẩn kỹ thuật nào quy định về việc tái chế chất thải xây dựng như chất thải lẫn bê tông, gạch và đất.

Các giải pháp để giải quyết các vấn đề này đã được thảo luận và chất thải xây dựng mục tiêu và quy trình mục tiêu cũng được xác định như trong Hình 4-3.

Các giải pháp được trình bày như sau:

- Hiểu hơn về hiện trạng,
- Ban hành quy định xả thải bao gồm chương trình phân loại tại nguồn,
- Quản lý hợp pháp từ khâu xả thải đến khâu chôn lấp cuối cùng, và
- Xây dựng bất kỳ các cơ sở cần thiết nào.

Báo cáo về các vấn đề và các giải pháp được phát triển như sau.



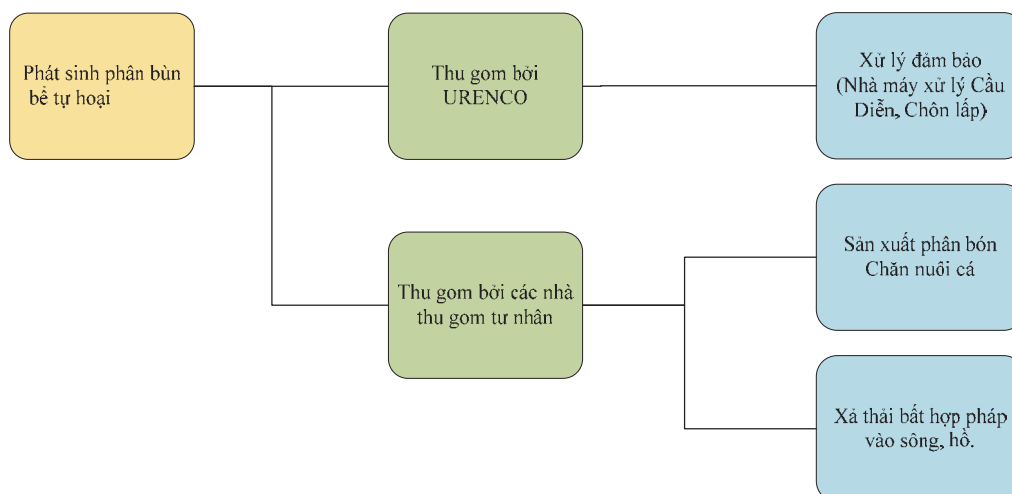
Hình 4-3 Chất thải xây dựng mục tiêu và dòng chất thải mục tiêu thay đổi của Hà Nội

(4) Hoạt động 2-3-4. Phân bùn bể tự hoại

Cũng tương tự đối với chất thải xây dựng ở Hà Nội, các vấn đề và biện pháp đưa ra để thảo luận. Lượng phân bùn bể tự hoại phát sinh được ước tính là 500 tấn/ngày, nhưng chỉ có 50 tấn/ngày được thu gom và xử lý tại cơ sở xử lý ở Cầu Diễn. Dòng chu chuyển hiện tại phân bùn bể tự hoại tại Hà Nội được tổng hợp như theo hình dưới đây. Phân bùn bể tự hoại mục tiêu được thu gom bởi các nhà thu gom tư nhân và vận chuyển đến cơ sở xử lý Phân bùn Cầu Diễn.

Các biện pháp được đưa ra như sau:

- Trao đổi với các nhà thu gom tư nhân,
- Nâng cao ý thức cộng đồng,
- Kiểm soát cơ sở xử lý Cầu Diễn để đánh giá,
- Xây dựng các quy định ở Hà Nội,
- Tăng cường hệ thống thanh tra, và
- Xây dựng cơ sở xử lý trong tương lai.



Hình 4-4 Dòng chất thải hiện tại của Phân bùn bể tự hoại tại Hà Nội

- (5) Thực hiện bước đầu của các dự án ưu tiên 5 năm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt ((a) Cải thiện công tác thu gom và vận chuyển (b) Giám sát toàn diện kế hoạch thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn, (c) Đề xuất các khu xử lý chất thải cần thiết, (d) Thiết lập "Văn phòng cải tiến quản lý chất thải nhằm tránh khủng hoảng")

a) “Kế hoạch phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn”

Thành phố Hà Nội hiện đang phải đối mặt với khó khăn trong vấn đề sức chứa của các bãi chôn lấp chất thải rắn. Thành phố Hà Nội cần cấp bách thực hiện các giải pháp theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố nhằm đảm bảo công suất xử lý chất thải rắn để duy trì các hoạt động quản lý chất thải rắn. Bất kỳ một sự trì hoãn nào trong quá trình xây dựng KLH XLCT Sóc Sơn và các khu xử lý khác đều có thể dẫn tới tình trạng thiếu hụt công suất chôn lấp. Theo đó, chất thải sẽ không được xử lý theo đúng quy định. Chất thải có thể không được thu gom do không có nơi xử lý và bị chất đọng trên đường phố. Đây được gọi là “Khủng hoảng”.

Đối với thành phố Hà Nội, “Kế hoạch phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn” được xây dựng nhằm tránh tối đa khả năng xảy ra khủng hoảng. Nội dung kế hoạch này được tóm tắt như sau:

i) Các khu xử lý đề xuất

- Các khu xử lý sau đây được đề xuất nghiên cứu để xây dựng.

| Khu xử lý | Công suất đề xuất | Năm dự kiến vận hành |
|--------------|-------------------|----------------------|
| Sóc Sơn | 2,000 t/ngày | 2020 |
| Tả Thanh Oai | 1,500 t/ngày | 2021 |
| Xuân Sơn | 500 t/ngày | 2022 |
| Đông Ké | 1,500 t/ngày | 2022 |

ii) Nhân lực cần bố trí của thành phố Hà Nội trong quá trình xây dựng và vận hành

- Số lượng cán bộ cần bố trí của thành phố Hà Nội cho quá trình xây dựng và vận hành các khu xử lý như sau.

| Khu xử lý | Số lượng cán bộ (Người) |
|--------------|-------------------------|
| Sóc Sơn | 10 |
| Tả Thanh Oai | 10 |
| Xuân Sơn | 8 |
| Đông Ké | 10 |

iii) Chi phí đầu tư và nguồn vốn

- Chi phí đầu tư cần thiết để xây dựng các khu xử lý chất thải rắn được nêu sau đây.
- 30 % tổng chi phí đầu tư là vốn sở hữu và 70% còn lại là vốn vay với lãi suất ưu đãi
- Vốn sở hữu bao gồm phần vốn góp của chủ đầu tư, các nhà tài trợ và của thành phố Hà Nội.

| Khu xử lý | Chi phí đầu tư (Tỷ đồng) |
|--------------|-----------------------------|
| Sóc Sơn | 4,400 |
| Tả Thanh Oai | 3,300 |
| Xuân Sơn | 1,100 |
| Đông Ké | 3,300 |
| Tổng | 12,100 |

iv) Chi phí vận hành

- Tổng chi phí vận hành cho 4 khu xử lý mới là **1,270 tỷ đồng/năm**.
- Giá xử lý đề xuất chi trả cho nhà đầu tư là **800,000 đồng/ tấn chất thải**.

v) Khả năng xảy ra khủng hoảng

- Khả năng xảy ra khủng hoảng trong trường hợp các dự án nêu trên bị trì hoãn là **50 %**.

vi) Khuyến nghị

- Các khu xử lý chất thải rắn đề xuất trên đây cần được thực hiện khẩn trương nhằm tránh tối đa khả năng xảy ra khủng hoảng quản lý chất thải rắn của thành phố.
- Thành phố Hà Nội cần có cam kết đối với các nhà đầu tư từ việc bố trí nguồn nhân lực, tham gia đầu tư hay huy động các nguồn vốn ODA cho các dự án

b) Xây dựng quy định về quản lý CTRSH tại Hà Nội

Chỉ với Kế hoạch phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn không thể giải quyết được mọi vấn đề về quản lý chất thải rắn của thành phố. Ngoài ra, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP đã chính thức có hiệu lực. Theo đó, cần có sự điều chỉnh quy định của thành phố để phù hợp với các quy định của nghị định mới này.

Chính vì vậy, dự thảo quy định về quản lý CTRSH đã được đề xuất với nội dung chính như sau:

Bảng 4-5 Nguyên tắc và các hoạt động chính cải thiện hệ thống quản lý CTRSH

| Hạng mục trong Quy định hiện tại | Nguyên tắc và các hoạt động chính |
|--|--|
| (PI) Quy hoạch và thực hiện quy hoạch về quản lý CTRSH | Xây dựng các giải pháp khả thi là mục đích quan trọng nhất của việc lập Quy hoạch quản lý CTRSH. → Xây dựng các hoạt động khả thi về tài chính và có khả năng theo dõi, giám sát hàng năm. |
| (MS) Quản lý CTRSH tại nguồn | Quản lý CTRSH tại nguồn phát sinh là nền móng cơ bản cho mọi hoạt động quản lý CTRSH khác. → Thực hiện nghiêm việc quản lý phát sinh chất thải từ nguồn (bao gồm việc đưa vào quy định/ hợp đồng với các đơn vị vệ sinh môi trường về trách nhiệm hướng dẫn người dân/ các đơn vị xả thải) Hướng dẫn các đơn vị có lượng phát thải lớn ngay tại nguồn sẽ mang lại hiệu quả trong việc giảm thiểu khối lượng chất thải rắn phát sinh. → Yêu cầu bắt buộc các đơn vị này phải lập và trình kế hoạch giảm thiểu chất thải tại nguồn (Kế hoạch 3R tại nguồn) Các biện pháp đối với tòa nhà cao tầng/ chung cư trong giai đoạn lập quy hoạch sẽ hiệu quả cho việc kiểm soát khối lượng CTRSH phát sinh trong tương lai. → Các quy định cần thiết về thiết bị, nhà xưởng với cơ chế tài chính riêng để quản lý CTRSH tại nguồn ngay tại các tòa nhà/chung cư. |
| (PI) Sự tham gia của cộng đồng | Tổ chức thực hiện các hoạt động tập trung thu hút sự tham gia công đồng một cách hiệu quả trong các nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể đã đặt ra. → Tiến hành các hoạt động tuyên truyền và Giáo dục môi trường về quản lý CTRSH tiến hành đồng thời cùng việc xây dựng các kế hoạch, quy định cấp quốc gia, thành phố. |
| (IP) Thu hút đầu tư | Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thông qua việc công bố các tiêu chí và quy trình rõ ràng trong việc thu hút các nhà đầu tư tiềm năng. → Xây dựng tài liệu hướng dẫn đầu tư cho các khu xử lý chất thải rắn |
| (CR) Bù đắp chi phí | Xác định các khoản phân bổ chi phí để có sự sắp xếp về tài chính rõ ràng. → Xây dựng cơ chế bù đắp chi phí dựa trên phương thức xác định giá dịch vụ, trong đó xác định cơ chế chi trả từ người dân (chủ thể phát thải) cũng như trợ cấp từ thành phố cho việc chi trả giá dịch vụ này. |

| Hạng mục trong Quy định hiện tại | Nguyên tắc và các hoạt động chính |
|--------------------------------------|--|
| (IS) Hệ thống khuyến khích | Ngoài các quy định trực tiếp, việc áp dụng các hệ thống khuyến khích nhằm tạo động lực cho các bên liên quan thực hiện tốt các hoạt động quản lý CTRSH là cần thiết. → Thiết lập và áp dụng các cơ chế về khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức hay cộng đồng (khu dân cư/ tổ dân phố) có đóng góp đáng kể trong việc thực hiện tốt các hoạt động quản lý CTRSH (Giải thưởng xanh/ thúc đẩy 3R tại các cơ sở kinh doanh) → Nghiên cứu và cân nhắc các hình thức khuyến khích về kinh tế |
| (MI) Kiểm tra và giám sát | Kiểm tra và giám sát dựa trên các thông tin thực tế. → Thiết lập hệ thống kiểm tra giám sát thu thập thông tin thực tế, đặc biệt các điểm tập trung chất thải sai quy định trên vỉa hè, đường phố. |
| (AE) Tác dụng của việc thực hiện ĐTM | Đảm bảo việc thực hiện ĐTM nhằm mục đích tuyên truyền để người dân hiểu đúng hơn về các khu xử lý CTRSH. → Xác nhận và điều chỉnh các loại hồ sơ, giấy chứng nhận liên quan đến các khu xử lý CTRSH theo các quy định hiện hành về ĐTM. |
| (FS) Cơ chế tài chính | Cần xây dựng ngay cơ chế tài chính nhằm tăng cường năng lực về quản lý CTRSH. → Xây dựng cơ chế tài chính cho các hoạt động quản lý CTRSH cấp quận/huyện và liên quận/huyện. Kiến thức đảm bảo về việc thúc đẩy ứng dụng các công nghệ xử lý CTRSH cũng như đảm bảo hoạt động quản lý CTRSH tiên tiến. → Chuẩn bị nguồn tài chính cho việc tìm hiểu và tiếp thu thông tin và kiến thức về các công nghệ xử lý CTRSH và quản lý CTRSH trên địa bàn thành phố Hà Nội. |
| (RS) Hệ thống báo cáo | Hệ thống báo cáo tổng hợp và toàn diện bao gồm các dữ liệu và thông tin về CTRSH hỗ trợ cho việc ra các quyết định về quản lý CTRSH phù hợp và chính xác hơn. → Thiết lập hệ thống báo cáo hàng tháng và hàng năm thông qua việc xác định nội dung và biểu mẫu của các loại báo cáo này. |
| (IA) Sắp xếp về thể chế | Tập trung thúc đẩy tăng cường và cải thiện hoạt động của các tổ chức liên quan nhằm thực hiện các giải pháp cho các vấn đề ưu tiên: → Thiết lập Văn phòng quản lý khủng hoảng về chất thải thành phố Hà Nội (Văn phòng quản lý khủng hoảng về CTRSH). → Tăng cường vai trò của UBND các cấp quận/huyện và phường/ xã trong việc quản lý CTRSH tại nguồn. → Sắp xếp nguồn nhân lực cần thiết và tăng cường năng lực cho các cán bộ liên quan nhằm đảm bảo việc sắp xếp đầu tư cho các cơ sở xử lý CTRSH. |

Nguồn: JET-Dự án Chất thải rắn Việt Nam

c) Cập nhật về “Khả năng xảy ra khủng hoảng chất thải” tại Hà Nội

Phương pháp tính toán “Khả năng xảy ra khủng hoảng chất thải” nêu trên được chia sẻ với thành phố Hà Nội và được cập nhật về cơ bản ba tháng một lần.

- (6) Hoạt động 2-3-6. Thực hiện bước đầu của các dự án ưu tiên 5 năm về quản lý chất thải xây dựng ((a) Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về vật liệu tái chế từ chất thải xây dựng, (b) Xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở tái chế, (c) Ứng dụng vật liệu tái chế tại các công trình xây dựng)

Nhóm công tác đã thảo luận về phương án hiện thực hóa khu tái chế chất thải rắn xây dựng đã được đề xuất trong các dự án ưu tiên của Giai đoạn I của dự án, theo đó một tài liệu tạm thời gọi là “Tài liệu kêu gọi đầu tư” sẽ được chuẩn bị nhằm tìm kiếm và thúc đẩy đầu tư cho cơ sở này sẽ được chuẩn bị. Ngoài ra, Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng cũng được dự thảo. Cả hai tài liệu nói trên được tổng hợp trong báo cáo về chất thải rắn xây dựng nêu trong Phụ trương 2-10.

- (7) Hoạt động 2-3-7. Thực hiện bước đầu của các dự án ưu tiên 5 năm về quản lý phân bùn bể tự hoại bao gồm cả bùn thải thoát nước ((a) Xác nhận hiện trạng hoạt động

trạm xử lý Cầu Diễn, (b) Thu gom phân bùn bể tự hoại về KXL Cầu Diễn, (c) Mở rộng ra toàn thành phố Hà Nội)

Dựa vào các báo cáo trong giai đoạn 1 của dự án, một số các cuộc thảo luận về việc thu hút các đơn vị tư nhân tham gia. Trong báo cáo đã nêu đề xuất về việc tổ chức một buổi họp với sự tham gia của các đơn vị tư nhân. Tuy nhiên, sau khi thảo luận lại về vấn đề này, các ý kiến đã thống nhất lựa chọn đến từng đơn vị tư nhân để giải thích về tầm quan trọng của việc vận chuyển phân bùn bể tự hoại về xử lý tại Cầu Diễn. Tuy nhiên, tính đến hiện tại, chưa thực hiện được một cuộc khảo sát nào trực tiếp tại các đơn vị thu gom tư nhân và hoạt động này vẫn đang tiếp tục được thực hiện bằng việc tìm kiếm các cơ hội tại các đơn vị thu gom tư nhân.

4.4 Hoạt động 2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, và thực hiện nghiên cứu khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, đặc biệt cho chất thải rắn đô thị.

(1) Hoạt động 2-4-1. Lựa chọn địa điểm mục tiêu cho nghiên cứu tiền khả thi

Nghiên cứu tiền khả thi được thực hiện mục tiêu hướng tới là KLH XLCT Sóc Sơn. Tóm tắt nghiên cứu được trình bày như sau. Nghiên cứu này đề xuất thực hiện hai dự án theo từng bước như sau.

(2) Hoạt động 2-4-2. Xây dựng nghiên cứu tiền khả thi

a) Tổng quan

i) Dự án A

- thành phần: khu lò đốt thu hồi nhiệt công suất 500 tấn/ngày kết hợp với công nghệ Khai thác và Phục hồi bãi chôn lấp (LFMR)
- khu dự án: trong diện tích 17 ha, thuộc Giai đoạn II về phía Bắc, được lập kế hoạch cho các cơ sở xử lý.
- lịch trình: thiết kế và xây dựng trong năm 2016-18; bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2019

ii) Dự án B

- thành phần: khu lò đốt thu hồi nhiệt công suất 1000 tấn/ngày
- khu dự án: giống như Dự án A
- lịch trình: thiết kế và xây dựng trong năm 2019-2021; bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2022

b) Tác động

i) Tuổi thọ bãi chôn lấp

- Kéo dài tuổi thọ đến năm 2030 (giả thiết: thực hiện mở rộng sức chứa các bãi chôn lấp trong khu xử lý và xây dựng các cơ sở xử lý khác được nêu trong Quy hoạch Xử lý CTR Hà Nội)

ii) Khí nhà kính

- Dự án A góp phần giảm 1,9 triệu tấn CO₂e và Dự án B góp phần giảm 4,0 triệu tấn CO₂e trong 20 năm.

c) Tính khả thi

i) Chi phí

- Dự án A: 4.940.965 triệu VND
- xây dựng 2.338.082 triệu VND

- vận hành và duy trì 2.602.883 triệu VND trong 20 năm
- Dự án B: 7.724.572 triệu VND
 - xây dựng 3.740.928 triệu VND
 - vận hành và duy trì 3.983.644 triệu VND trong 20 năm

ii) Chi phí gia tăng

So sánh với chi phí hiện nay sử dụng cho hình thức chôn lấp, chi phí gia tăng là 88.000 triệu VND/năm từ năm 2019 và 166.130 triệu VND/năm từ năm 2022 trong trường hợp trợ cấp 50% cho xây dựng và 6,5% tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).

d) Phí xử lý

Đơn vị: VND/tấn-rác

| Dự án | Năm thứ 1-5 | Năm thứ 6-10 | Năm thứ 11-20 |
|-------|-------------|--------------|---------------|
| A | 710.000 | 1.065.000 | 1.278.000 |
| B | 445.000 | 668.000 | 801.000 |

Trong trường hợp trợ cấp 50% cho xây dựng và tỷ suất hoàn vốn nội bộ là 6,5%

e) Sự cần thiết của trợ cấp và vốn vay ưu đãi

Xây dựng các khu lò đốt là khá tốn kém. Các nhà đầu tư gặp khó khăn để huy động đủ tiền chi trả chi phí xây dựng, và điều này rủi ro khá cao. Sử dụng Viện trợ phát triển chính thức, theo song phương hoặc đa phương. Ví dụ, vốn vay ODA Nhật Bản đề xuất vốn vay ưu đãi 0,3% hoặc thấp hơn, áp dụng các dự án trong lĩnh vực Các vấn đề môi trường toàn cầu và Biến đổi khí hậu. Hơn nữa, Cơ chế tín dụng chung có thể được áp dụng, và việc giảm sự phát thải khí nhà kính có thể được tính làm các khoản tín dụng trong tương lai.

f) Hợp tác công tư (PPP)

Một định mức mới về PPP đã có hiệu lực, Nghị định 15/2015/NĐ-CP. Các dự án có thể được thực hiện theo hình thức này. Trong quá trình thi hành các dự án, có thể được xây dựng các định mức chi tiết và/hoặc hướng dẫn mà sẽ được áp dụng cho các lò đốt thu hồi nhiệt với quy mô lớn. Yêu cầu về các kỹ năng và kiến thức từ những người quan tâm cũng sẽ được áp dụng cho các dự án khác.

g) Dự án thí điểm

Các dự án sẽ đóng vai trò là các dự án thí điểm. Đặc biệt là Dự án A, nó là khu lò đốt quy mô lớn đầu tiên có thu hồi nhiệt, dự án PPP đầu tiên được hỗ trợ bởi từ nguồn vốn ODA và cũng là dự án đầu tiên áp dụng Cơ chế tín dụng chung (JCM) trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn. Như đề cập ở trên, Dự án coi là dự án thí điểm về lò đốt thân thiện với môi trường và tìm sự tin tưởng từ phía người dân trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn ở Thành phố Hà Nội.

4.5 Hoạt động 2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, Ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP...

Hoạt động này sẽ được thực hiện dựa vào kết quả của Hoạt động 2-4.

4.6 Hoạt động 2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị.

(1) Chất thải rắn sinh hoạt

a) Bước nối giữa Quy hoạch quản lý chất thải rắn và Nghiên cứu khả thi.

Đối với thành phố Hà Nội, việc thiết lập một bước nối giữa hai bước Quy hoạch xử lý chất thải rắn và lập nghiên cứu thiết kế các khu xử lý chất thải rắn là rất quan trọng. Có rất nhiều các khu xử lý đã được chỉ ra trong quy hoạch xử lý chất thải rắn tuy nhiên nội dung quy hoạch lại chưa đề cập đến quy mô cụ thể cũng như kế hoạch cụ thể ưu tiên cho từng khu xử lý. Tuy nhiên, với cấp độ của quy hoạch thì việc này là hoàn toàn hợp lý do mục đích của quy hoạch là nhằm đặt ra định hướng cho công tác quản lý.

Báo cáo nghiên cứu khả thi có chức năng xác định các thông tin cụ thể về dự án như quy mô, kế hoạch thực hiện và dự toán chi phí. Tuy nhiên, với chức năng cụ thể như vậy, các báo cáo nghiên cứu khả thi không thể đưa ra được thứ tự ưu tiên phát triển các khu xử lý từ quan điểm phát triển tổng thể. Việc cân nhắc thứ tự ưu tiên khu xử lý nào nên được phát triển đầu tiên, thời gian bắt đầu xây dựng là rất quan trọng, đặc biệt trên phương diện quản lý tài chính. Làm thế nào để phân bổ tài chính một cách hiệu quả nhất nhằm tránh tối đa việc huy động một lượng tiền quá lớn tập trung trong thời gian ngắn.

Với bối cảnh nêu trên, “Kế hoạch phát triển các khu xử lý chất thải rắn” đã được nghiên cứu xây dựng là cầu nối giữa Quy hoạch xử lý chất thải rắn đã được phê duyệt trước khi lập nghiên cứu khả thi cho các dự án cụ thể trong quy hoạch. Đối với bất kỳ một địa phương nào, với nội dung quy hoạch có bao gồm nhiều khu xử lý chất thải rắn cần phát triển thì “kế hoạch phát triển các khu xử lý chất thải rắn” nói trên đều thực sự cần thiết để xây dựng kế hoạch, thứ tự ưu tiên của các dự án. Sau bước lập kế hoạch này, việc phát triển các khu xử lý chất thải rắn có thể thực hiện tiếp các bước cụ thể tiếp theo.

b) Chuẩn bị các điều kiện thuận lợi đảm bảo chức năng hoạt động của các cơ sở xử lý.

Có rất nhiều việc cần làm để đảm bảo vận hành hợp lý các khu xử lý chất thải rắn. Cần thực hiện phân loại tài nguyên như thế nào? Làm thế nào để giảm thiểu khối lượng chất thải mục tiêu? Cách thức tổ chức cũng như điểm đến của hoạt động vận chuyển? Các nội dung trên phải được xác định rõ trong quy hoạch chất thải rắn. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, chức năng của quy hoạch chỉ dừng lại ở cấp độ đưa ra định hướng. Vậy câu hỏi ở đây là các vấn đề cụ thể khác cần phải được xác định bởi một công cụ quản lý khác.

Theo đó, trong khuôn khổ dự án này, dự thảo về quy định quản lý chất thải rắn cho thành phố Hà Nội cũng đã được nghiên cứu, xây dựng. Nội dung của dự thảo đề cập tới việc quản lý chất thải ngay từ nguồn phát sinh, tầm quan trọng của vấn đề giáo dục cộng đồng, bù đắp chi phí cũng như hệ thống giám sát. Một trong những điểm đặc biệt của dự thảo này là nhấn mạnh việc quản lý chất thải từ các tòa nhà cao tầng. Tại Nhật Bản, trách nhiệm của chủ đầu tư tòa nhà được quy định rõ trong các văn bản pháp lý liên quan. Chủ đầu tư/ quản lý của các tòa nhà phải thực hiện đầy đủ việc xây dựng và trình kế hoạch bao gồm các vấn đề kế hoạch phân công quản lý, công tác chuẩn bị các trang thiết bị lưu chứa rác của tòa nhà.

Sự cần thiết nhắm tới chủ thể phát thải lớn này được nhấn mạnh hơn dựa trên cân nhắc về tính cần thiết và hiệu quả giảm thiểu chất thải.

c) “Khả năng khủng hoảng” là một trong những công cụ hữu ích để quản lý việc thực hiện quy hoạch.

Thành phố Hà Nội đang phải đối mặt với thách thức về việc thiếu hụt các bãi chôn lấp, vì vậy việc phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn là một trong những nhu cầu cấp bách của thành phố. Nếu các khu xử lý được phát triển theo đúng quy hoạch đặt ra, sẽ không xảy ra tình trạng khủng hoảng về quản lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng bất kỳ một dự án xây dựng khu xử lý chất thải rắn nào cũng phải đối mặt với rủi ro cao về việc trì hoãn tiến độ do rất nhiều lý do khác nhau như sự phản đối từ cư dân xung quanh, thiếu hụt nguồn vốn hay khó khăn trong công tác lựa chọn nhà đầu tư. Có thể nói các dự án phát triển cơ sở xử lý chất thải rắn tự mang trong nó nhiều yếu tố rủi ro như nêu trên.

Các yếu tố như trên có thể thể hiện dưới dạng các khả năng có thể xảy ra nhằm tính toán một chỉ số, đó là “Khả năng xảy ra khủng hoảng”. Chỉ số này thể hiện hiện trạng tổng quan dưới dạng con số góp phần giúp các nhà hoạch định chính sách của thành phố ra quyết định.

(2) Chất thải xây dựng

a) Chất thải rắn xây dựng có thể được dụng dưới dạng vật liệu tái chế.

Dòng chất thải rắn xây dựng do phá dỡ các công trình hiện tại chưa được quản lý thực sự nghiêm ngặt trong khi các công trình xây dựng đường đều sử dụng vật liệu xây dựng mới. Nếu chất thải phá dỡ được xử lý một cách đúng đắn, các công trình làm được có thể sử dụng vật liệu trên với giá cả không khác biệt. Ngoài ra, cơ sở tái chế chất thải xây dựng có khả năng thu phí xử lý giống như các bãi chôn lấp chất thải xây dựng.

Theo tính toán tài chính, các khu xử lý tái chế chất thải xây dựng như vậy là hoàn toàn khả thi về mặt kinh tế. Vì vậy, các khu tái chế chất thải xây dựng như trên được đề xuất phát triển cho thành phố Hà Nội.

b) Đặc điểm chất thải xây dựng chứa nhiều gạch thải cần được cân nhắc khi tái chế.

Một điểm cần lưu ý về chất thải xây dựng tại Việt Nam đó là tỷ lệ gạch vụn lẫn trong chất thải rất cao. Đây là điểm cần cân nhắc thận trọng khi quy hoạch các khu tái chế chất thải xây dựng. Ngoài ra, các tiêu chuẩn/quy chuẩn liên quan đến chất lượng vật liệu tái chế cũng cần được cân nhắc nghiên cứu.

c) Cần thiết có các quy định mới để thay đổi dòng quản lý chất thải xây dựng.

Không phải tất cả lượng chất thải rắn xây dựng đều được xử lý tại các bãi chôn lấp quy định. Rất nhiều trong số đó đã được tái chế một cách tự phát hoặc đổ trộm tại đâu đó trong thành phố. Nếu không có sự quản lý chặt chẽ dòng chất thải này, các khu tái chế có khả năng phải đối mặt với thực tế không có đủ vật liệu để hoạt động. Vì vậy, cần có những quy định quản lý từ các công trình phá dỡ, xây dựng để quản lý chất thải xây dựng ngay tại nguồn phát sinh.

(3) Phân bổ bề tự hoại

a) Định hướng đối với các đơn vị thu gom tư nhân là bước đầu tiên.

Phân bổ bề tự hoại hiện được thu gom hầu hết bởi các đơn vị thu gom tư nhân, hay các công ty nhỏ. Tình trạng quản lý lượng phân bổ sau thu gom này hầu như không có thông tin, ngay cả các thông tin liên quan đến hồ sơ công ty hay địa chỉ văn phòng của các đơn vị này cũng không rõ ràng. Vì vậy, bước đầu tiên trong công tác quản lý phân bổ bề tự hoại đó là nắm rõ thông tin và định hướng đối với các đơn vị này.

b) Không dễ dàng để đưa ra quy định đối với các đơn vị thu gom tư nhân.

Cân nhắc đặc điểm của các đơn vị thu gom tư nhân, có thể thấy việc quản lý và kiểm soát hoạt động của các đơn vị này là rất khó khăn. Chính vì vậy, đề xuất được nêu ra ở đây đó là thúc đẩy một số đơn vị điển hình có thể thực hiện một số hoạt động liên quan đến hệ thống đăng ký hoặc cấp phép trước tiên.

5. TÓM TẮT CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN (ĐẦU RA 3: HỖ TRỢ KỸ THUẬT NĂNG LỰC ĐỐI VỚI BXD TRONG VIỆC LẬP QUY HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ, ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG THÔNG QUA ĐỊA PHƯƠNG THÍ ĐIỂM.)

5.1 Hoạt động 3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành

Một số tỉnh đã được đánh giá và Tỉnh Thừa Thiên Huế đã được chọn làm địa phương thí điểm trong cuộc họp JCC đầu tiên.

5.2 Hoạt động 3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập/điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị, và sẽ được trình lên chính quyền địa phương của tỉnh/thành phố được lựa chọn

(1) Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn Tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Điều kiện xây dựng quy hoạch

Quy hoạch cho Tỉnh Thừa Thiên Huế được xây dựng dựa theo các điều kiện sau:

- Khu vực mục tiêu: Tổng thể Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Chất thải mục tiêu:
 - Chất thải rắn sinh hoạt (chất thải rắn sinh hoạt thông thường và chất thải rắn nguy hại)
 - Chất thải y tế và công nghiệp thông thường
 - Chất thải công nghiệp nguy hại
 - Chất thải y tế nguy hại
 - Chất thải nông nghiệp nguy hại
 - Chất thải xây dựng
 - Phân bùn bê tạc hoại
 - Bùn thải thoát nước
- Năm mục tiêu: 2030 tới 2050

b) Nội dung

Quy hoạch không chỉ bao gồm dự án xây dựng cơ sở xử lý mà còn đề cập đến sự liên quan từ cộng đồng, nhấn mạnh tầm quan trọng của các chương trình giáo dục. Hơn nữa, quy hoạch cũng nhấn mạnh đến các khía cạnh quản lý liên quan như thể chế, tài chính, quản lý dữ liệu và quay vòng quy hoạch.

Trong quy hoạch, tám nội dung ưu tiên hướng tới quản lý chất thải rắn tổng hợp được đề xuất dưới đây:

- Chương 1. Phần mở đầu
- Chương 2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội
- Chương 3. Hệ trạng quản lý chất thải rắn đô thị
- Chương 4. Tóm tắt các chiến lược, quy hoạch và quy định liên quan đến xử lý chất thải rắn
- Chương 5. Chỉ tiêu quy hoạch và tiêu chuẩn kỹ thuật

- Chương 6. Quy hoạch Quản lý chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
 - Mô hình khái niệm cho quy hoạch
 - Quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt
 - Quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại
 - Quy hoạch quản lý chất thải khác
 - Kết quả hành động sẽ đạt được trước năm 2030
 - Các dự án ưu tiên đến năm 2020
- Chương 7. Thực hiện Quy hoạch
 - Quản lý quy hoạch
 - Quản lý thể chế
 - Quản lý tài chính
 - Quản lý thông tin, dữ liệu
 - Thu hút cộng đồng
 - Kế hoạch phân bổ ngân sách
 - Đầu tư kinh phí cho đầu tư xây dựng và nguồn vốn thực hiện
- Chương 8. Đánh giá môi trường chiến lược

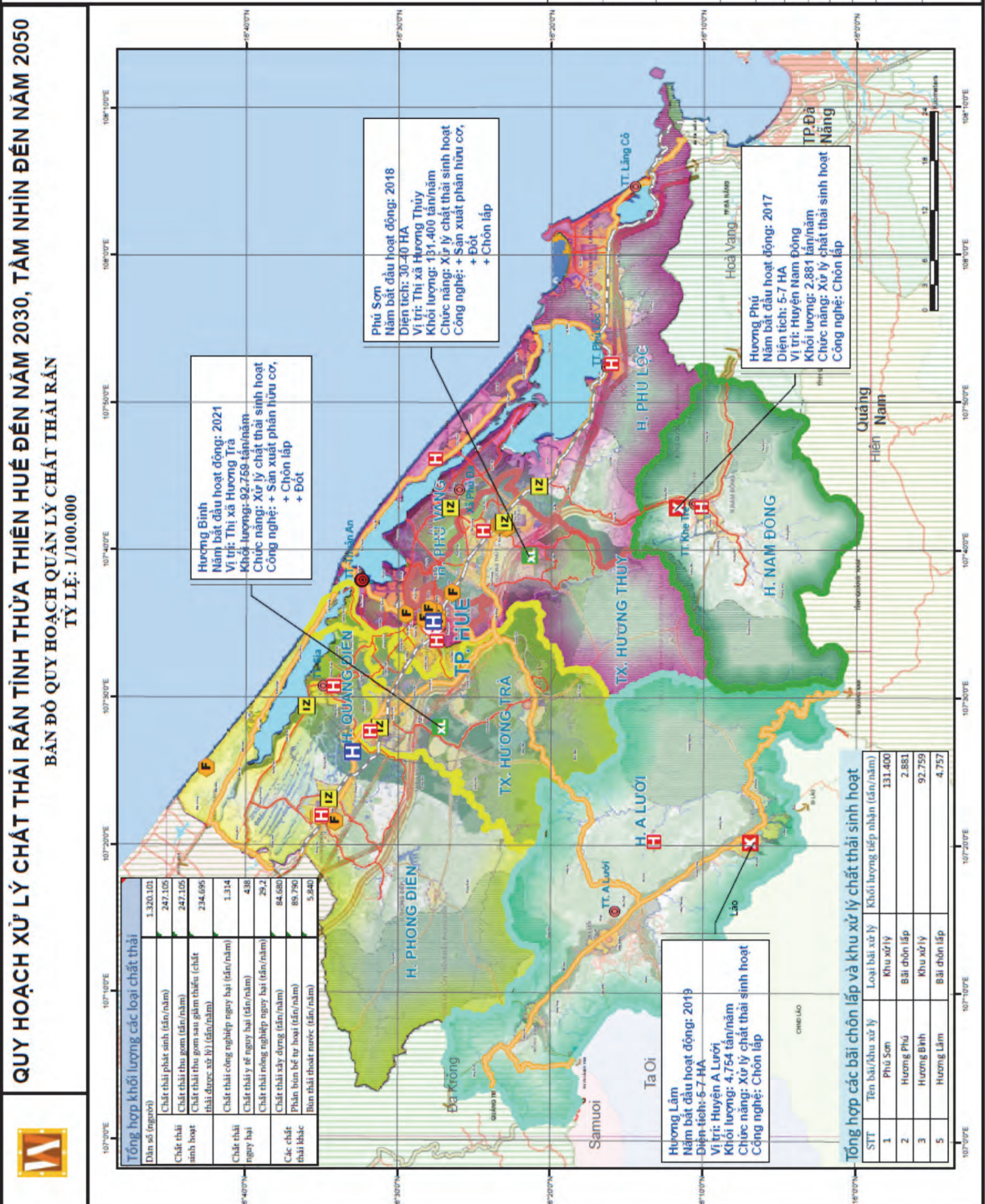
c) Bản đồ tổng hợp

Trong quy hoạch, hai khu xử lý tập trung bao gồm một lò đốt/nhà máy sản xuất phân compost và một bãi chôn lấp được đề xuất ở huyện Phú Sơn (sẽ được vận hành năm 2018) và ở huyện Hương Bình (sẽ được vận hành vào năm 2021).

QUY HOẠCH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

TỶ LỆ: 1/100.000



Tổng hợp khối lượng các loại chất thải

| Đơn vị (tấn/ngày) | 1.326.105 |
|---|-----------|
| Chất thải phát sinh (tấn/năm) | 247.105 |
| Chất thải thu gom (tấn/năm) | 247.105 |
| Chất thải thu gom sau giảm thiểu (chất thải được xử lý) (tấn/năm) | 234.695 |
| Chất thải công nghiệp nguy hại (tấn/năm) | 1.334 |
| Chất thải y tế nguy hại (tấn/năm) | 438 |
| Chất thải nông nghiệp nguy hại (tấn/năm) | 29,2 |
| Chất thải xây dựng (tấn/năm) | 84.680 |
| Các chất thải khác | 89.790 |
| Phân bón bỏ tự hoại (tấn/năm) | 5.840 |
| Phân thải thoát nước (tấn/năm) | |

Hương Lâm

Năm bắt đầu hoạt động: 2019

Diện tích: 5-7 HA

Vị trí: Huyện A Lưới

Khối lượng: 4.754 tấn/năm

Chức năng: Xử lý chất thải sinh hoạt

Công nghệ: Chôn lấp

Tổng hợp các bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải sinh hoạt

| STT | Tên bãi/khu xử lý | Loại bãi xử lý | Khối lượng tiếp nhận (tấn/năm) |
|-----|-------------------|----------------|--------------------------------|
| 1 | Phù Sơn | Khu xử lý | 331.400 |
| 2 | Hương Phú | Bãi chôn lấp | 2.881 |
| 3 | Hương Bình | Khu xử lý | 92.759 |
| 5 | Hương Lâm | Bãi chôn lấp | 4.757 |

Hương Bình

Năm bắt đầu hoạt động: 2021

Vị trí: Thị xã Hương Trà

Khối lượng: 92.759 tấn/năm

Chức năng: Xử lý chất thải sinh hoạt

Công nghệ: + Sản xuất phân hữu cơ, + Đốt

Phù Sơn

Năm bắt đầu hoạt động: 2018

Diện tích: 30-40 HA

Vị trí: Thị xã Hương Thủy

Khối lượng: 131.400 tấn/năm

Chức năng: Xử lý chất thải sinh hoạt

Công nghệ: + Sản xuất phân hữu cơ, + Đốt + Chôn lấp

Hương Phú

Năm bắt đầu hoạt động: 2017

Diện tích: 5-7 HA

Vị trí: Huyện Nam Đông

Khối lượng: 2.881 tấn/năm

Chức năng: Xử lý chất thải sinh hoạt

Công nghệ: Chôn lấp

Hình 5-1 Bản đồ tổng hợp Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn Tỉnh Thừa Thiên Huế

d) Danh sách các dự án ưu tiên

Các dự án ưu tiên được đề xuất dưới đây.

- Dự án ưu tiên 1. Thúc đẩy sản xuất phân compost tại cộng đồng
- Dự án ưu tiên 2. Thúc đẩy 3R thông qua các hoạt động phối hợp với các cơ sở kinh doanh
- Dự án ưu tiên 3. Mô hình thí điểm phân loại chất thải tại nguồn
- Dự án ưu tiên 4. Phát triển cơ sở xử lý tại Phú Sơn và Hương Bình
- Dự án ưu tiên 5. Phối hợp với nhà máy xi măng
- Dự án ưu tiên 6. Ban thực hiện Quy hoạch
- Dự án ưu tiên 7. Xây dựng "Sách trắng"
- Dự án ưu tiên 8. Áp dụng hệ thống toàn diện

(2) Những ghi chú quy hoạch thông qua xây dựng Quy hoạch tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo này gồm các điểm khuyến nghị sau đây được đúc rút thông qua các hoạt động lập quy hoạch quản lý chất thải rắn tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Cải thiện các quy hoạch nhằm thực hiện quy hoạch hiệu quả hơn
- Bổ sung một số gợi ý được xem xét trong các quy hoạch có tham khảo kinh nghiệm của Nhật Bản
- Xem xét để hướng tới các quy hoạch tổng thể và toàn diện hơn

Cụ thể, các điểm sau đây được đề cập đến.

- Những ghi chú quy hoạch liên quan đến lượng chất thải rắn
 - Các tiêu chí quy hoạch cần được thiết lập hợp lý.
 - Tại sao số liệu cầu cân không được sử dụng để tính toán lượng chất thải hiện tại?
 - Tại sao tỷ lệ phát sinh được gán bó sử dụng nhiều?
 - Tỷ lệ thu gom được xác định như thế nào?
 - Khối lượng chất thải thu gom bình quân đầu người hàng ngày được tính toán như thế nào?
- Những ghi chú liên quan đến khung quy hoạch
 - Nó không phải là quy hoạch chất thải rắn mà là một quy hoạch đô thị theo ngành.
 - Bao nhiêu nguồn lực được phân bổ để giải quyết tình hình vùng?
- Những ghi chú liên quan đến các mục tiêu bằng số
 - Các mục tiêu bằng số phải được thiết lập để thấy lộ trình cần đạt được.
 - Các mục tiêu bằng số phải được thiết lập toàn diện bằng cách sử dụng mô hình khái niệm để bao hàm tất cả các chính sách.
 - Các chỉ số mục tiêu bằng số phải được thiết lập để giám sát.
- Những ghi chú quy hoạch liên quan đến nội dung của quy hoạch
 - Mô tả hệ thống QLCTR để được thiết lập vào năm mục tiêu có đầy đủ không?
 - Quy hoạch nên bao gồm không chỉ các kế hoạch xây dựng cơ sở xử lý mà còn các biện pháp cần thiết để cải thiện quản lý chất thải rắn.
 - Lựa chọn vị trí/địa điểm?
 - Các chương trình phân loại chất thải tại nguồn không thể là một mục tiêu nhưng là một công cụ.
 - Sự tham gia của cộng đồng là chìa khoá ở Việt Nam.
- Các công cụ quy hoạch
 - Một bảng tính mô tả "dòng chất thải" có thể được sử dụng như một công cụ quy hoạch hiệu quả.
 - Các mô hình mô phỏng bao gồm cả mô phỏng thu gom chất thải được sử dụng các công cụ mạnh cho quy hoạch.
- Những ghi chú quy hoạch liên quan đến khía cạnh thể chế
 - Làm thế nào để phối hợp với các quận/huyện được điều phối bởi tỉnh?




- Những ghi chú quy hoạch liên quan đến lập quy hoạch
 - Quy hoạch của ai?





5.3 Hoạt động 3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị.





- (1) Hoạt động 3-3-1. Giám sát thường xuyên việc thực hiện giai đoạn đầu các dự án ưu tiên có sự tham gia của cộng đồng về 3R ((a) Thúc đẩy sản xuất phân compost tại cộng đồng, (b) Thúc đẩy 3R thông qua các hoạt động phối hợp với cơ sở kinh doanh, (c) Thí điểm phân loại chất thải) thực hiện bởi Thừa Thiên Huế

Tiến độ thực hiện của các dự án ưu tiên được tóm tắt trong bảng sau đây.

Bảng 5-1 Tiến độ thực hiện các dự án ưu tiên tại Tỉnh Thừa Thiên Huế (1)




| Dự án/hoạt động | Địa điểm thực hiện | Tiến độ đến tháng 12 năm 2017 | Các vấn đề trong tương lai cập nhật đến tháng 12/2017 |
|--|---|--|--|
| 1-1. Thúc đẩy sản xuất phân hữu cơ tại cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> ● Phường Hương Xuân (80 hộ) | <ul style="list-style-type: none"> ● Hộ gia đình được yêu cầu phân loại chất thải hữu cơ. ● Chất thải hữu cơ được thu gom ba lần một tuần bằng xe đạp chuyên dụng.  <ul style="list-style-type: none"> ● Chất thải hữu cơ thu gom được chuyển đến thùng làm phân hữu cơ đặt trong địa bàn phường.  <ul style="list-style-type: none"> ● Phường quản lý thùng sản xuất phân hữu cơ.  <ul style="list-style-type: none"> ● Chất thải hữu cơ bên trong thùng đang phân hủy. | <ul style="list-style-type: none"> ● Làm thế nào để tận dụng phân hữu cơ có thể rất hiệu quả để thu hút thêm sự tham gia của cộng đồng. |

| Dự án/hoạt động | Địa điểm thực hiện | Tiến độ đến tháng 12 năm 2017 | Các vấn đề trong tương lai cập nhật đến tháng 12/2017 |
|--|---|--|---|
| | |  <ul style="list-style-type: none"> • Compost với chất lượng tốt được sản xuất.  | |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Xã Quảng Thọ (270 hộ) | <ul style="list-style-type: none"> • Chợ trong xã cũng tham gia vào cung cấp nguồn chất thải hữu cơ.  <ul style="list-style-type: none"> • Nhà trẻ ở trong xã cũng tham gia vào cung cấp nguồn chất thải hữu cơ.  <ul style="list-style-type: none"> • Khác với phường Hương Xuân, chất thải hữu cơ được thu gom cùng với các chất thải khác. Tải điễm cầu lên xe thu gom, chất thải hữu cơ được lấy ra và chuyển đến thùng làm phân hữu cơ. | <ul style="list-style-type: none"> • Khối lượng chất thải hữu cơ thu gom được khá ít, dẫn đến nhiệt độ ủ thấp. • Kỳ vọng thiết lập được hệ thống thu gom như phường Hương Xuân. |
| <p>1-2. Thúc đẩy 3R thông qua hợp tác với các cơ sở kinh doanh</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Phân loại tái chế tại các văn phòng ở toà nhà HCC | <ul style="list-style-type: none"> • Các nhân viên văn phòng được yêu cầu phân loại chất thải tái chế ra thành các bình nước uống và giấy. • Hai hộp thu gom chất thải tái chế được đặt ở mỗi tầng. • Các hộp được đặt ở vị trí cao hơn để phân biệt với thùng chứa chất thải khác. Chính sách phân biệt này nhằm mục đích thu hút sự chú ý của những người tham gia. | <ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện tốt |

| Dự án/hoạt động | Địa điểm thực hiện | Tiến độ đến tháng 12 năm 2017 | Các vấn đề trong tương lai cập nhật đến tháng 12/2017 |
|-----------------|--|---|--|
| | |  | |
| | <ul style="list-style-type: none"> Phân loại giấy văn phòng tại Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế | <ul style="list-style-type: none"> Hai thùng được đặt bên trong phòng làm việc. Một thùng đựng giấy đã sử dụng một mặt và một thùng đựng giấy đã sử dụng hai mặt.  | <ul style="list-style-type: none"> Đang thực hiện tốt |
| | <ul style="list-style-type: none"> Thu gom pin đã qua sử dụng tại HEPCO | <ul style="list-style-type: none"> Một thùng thu gom pin đã qua sử dụng được đặt bên trong trụ sở văn phòng của HEPCO.  <ul style="list-style-type: none"> Các nhân viên của HEPCO được yêu cầu mang pin đã qua sử dụng từ nhà của họ. Người dân sống xung quanh cũng được thu hút tham gia. | <ul style="list-style-type: none"> Đang thực hiện tốt |
| | <ul style="list-style-type: none"> Thu gom pin đã qua sử dụng tại khách sạn "La Residence" | <ul style="list-style-type: none"> Một thùng thu gom pin đã qua sử dụng được đặt ở bên trong khách sạn.  <ul style="list-style-type: none"> Các nhân viên của khách sạn được yêu cầu mang pin đã qua sử dụng từ nhà của họ. Chương trình này được coi là một chương trình CSR của khách sạn. | <ul style="list-style-type: none"> Đang thực hiện tốt |
| | <ul style="list-style-type: none"> Thu gom pin đã qua sử dụng tại khách sạn "Indochine" | <ul style="list-style-type: none"> Khách sạn này được khách sạn "La Residence" giới thiệu. Một thùng thu gom pin đã qua sử dụng được đặt ở bên trong khách sạn. | <ul style="list-style-type: none"> Đang thực hiện tốt |

| Dự án/hoạt động | Địa điểm thực hiện | Tiến độ đến tháng 12 năm 2017 | Các vấn đề trong tương lai cập nhật đến tháng 12/2017 |
|-----------------|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> Phân loại chất thải tại trường cấp hai “Nguyễn Tri Phương” | <ul style="list-style-type: none"> Các nhân viên của khách sạn được yêu cầu mang pin đã qua sử dụng từ nhà của họ. Các thùng phân loại chất thải được đặt bên trong các lớp học. Học sinh được yêu cầu mang đồ các thùng rác riêng biệt nhau. Các chai nước uống cũng được thu gom tại căng tin. Trường học cũng kết nối với các hoạt động liên quan như cuộc thi thiết kế logo cho thùng rác và làm các đồ từ chất thải tái chế. SGDĐT (Sở Giáo dục và Đào tạo) của tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên truyền đến các trường học khác. | <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống phân loại cần phải được cải thiện. Có thể có thêm các chương trình có sự tham gia để giáo dục học sinh. |



| Dự án/hoạt động | Địa điểm thực hiện | Tiến độ đến tháng 12 năm 2017 | Các vấn đề trong tương lai cập nhật đến tháng 12/2017 |
|-----------------------------------|---|--|---|
| 1-3. Thí điểm phân loại tại nguồn | <ul style="list-style-type: none"> Phân loại chất thải tái chế tại tòa nhà chung cư "VICOLAND" (300 hộ gia đình) | <ul style="list-style-type: none"> Trước khi áp dụng chương trình, hiện trạng quản lý chất thải rất kém.  <ul style="list-style-type: none"> Chất thải mục tiêu là chai nước uống, kim loại và giấy.  <ul style="list-style-type: none"> Thùng rác được rửa sạch.  | <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống phải được giám sát và cải thiện bởi chương trình mới bắt đầu được thực hiện. |

(2) Hoạt động 3-3-2. "Giám sát thường xuyên việc thực hiện giai đoạn đầu các dự án ưu tiên thúc đẩy quản lý tổng hợp chất thải rắn ((a) Phát triển các cơ sở xử lý, (b) Phối hợp với nhà máy xi măng, (c) Ban chỉ đạo QLCT tổng hợp, (d) Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy hoạch*) thực hiện bởi tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng 5-2 Tiến độ thực hiện các dự án ưu tiên tại Tỉnh Thừa Thiên Huế (2)

| Dự án/ hoạt động | Tiến độ tính đến tháng 12/2017 | Các vấn đề trong tương lai tính đến tháng 12/2017 |
|---|---|--|
| 4. Phát triển cơ sở xử lý tại Phú Sơn và Hương Bình | <ul style="list-style-type: none"> Quy hoạch phân khu cho Phú Sơn và Hương Bình Lựa chọn nhà đầu tư cho cơ sở xử lý tại Phú Sơn Điều phối với tỉnh Fukuoka liên quan đến việc phát triển bãi chôn lấp bán hiệu khí tại Phú Sơn (giai đoạn 2) và Hương Bình Hội thảo kỹ thuật có sự tham gia của các chuyên gia Nhật Bản | <ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn được một nhà đầu tư cho cơ sở xử lý tại Phú Sơn Hoàn thiện "Bản ghi nhớ" giữa tỉnh Fukuoka và tỉnh Thừa Thiên Huế liên quan đến sự hợp tác trong tương lai từ tỉnh Fukuoka |

| Dự án/ hoạt động | | Tiến độ tính đến tháng 12/2017 | Các vấn đề trong tương lai tính đến tháng 12/2017 |
|---|---|--|---|
| 5. Phối hợp với nhà máy xi măng | | <ul style="list-style-type: none"> Thảo luận với nhà máy xi măng Luks Phân tích hóa học tro đốt để chuyển đến quy trình sản xuất xi măng Hội thảo kỹ thuật có sự tham gia của các chuyên gia Nhật Bản | <ul style="list-style-type: none"> Sẽ cần tiếp tục thảo luận về vấn đề xử lý tro trong lò xi măng sau khi nhà máy xử lý tại Phú Sơn hoàn thiện |
| 6 Ban chỉ đạo quản lý chất thải tổng hợp để thực hiện quy hoạch | | <ul style="list-style-type: none"> Đã họp Ban chỉ đạo ba lần | <ul style="list-style-type: none"> Cuộc họp ban chỉ đạo cuối cùng sẽ được tổ chức vào tháng 1/2018 |
| Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy hoạch | 7-1 Xây dựng "Sổ tay dữ liệu" | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng "Sổ tay dữ liệu 2015" và "Sổ tay dữ liệu 2016" bao gồm các dữ liệu/thông tin về quản lý chất thải rắn tại tỉnh Thừa Thiên Huế | <ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục tổng hợp dữ liệu Vận dụng tối đa các sổ tay dữ liệu |
| | 7-2. Áp dụng hệ thống tài chính toàn diện | <ul style="list-style-type: none"> Đề xuất hệ thống tài chính cho quản lý chất thải rắn theo vùng | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng hệ thống tài chính cho Phú Sơn và Hương Bình |

(3) Kế hoạch mở rộng các dự án ưu tiên trong tương lai

Ban chỉ đạo thực hiện quy hoạch kết luận sẽ tiếp tục và mở rộng các dự án ưu tiên. Kế hoạch mở rộng được đính kèm trong Phụ trương 3-4 và tóm tắt trong bảng dưới đây:

Chi phí cần thiết để mở rộng dự án ưu tiên được tính toán và đưa ra trong Phụ trương.

Ban chỉ đạo (tương ứng với mục "6. Ban chỉ đạo quản lý chất thải tổng hợp") là việc tổ chức một cuộc họp với sự chủ trì của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và sự tham gia của đại diện các sở, ban, ngành liên quan nhằm mục tiêu thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải tại đây.

Bảng 5-3 Kế hoạch mở rộng các dự án ưu tiên

| | Chương trình | Đã thực hiện trong dự án | 2018 | 2019 | 2020 |
|-------------------|---|---|---|--|---|
| Dự án ưu tiên 1 | Sản xuất phân hữu cơ tại cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> Hương Xuân Quảng Thọ | Mở rộng thêm ở hai cộng đồng nữa | Mở rộng thêm ở hai cộng đồng nữa | Mở rộng thêm ở hai cộng đồng nữa |
| Dự án ưu tiên 2-1 | Hoạt động tái chế tại các trường học | Trường cấp 2 Nguyễn Tri Phương | Mở rộng thêm ở hai trường học nữa | Mở rộng thêm ở hai trường học nữa | Mở rộng thêm ở hai trường học nữa |
| Dự án ưu tiên 2-2 | Thu gom pin | <ul style="list-style-type: none"> Khách sạn La residence Khách sạn Indochina HEPCO | Mở rộng thêm ở ba đơn vị nữa | Mở rộng thêm ở ba đơn vị nữa | Mở rộng thêm ở ba đơn vị nữa |
| Dự án ưu tiên 2-3 | Phân loại ở các tòa nhà văn phòng | Tòa nhà HCC | Mở rộng thêm ở hai tòa nhà nữa | Mở rộng thêm ở hai tòa nhà nữa | Mở rộng thêm ở hai tòa nhà nữa |
| Dự án ưu tiên 2-4 | Phân loại giấy ở các văn phòng cơ quan nhà nước | SXD | Mở rộng thêm ở một số Sở/ban ngành khác | Một nửa số văn phòng, cơ quan thuộc tỉnh | Tất cả các văn phòng ở tỉnh |
| Dự án ưu tiên 3 | Phân loại ở các tòa nhà chung cư | Vicoland | Mở rộng thêm ở một tòa nhà chung cư nữa | Mở rộng thêm ở một tòa nhà chung cư nữa | Mở rộng thêm ở một tòa nhà chung cư nữa |
| Dự án ưu tiên 4 | Phát triển cơ sở xử lý | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng bãi chôn lấp ở Phú Sơn Kêu gọi nhà đầu tư cho Phú Sơn | <ul style="list-style-type: none"> Thời gian dự kiến bắt đầu cơ sở xử lý tại Phú Sơn (BQL) | Chuẩn bị cho Hương Bình (BQL) | Bắt đầu xây dựng ở Hương Bình (BQL) |

| | Chương trình | Đã thực hiện trong dự án | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----------------|---|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> Quy hoạch phân khu cho Hương Bình Hợp tác với tỉnh Fukuoka cho bãi chôn lấp bán hiếu khí ở Hương Bình | <ul style="list-style-type: none"> Mời thầu cho Hương Bình (BQL) | | |
| Dự án ưu tiên 5 | Phối hợp với nhà máy xi măng | <ul style="list-style-type: none"> Phân tích thành phần hóa học của tro Thảo luận với các nhà máy xi măng | <ul style="list-style-type: none"> Thảo luận với một nhà máy xi măng dựa vào bã thải Đàm phán về chi phí Chuyển tro đến nhà máy xi măng sau khi đưa thử tro vào nhà máy | Tiếp tục | Thảo luận về chuyển tro từ Hương Bình |
| Dự án ưu tiên 6 | Sổ tay dữ liệu | Sổ tay dữ liệu 2015 | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng sổ tay dữ liệu 2017 Cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng sổ tay dữ liệu 2018 Cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng sổ tay dữ liệu 2019 Cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm |
| Dự án ưu tiên 7 | Hệ thống tài chính vùng cho Phú Sơn và Hương Bình | Thiết kế cơ bản | Thiết kế chi tiết để áp dụng cho Phú Sơn | Tiếp tục | Thiết kế chi tiết để áp dụng cho Hương Bình |
| Ban chỉ đạo | Ban chỉ đạo | Hai lần | Hai lần | Hai lần | <ul style="list-style-type: none"> Hai lần Đánh giá Quy hoạch |

(4) “Cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm” giữa các thành viên tham gia

Hội thảo được tổ chức vào ngày 27/11/2017 để chia sẻ các kinh nghiệm của các thành viên tham gia trong chương trình tái chế có sự tham gia của cộng đồng bao gồm sản xuất phân hữu cơ tại cộng đồng, các hoạt động 3R với các cơ sở kinh doanh và phân loại tại nguồn trong khu chung cư.

Địa điểm thực hiện cũng là một đơn vị tham gia: khách sạn “La Residence”.

Sau buổi họp, các thành viên tham gia đã đi tham quan bãi chôn lấp Thủy Phương để chia sẻ hiện trạng.



Hình 5-2 Các thành viên tham gia “Cuộc họp trao đổi kinh nghiệm”

5.4 Hoạt động 3-4 Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR dựa trên các hoạt động 3-2 và 3-3

Cần phải chỉ ra rằng hầu hết các quy hoạch quản lý chất thải rắn tại Việt Nam chỉ tập trung vào việc chỉ ra địa điểm xây dựng các khu xử lý chất thải rắn. Quy mô cụ thể cũng như kế hoạch thời gian phát triển các khu xử lý chất thải rắn hầu như chưa được đề cập. Ngoài ra, việc phân tích khối lượng chất thải rắn phát sinh trong tương lai và so sánh với các lựa chọn về quản lý chất thải rắn khả thi chưa được thực hiện một cách khoa học. Thứ ba là, một số các khía cạnh quan trọng liên quan đến thu hút sự tham gia của cộng đồng còn chưa được đề cập.

Thông qua kinh nghiệm xây dựng toàn diện quy hoạch quản lý chất thải rắn cho tỉnh Thừa Thiên Huế của dự án Chất thải rắn Việt Nam, tài liệu hướng dẫn này được xây dựng nhằm giải quyết các vấn đề đã nêu trên đây đối với các địa phương.

Tài liệu sẽ giải thích cách thức và nội dung quy hoạch theo từng bước lập quy hoạch. Một số các công cụ khoa học được sử dụng trong quá trình lập quy hoạch tại tỉnh Thừa Thiên Huế cũng được giới thiệu trong tài liệu này. Các ví dụ cụ thể từ quy hoạch của Thừa Thiên Huế cũng được lồng ghép trong nội dung các bước để người đọc dễ hiểu hơn

- Bước 1: Xác định các nhóm vấn đề
- Bước 2: Tính toán và dự báo khối lượng chất thải
- Bước 3: Giải pháp cho mỗi nhóm vấn đề
- Bước 4: Thiết lập các mục tiêu định lượng
- Bước 5: Tổng hợp tất cả các giải pháp dưới hình thức QH
- Bước 6: Sắp xếp tài chính và thể chế
- Bước 7: Các dự án ưu tiên

6. TÓM TẮT CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN (ĐẦU RA 0: QUẢN LÝ DỰ ÁN)

6.1 Hoạt động 0-1. Xây dựng các nội dung truyền thông của dự án

Một số ấn phẩm truyền thông đã được xây dựng. Đó là 1) Bản tin dự án, 2) “Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam” bao gồm một số dữ liệu tổng hợp lấy từ biểu mẫu thu thập dữ liệu và 3) “Các sổ tay” giới thiệu các thông tin liên quan đến QLCTR.

Ba bản tin đã được xuất bản. Hai tài liệu “Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam” bao gồm dữ liệu năm 2015 và 2016 đã được xuất bản. Ba “Sổ tay” và thêm hai tài liệu nữa đã được in. Đó là:

- Sổ tay số 1 “Chính sách quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Nhật Bản”
- Sổ tay số 2 “Giới thiệu ‘Các tài liệu hướng dẫn’ quản lý chất thải rắn”
- Sổ tay số 3 “Chương trình tái chế có sự tham gia của cộng đồng – Một bước cho phân loại tại nguồn”
- Giới thiệu “Các văn bản pháp luật chính về quản lý chất thải rắn tại Việt Nam”
- Tờ rơi “Các vấn đề và thách thức đối với quản lý chất thải rắn tại Việt Nam”

Tất cả các ấn phẩm đều được xây dựng bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

6.2 Hoạt động 0-2. Đánh giá năng lực

(1) Đánh giá năng lực (1)

Đánh giá năng lực được tiến hành với các đối tác của dự án bao gồm cả tỉnh Thừa Thiên Huế.

a) Kế hoạch đánh giá năng lực

Kế hoạch đánh giá năng lực được xây dựng và tóm tắt như dưới đây.

i) Các năng lực cần được tăng cường

Dựa vào Ma trận thiết kế dự án, những năng lực cần được tăng cường có thể được tóm tắt dưới đây.

- Đối với Bộ Xây dựng
 - Năng lực xác định các vấn đề của địa phương và đưa ra giải pháp
 - Năng lực đề xuất những chính sách hỗ trợ
 - Năng lực giám sát tiến độ của chính sách
 - Năng lực rà soát các chính sách của địa phương
- Đối với thành phố Hà Nội và Thừa Thiên Huế
 - Năng lực xác định các vấn đề của địa phương và đưa ra giải pháp
 - Năng lực thực hiện các chính sách ở địa phương

ii) Phương pháp đánh giá

Năng lực sẽ được đánh giá ở cấp độ cá nhân, tổ chức và thể chế/xã hội bởi từng bảng hỏi.

b) Kết quả đánh giá năng lực

Theo kế hoạch đánh giá năng lực, bảng khảo sát cơ bản được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2014, và kiểm tra tiến độ được thực hiện vào tháng 1 năm 2016.

i) Năng lực của cá nhân

Năng lực của cá nhân được giám sát và lưu lại. Trong cuộc khảo sát cơ bản, tập trung vào năng lực để xác định các vấn đề hiện tại. Trong năm thứ hai, tập trung vào năng lực xây dựng chính

sách và các giải pháp phụ thuộc vào cấp chính quyền trung ương và cấp thành phố/quận/huyện.

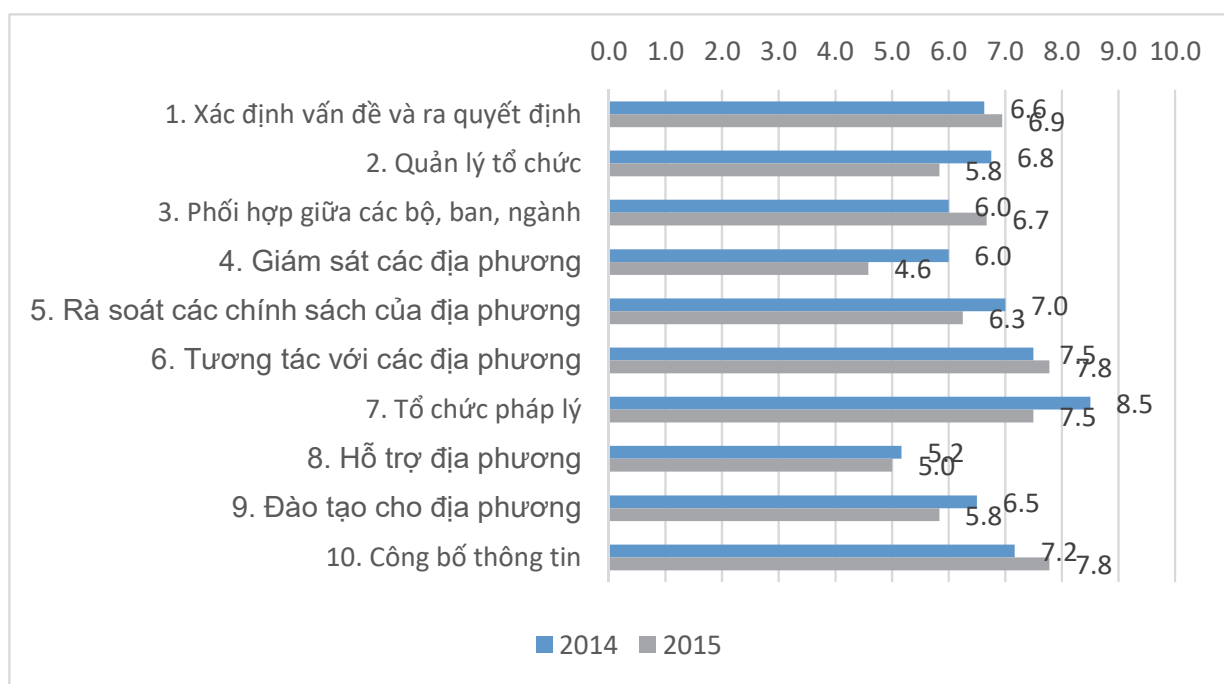
ii) Năng lực của tổ chức và thể chế/xã hội

Trong khảo sát cơ bản, những người tham gia khảo sát được hỏi để đánh giá năng lực ở cấp độ tổ chức và thể chế/xã hội, và kết quả được chỉ ra dưới đây.

<BXD>

Đã khảo sát các năng lực cần được tập trung tăng cường. Các năng lực dưới đây cần được tăng cường cho BXD.

- Năng lực giám sát các địa phương là năng lực quan trọng nhất cần được tăng cường.
- Năng lực hỗ trợ các địa phương cần được tăng cường.
- Quản lý thể chế và tập huấn cho địa phương cần được tăng cường.

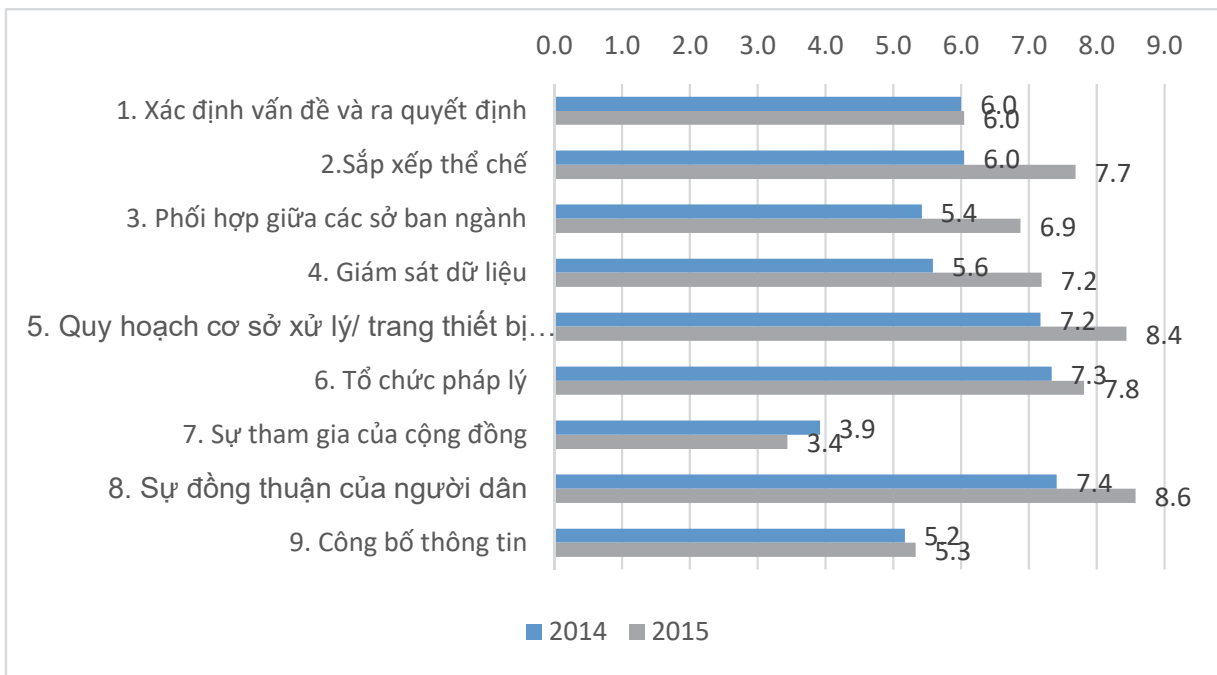


Hình 6-1 Đánh giá năng lực ở cấp độ tổ chức và thể chế/xã hội đối với BXD (2014 và 2015)

<Thành phố Hà Nội>

Các năng lực tập trung cho Hà Nội cần được tiếp tục tăng cường:

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng,
- Truyền thông,
- Phối hợp giữa các sở ban ngành và
- Xác định vấn đề và ra quyết định.

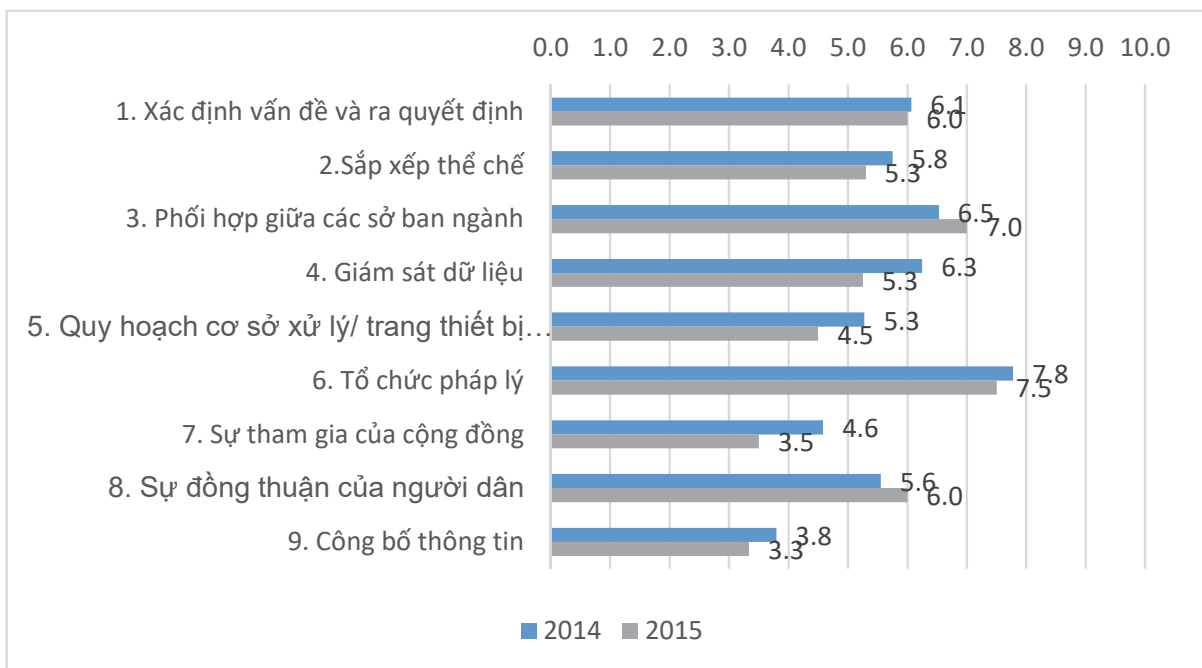


Hình 6-2 Đánh giá năng lực ở cấp độ tổ chức và thể chế/xã hội tại thành phố Hà Nội (2014 và 2015)

<Tỉnh Thừa Thiên Huế>

Các vấn đề tập trung chính trong phát triển năng lực tại tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Công bố thông tin
- Thu hút sự tham gia của cộng đồng
- Lên kế hoạch thiết bị/ các cơ sở xử lý trong tương lai
- Sự hài lòng của cộng đồng
- Sắp xếp thể chế



Hình 6-3 Đánh giá năng lực ở cấp độ tổ chức và thể chế/xã hội tại tỉnh Thừa Thiên Huế (2014 và 2015)

(2) Đánh giá năng lực (2)

Theo khuyến nghị của Đoàn nghiên cứu đánh giá cuối kỳ, JET đã đề xuất biểu mẫu đánh giá năng lực mới tới PMU và tiến hành thực hiện khảo sát đánh giá năng lực này vào tháng 1/2018 vào thời điểm cuối kỳ của Dự án. Kết quả thu được như sau

Bảng 6-1 Kết quả đánh giá năng lực tiến hành vào tháng 1/2018 <BXD>

| | | | | | | |
|--|---|---|---|---|--|------------------|
| Cán bộ trả lời (Tên & Vị trí) → | Bà Đặng Anh Thư Trưởng phòng Quản lý chất thải rắn - Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) Quản lý dự án Đầu ra 1 - Dự án Chất thải rắn Việt Nam | | | | | |
| Hạng mục Đánh giá năng lực | Điểm đánh giá (1-5) | | | | | |
| 1. Các tài liệu hướng dẫn | 1. Các Tài liệu hướng dẫn đã xây dựng được hơn 80% cán bộ của phòng Quản lý Chất thải rắn, Cục HTKT biết đến. | 2. Hơn 80% cán bộ của phòng Quản lý Chất thải rắn, Cục HTKT biết nội dung của các Tài liệu hướng dẫn đã xây dựng. | 3. Các Tài liệu hướng dẫn được sử dụng để hướng dẫn các địa phương 1 lần/năm. | 4. Các Tài liệu hướng dẫn được sử dụng để hướng dẫn các địa phương vài lần/năm. | 5. Các Tài liệu hướng dẫn được Cục HTKT điều chỉnh hàng năm dựa trên kinh nghiệm thực tế hướng dẫn tại các địa phương. | Ghi chú (nếu có) |
| Ứng dụng các tài liệu hướng dẫn (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | | + | | |
| 2. Quản lý dữ liệu | 1. Dữ liệu không được thu thập hàng năm | 2. Dữ liệu được thu thập hàng năm nhưng chưa được tổng hợp. | 3. Dữ liệu được tổng hợp hàng năm nhưng chưa được công bố. | 4. Các dữ liệu được tổng hợp và phân tích được công bố hàng năm. | 5. Các dữ liệu sau khi phân tích được sử dụng để xây dựng và giám sát thực hiện các chỉ số sách | Ghi chú (nếu có) |
| Thu thập, tổng hợp và công bố dữ liệu (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | | + | | |

Bảng 6-2 Kết quả đánh giá năng lực tiến hành vào tháng 1/2018 <SXD Hà Nội>

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|------------------|
| Cán bộ trả lời (Tên & Vị trí) → | Ông Nguyễn Văn Quý Phó trưởng phòng quản lý Hạ tầng kỹ thuật - Sở Xây dựng Hà Nội | | | | | |
| Hạng mục Đánh giá năng lực | Điểm đánh giá (1-5) | | | | | |
| 1. Chất thải rắn sinh hoạt | 1. Chưa có dự án xây dựng lò đốt (công suất trên 1000 tấn/ngày) được thiết lập | 2. Đã có một dự án xây dựng lò đốt (công suất trên 1000 tấn/ngày) được thiết lập | 3. Đã có hơn hai dự án xây dựng lò đốt (công suất trên 1000 tấn/ngày) được thiết lập | 4. Một lò đốt (công suất trên 1000 tấn/ngày) đang được xây dựng hoặc đã đi vào hoạt động. | 5. Một vài lò đốt (công suất trên 1000 tấn/ngày) đang được xây dựng hoặc đã đi vào hoạt động. | Ghi chú (nếu có) |
| Xây dựng các lò đốt với quy mô thường (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | + | | | | |
| 2. Chất thải rắn xây dựng | 1. Không có hành động nào được thực hiện đối với chất thải rắn xây dựng. | 2. Có ít hơn năm công trình xây dựng lớn (trừ các công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ) đang được giám sát và kiểm soát bởi SXD. | 3. Các công trình xây dựng lớn (trừ các công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ) đang được giám sát và kiểm soát bởi SXD. | 4. Một cơ sở tái chế chất thải rắn xây dựng đã được xây dựng hoặc đưa vào vận hành | 5. Có hơn một cơ sở tái chế chất thải rắn xây dựng đã được xây dựng hoặc đưa vào vận hành | Ghi chú (nếu có) |
| Chính sách đối với chất thải rắn xây dựng (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | + | | | |
| 3. Phân bùn bể tự hoại | 1. SXD chưa có sự trao đổi với các đơn vị thu gom tư nhân | 2. SXD đã có các cuộc họp định kỳ với các đơn vị thu gom tư nhân | 3. Khối lượng phân bùn xử lý tại nhà máy xử lý Cầu Diễn đạt hơn 150 tấn/ngày (một nửa công suất tối đa). | 4. Nhà máy xử lý phân bùn tại Cầu Diễn được sử dụng tối đa công suất và một nhà máy mới đã được lên kế hoạch | 5. Thành phố Hà Nội đã áp dụng các giải pháp tổng thể trong quản lý phân bùn bể tự hoại | Ghi chú (nếu có) |
| Tăng cường quản lý phân bùn bể tự hoại (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | + | | | | | |

Bảng 6-3 Kết quả đánh giá năng lực tiến hành vào tháng 1/2018 < Tỉnh Thừa Thiên Huế >

| | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|------------------|
| Cán bộ trả lời (Tên & Vị trí) → | Ông Nguyễn Đại Viên Phó Giám đốc Sở Xây dựng - Tỉnh Thừa Thiên Huế Quản lý Dự án Đầu ra số 3 - Dự án Chất thải rắn Việt Nam | | | | | |
| Hạng mục Đánh giá năng lực | Điểm đánh giá (1-5) | | | | | |
| 1. Ban chỉ đạo ("Ban tổng hợp quản lý chất thải) thực hiện Quy hoạch QLTHCTR | 1. Ban chỉ đạo chưa được tổ chức hàng năm | 2. Ban chỉ đạo được tổ chức hàng năm | 3. Ban chỉ đạo giám sát thực hiện các dự án ưu tiên | 4. Giải pháp cải thiện thực hiện các dự án ưu tiên đã được chủ động thảo luận bởi Ban chỉ đạo và Ban chỉ đạo đã đưa ra định hướng chính xác để thực hiện. | 5. Việc điều chỉnh Quy hoạch QLCTR đã được Ban chỉ đạo thảo luận thông qua kinh nghiệm thực hiện các dự án ưu tiên | Ghi chú (nếu có) |
| Vai trò của Ban chỉ đạo (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | | + | | |
| 2. Các cơ sở xử lý cần thiết | 1. Điểm mấu chốt trong kêu gọi, lựa chọn và giám sát nhà đầu tư và thiết lập hệ thống tài chính đảm bảo đủ lượng chất thải cho các cơ sở xử lý được hiểu rõ bởi ít hơn 50% các cán bộ của các bộ phận phụ trách. | 2. Điểm mấu chốt trong kêu gọi, lựa chọn và giám sát nhà đầu tư và thiết lập hệ thống tài chính đảm bảo đủ lượng chất thải cho các cơ sở xử lý được hiểu rõ bởi nhiều hơn 50% các cán bộ của các bộ phận phụ trách. | 3. Kêu gọi, lựa chọn và giám sát nhà đầu tư và thiết lập hệ thống tài chính đảm bảo đủ lượng chất thải cho cơ sở xử lý đang được cố gắng thực hiện tại ít nhất một cơ sở xử lý. | 4. Kêu gọi, lựa chọn và giám sát nhà đầu tư và thiết lập hệ thống tài chính đảm bảo đủ lượng chất thải cho cơ sở xử lý đang được thực hiện tại ít nhất một cơ sở xử lý. | 5. Các kiến thức và quy trình kêu gọi, lựa chọn và giám sát nhà đầu tư và thiết lập hệ thống tài chính đảm bảo đủ lượng chất thải cho cơ sở xử lý đã được chia sẻ giữa các bộ phận liên quan. | Ghi chú (nếu có) |
| Tiến độ phát triển các cơ sở xử lý cần thiết (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | | + | | |
| 3. Sổ tay dữ liệu | 1. Sổ tay dữ liệu chưa được xây dựng hàng năm. | 2. Sổ tay dữ liệu đã được xây dựng hàng năm | 3. Sổ tay dữ liệu đã được công bố hàng năm | 4. Sổ tay dữ liệu đã được sử dụng để nâng cao nhận thức người dân ít nhất một lần mỗi năm | 5. Sổ tay dữ liệu đã được sử dụng để nâng cao nhận thức người dân nhiều hơn một lần mỗi năm. | Ghi chú (nếu có) |
| Ứng dụng sổ tay dữ liệu (Vui lòng điền số điểm hoặc chú thích vào ô tương ứng) | | | | + | | |

6.3 Hoạt động 0-3. Tổ chức các khóa tập huấn kỹ thuật tại Nhật Bản

Có bốn khóa tập huấn tại Nhật Bản được tổ chức trong giai đoạn một, và bốn khóa tập huấn nữa được tổ chức trong giai đoạn hai. Các thành viên tham gia và chương trình được nêu trong Bảng 6-4 và Bảng 6-5.

Bảng 6-4 Thành phần tham gia trong các khóa tập huấn

| Tổ chức | Khóa thứ nhất | Khóa thứ hai | Khóa thứ ba | Khóa thứ tư | Khóa thứ năm | Khóa thứ sáu | Khóa thứ bảy | Khóa thứ tám |
|---------------------------------------|---------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| BXD | 4 | 5 | 4 | 3 | 6 | 6 | 6 | 5 |
| Các bộ ngành liên quan | 2 | 2 | 1 | - | - | - | - | 2 |
| SXD Hà Nội | 2 | 3 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 |
| URENCO Hà Nội | 2 | 2 | 1 | 1 | - | 1 | 1 | 1 |
| Các tổ chức liên quan khác tại Hà Nội | - | - | 1 | 2 | - | - | - | - |
| Tỉnh Thừa Thiên Huế | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 | - | - | 1 |
| Các địa phương khác | - | - | 3 | 5 | 4 | 3 | 5 | 2 |
| Tổng | 12 | 13 | 14 | 15 | 12 | 11 | 14 | 12 |

Bảng 6-5 Các chương trình tập huấn tại Nhật Bản

| | Ngày | Sáng | Chiều |
|---------------------------------|--------------------|--|---|
| Khóa tập huấn đầu tiên năm 2014 | 2/11 (Chủ nhật) | Di chuyển đến Nhật Bản (VN310) Đến Nhật Bản, NARITA | |
| | 3/11 (Thứ 2) | Giới thiệu tổng quan về chuyên học tập Thực hiện bởi JICA Địa điểm: TIC SR410 | Bài giảng “Định hướng Chương trình 1” “Quản lý tổng hợp CTR – Cơ chế hoạt động” Thực hiện bởi: Ts. Mitsuo Yoshida, JICA Bài giảng “Định hướng Chương trình 2” Thực hiện bởi: Ông Hideki Wada Địa điểm: TIC SR410 |
| | 4/11 (Thứ 3) | Bài giảng 1: Cơ chế luật pháp và hoạch định chính sách quản lý CTR ở Nhật Bản Bài giảng 2: Cơ chế hoạch định chính sách ở Nhật Bản Bài giảng 3: Cơ chế thực hiện chính sách giảm thiểu chất thải ở Nhật Bản Bài giảng 4: Cơ chế quản lý các cơ sở xử lý CTR ở Nhật Bản Bài giảng 5: Cơ chế giám sát ở Nhật Bản Thực hiện bởi Ông/Bà Ryuji Tomisaka, Jun Daito, và Naruo Arakaki Bộ Môi trường Địa điểm: TIC SR409 | |
| | 5/11 (Thứ 4) | Bài giảng: Cơ chế và Chính sách Tái chế ở Nhật Bản Thực hiện bởi: Dai Shiota, Bộ Kinh tế, Thương nghiệp và Công nghiệp Địa điểm: TIC SR409 | Bài giảng Cơ chế chính sách và luật tái chế vật liệu xây dựng ở Nhật Bản Thực hiện bởi: Manabu Doi, Bộ Đất đai, Hạ Tầng, Giao thông và Du lịch Địa điểm: TIC SR409 |
| | 6/11 (Thứ 5) | Rời TIC bằng xe bus Bài giảng Giới thiệu về Hệ thống Khu Siêu sinh thái Địa điểm: Chính quyền Thủ đô Tokyo | Tham quan: Cơ sở tái chế chất thải xây dựng Địa điểm: Khu Siêu sinh thái Tokyo 14:45-16:15 Tham quan: Cơ sở xử lý chất thải thiết bị thông tin |
| | 7/11 (Thứ 6) | Rời TIC bằng xe bus Bài giảng: Quy hoạch quản lý chất thải và hệ thống quản lý ở Chuo-ku, Tokyo Tham quan: Nhà máy vệ sinh Chuo | Các bài thuyết trình của người tham gia chương trình. Địa điểm: TIC SR407 |
| | 8/11 (Thứ 7) | Khởi hành về Hà Nội (VN311) Đến Hà Nội | |

| | Ngày | Sáng | Chiều |
|------------------------------|---------------------|--|---|
| Khóa tập huấn thứ 2 năm 2014 | 15/11 (Thứ bảy) | | Khởi hành đến Nhật Bản (JL752) |
| | 16/11 (Chủ nhật) | Đến Nhật Bản | |
| | 17/11 (Thứ 2) | Giới thiệu tổng quan về chuyến học tập Thực hiện bởi JICA Địa điểm: TIC SR302 | Bài giảng: Định hướng chương trình 1 Thực hiện bởi: Ts. Mitsuo Yoshida, JICA Bài giảng Định hướng Chương trình 2 Thực hiện bởi: Ông Hideki Wada Địa điểm: TIC SR302 |
| | 18/11 (Thứ 3) | Bài giảng 1: Cơ chế luật pháp và hoạch định chính sách quản lý CTR ở Nhật Bản Bài giảng 2: Cơ chế hoạch định chính sách ở Nhật Bản Bài giảng 3: Cơ chế thực hiện chính sách giảm thiểu chất thải ở Nhật Bản Bài giảng 4: Cơ chế quản lý các cơ sở xử lý CTR ở Nhật Bản Bài giảng 5: Cơ chế giám sát ở Nhật Bản Thực hiện bởi Ông/Bà Ryuji Tomisaka, Jun Daito, và Naruo Arakaki Bộ Môi trường Địa điểm: TIC SR408 | |
| | 19/11 (Thứ 4) | Bài giảng: Cơ chế và Chính sách Tái chế ở Nhật Bản Thực hiện bởi: Dai Shiota, Bộ Kinh tế, Thương nghiệp và Công nghiệp Địa điểm: TIC SR302 | Bài giảng: Cơ chế chính sách và luật tái chế vật liệu xây dựng ở Nhật Bản Thực hiện bởi: Manabu Doi, Bộ Đất đai, Hạ Tầng, Giao thông và Du lịch Địa điểm: TIC SR302 |
| | 20/11 (Thứ 5) | Rời TIC bằng xe bus Tham quan thực tế: Các điểm thu gom (2 điểm) Bài giảng: Hệ thống quản lý và cơ chế chính sách ở thành phố Chigasaki tại Văn phòng chất thải Thành phố Chigasaki Tham quan: Cơ sở xử lý đốt ở thành phố Chigasaki Tham quan: Bãi chôn lấp ở thành phố Chigasaki Tham quan: Trung tâm tái chế Samukawa Tham quan: Cơ sở xử lý phân bắc Samakawa Hỏi đáp ở văn phòng chất thải thành phố Kawasaki Quay về TIC | |
| | 21/11 (Thứ 6) | Rời TIC bằng xe bus Tham quan: Cơ sở sơ chế chất thải thực phẩm, Trạm trung chuyển Địa điểm: Công ty TNHH Sinh thái Adachi ku, Tokyo, Watami. Di chuyển | Tham quan Cơ sở tái chế Địa điểm: Công ty TNHH Sinh thái Sanmu, Chiba, Watami. Di chuyển |
| | 22/11 (Thứ bảy) | - | |
| | 23/11 (Chủ nhật) | - | |
| | 24/11 (Thứ 2) | - | |
| | 25/11 (Thứ 3) | Rời TIC bằng xe bus Bài giảng: Hệ thống và cơ chế các khu liên hợp xử lý Địa điểm: Trung tâm Quản lý Môi trường Tỉnh Saitama | Tham quan: Trung tâm Quản lý Môi trường Tỉnh Saitama (Khu Chôn lấp) Khu Liên hợp Nhà máy Tái chế Tài nguyên SAI-no-KUNI (Tái chế) |
| | 26/11 (Thứ 4) | Rời TIC bằng xe bus Bài giảng: Sự kết hợp giữa các thành phố về quản lý chất thải rắn. Tham quan: Nhà máy đốt ở Hiệp hội đô thị Osato | Bài giảng: Phối hợp quản lý giữa thành phố Hidaka and Nhà máy Xi măng Tham quan: Công ty TNHH Xi măng Chichibu Taiheiyo. |
| | 27/11 (Thứ 5) | Rời TIC bằng xe bus Tham quan: Nhà máy sản xuất Viên nhiên liệu tái chế, Ichikawa Kankyo Engineering | Tham quan: Cơ sở xử lý Chất thải xây dựng, Công ty TNHH TAKEEI. |
| | 28/11 (Thứ 6) | Chuẩn bị các bài thuyết trình Địa điểm: TIC SR302 | Các bài thuyết trình của người tham gia chương trình Địa điểm: TIC SR302 |

| | Ngày | Sáng | Chiều |
|------------------------------|---------------------|---|--|
| | 29/11 (Thứ 7) | - | Khởi hành về Hà Nội (JL751) Đến Hà Nội |
| Khóa tập huấn thứ 3 năm 2015 | 1/7 (Thứ 4) | Khởi hành từ Nội Bài Đến sân bay Narita | JICA giới thiệu chương trình |
| | 2/7 (Thứ 5) | Giới thiệu của JET Bài giảng của Bộ Môi Trường Nhật Bản về chính sách thúc đẩy phát triển cơ sở xử lý. | Bài giảng "Sáng kiến tư nhân về QLCTR" và thảo luận với một chuyên gia |
| | 3/7 (Thứ 6) | Bài giảng về lịch sử, lựa chọn địa điểm, vận hành và quản lý của Trung tâm Vệ sinh Musashino | Bài giảng về Quản lý chất thải rắn vùng của Hiệp hội Vệ sinh Fujimi (Thành phố Chofu và Tp. Mitaka) |
| | 4/7 (Thứ bảy) | - | |
| | 5/7 (Chủ nhật) | - | |
| | 6/7 (Thứ 2) | (Di chuyển bằng tàu cao tốc Shinkansen) | Bài giảng Lập kế hoạch xây dựng cơ sở xử lý của Tp. Shizuoka |
| | 7/7 (Thứ 3) | Tham quan khu thu gom, vận chuyển, lò đốt và khu chôn lấp rác ở Tp. Shizuoka | (Di chuyển bằng tàu cao tốc Shinkansen) |
| | 8/7 (Thứ 4) | Bài giảng về PFI và Hợp đồng của Tp. Hiratsuka | Tham quan cơ sở lò đốt ở Trung tâm môi trường Hiratsuka |
| | 9/7 (Thứ 5) | Bài giảng về PFI và Hợp đồng của Tp. Kimitsu | Tham quan Trung tâm vệ sinh Kazusa ở Tp. Kimitsu |
| | 10/7 (Thứ 6) | Thuyết trình | (Chuẩn bị dữ liệu) |
| | 11/7 (Thứ 7) | | Khởi hành từ Narita Về đến Hà Nội |
| Khóa tập huấn thứ 4 năm 2015 | 13/10 (Thứ 3) | Khởi hành từ sân bay Nội Bài Đến sân bay Narita | |
| | 14/10 (Thứ 4) | JICA giới thiệu Địa điểm: JICA Tokyo | Tham quan bảo tàng Edo- Tokyo, Lịch sử Nhật Bản (có một phần về QLCT) |
| | 15/10 (Thứ 5) | JET giới thiệu Địa điểm: JICA Tokyo | Bài giảng của Bộ Môi trường về lập kế hoạch và thực hiện quản lý chất thải ở Nhật Bản Địa điểm: JICA Tokyo |
| | 16/10 (Thứ 6) | Bài giảng của tỉnh Kanagawa về lập kế hoạch xử lý chất thải, quy hoạch vùng và quy hoạch thúc đẩy phân loại tại nguồn Địa điểm: Yokohama | Bài giảng về hệ thống đào tạo và cấp phép thực hiện bởi Trung tâm Vệ sinh Môi trường Nhật Bản Địa điểm: Yokohama |
| | 17/10 (Thứ bảy) | (Sắp xếp nội dung) | |
| | 18/10 (Chủ Nhật) | (Sắp xếp nội dung) | |
| | 19/10 (Thứ 2) | Bài giảng của thành phố Kawasaki về lập kế hoạch quản lý chất thải. | Tham quan khu xử lý trên biển, cơ sở tái chế (thùng đựng, nhựa, giấy...), địa điểm và phương tiện thu gom ở thành phố Kawasaki |
| | 20/10 (Thứ 3) | Bài giảng của thành phố Ichikawa về lập kế hoạch quản lý chất thải Tham quan lò đốt và cơ sở sử dụng nhiệt năng | Tham quan cơ sở xử lý chất thải không đốt được |
| | 21/10 (Thứ 4) | Giới thiệu qua DVD Tham quan lò đốt và cơ sở xử lý chất thải công kênh | Bài giảng của thành phố Hino về chính sách giảm thiểu chất thải |
| | 22/10 (Thứ 5) | (Sắp xếp nội dung) | |
| | 23/10 (Thứ 6) | Di chuyển đến thành phố Saky bằng xe bus | Bài giảng của thành phố Saku về lập kế hoạch quản lý chất thải Tham quan cơ sở chế biến phân hữu cơ |
| | 24/10 (Thứ 7) | (Sắp xếp nội dung) | |

| | Ngày | Sáng | Chiều |
|------------------------------|-------------------|---|---|
| | 25/10 (CN) | (Sắp xếp nội dung) | Bài giảng về quản lý các công ty và người tiêu dùng thực hiện bởi Hiệp hội các chuyên gia người tiêu dùng Nhật Bản (NACS) Di chuyển đến Tp. Tokushima bằng máy bay |
| | 26/10 (Thứ 2) | Bài giảng về chính sách Không chất thải ở thị trấn Kamikatsu. | Tham quan các khu vực phân loại tại nguồn và cơ sở kinh doanh tái chế... |
| | 27/10 (Thứ 3) | Bài giảng của tỉnh Tokushima về lập kế hoạch quản lý chất thải | Di chuyển về Tokyo bằng máy bay |
| | 28/10 (Thứ 4) | Bài giảng về chính sách chất thải xây dựng ở Nhật Bản thực hiện bởi Ông Shimada Địa điểm: JICA Tokyo | Tham quan cơ sở chất thải xây dựng hỗn hợp Ở thành phố Tokorozawa |
| | 29/10 (Thứ 5) | Tham quan công trình xây dựng mới Địa điểm: Tokyo | Tham quan cơ sở tái chế bê tông Địa điểm: Tokyo |
| | 30/10 (Thứ 6) | Chuẩn bị thuyết trình | Các thành viên tham gia thuyết trình (8 nhóm, 20 phút/ nhóm và 5 phút thảo luận/nhóm) Cuộc họp đánh giá Địa điểm: JICA Tokyo |
| | 31/10 (Thứ 7) | | Khởi hành về Việt Nam JL Narita – Hànội |
| Khóa tập huấn thứ 5 năm 2016 | 28/8. (CN) | Khởi hành từ Nội Bài Đến sân bay Narita | - |
| | 29/8. (Thứ 2) | JICA giới thiệu JET giới thiệu | Bài giảng của Ông Toyoshima, Kato, và Hata (Bộ Môi trường) về Cơ sở xử lý chất thải rắn ở Nhật (tổng quan) |
| | 30/8. (Thứ ba) | Bài giảng của ông Kondo, Tập đoàn Hitachi Zosen, về “Công nghệ đốt (thông tin chung và đặc điểm kĩ thuật)” | Tham quan thực tế ở Nhà máy đốt Sumida ở Tokyo |
| | 31/08. (Thứ 4) | Tham quan thực tế đến Công ty bảo vệ môi trường Yokohama, tỉnh Kanagawa (Nhà máy chế biến phân hữu cơ) | Bài giảng của ông Shimada, Tập đoàn Miraie, về “Công nghệ chế biến phân hữu cơ (thông tin chung và đặc điểm kĩ thuật)” |
| | 01/09. (Thứ 5) | Bài giảng của TS. Yamada, Viên nghiên cứu môi trường quốc gia, về “Chôn lấp hợp vệ sinh (thông tin chung và đặc điểm kĩ thuật)” | Tham quan thực tế đến Urawa Phoenix (Bãi chôn lấp) và Nhà máy đốt Osaki tại tỉnh Saitama |
| | 02/09. (Thứ 6) | (Chuẩn bị thuyết trình) | Học viên thuyết trình và thảo luận |
| | 03/09. (Thứ 7) | Tham quan thực tế ở một điểm thu gom chất thải sinh hoạt | - |
| | 04/09 (CN) | Khởi hành về Nội Bài | |
| Khóa tập huấn thứ 6 năm 2016 | 27/11 (CN) | Khởi hành từ Nội Bài Đến sân bay Narita | - |
| | 28/11. (Thứ 2) | JICA giới thiệu JET giới thiệu | Tham quan thực tế đến bãi chôn lấp của Tokyo, điều phối bởi Tập đoàn Dịch vụ Công ích Môi trường Tokyo |
| | 29/11. (Thứ 3) | Bài giảng về “Xây dựng và vận hành các cơ sở xử lý tại cơ quan quản lý CTR cấp vùng của Tokyo” của Hợp tác xã Vệ sinh 23 Quận tại Tokyo | Tham quan Nhà máy đốt Meguro Điều phối bởi Hợp tác xã Vệ sinh 23 Quận tại Tokyo |
| | 30/11. (Thứ 4) | Bài giảng về “Lịch sử về chương trình phân loại tại nguồn tiên phong cho chất thải tái chế” của thành phố Kawaguchi | Bài giảng về “Lập chính sách cho phát triển cơ sở xử lý” của Bộ Môi trường Nhật Bản |
| | 01/12. (Thứ 5) | Quản lý chất thải tại các tòa nhà/ trung tâm thương mại lớn, điều phối bởi thành phố Chiba | Bài giảng về “Giới thiệu hệ thống đơn giá cho chất thải sinh hoạt” của thành phố Chiba |
| | 02/12. (Thứ 6) | (Chuẩn bị thuyết trình) | Học viên thuyết trình và thảo luận |
| | 03/12. (Thứ 7) | Khởi hành về Nội Bài | |
| Khóa tập huấn thứ 7 | 16/4 (CN) | Khởi hành từ Nội Bài Đến sân bay Narita | - |
| | 17/4 (Thứ 2) | JICA giới thiệu | JET giới thiệu Thảo luận với công ty tư nhân tại Kobe để tìm kiếm sự hợp tác |

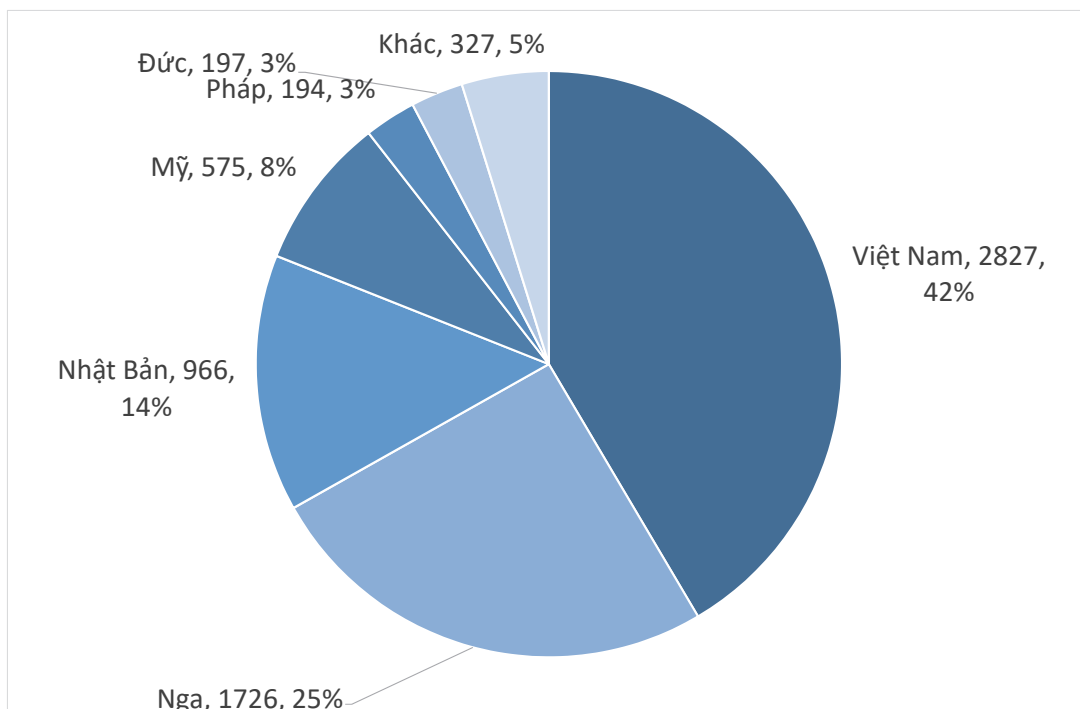
| | Ngày | Sáng | Chiều |
|------------------------------|------------------|---|---|
| | 18/4 (Thứ 3) | Bài giảng về “Quản lý chất thải bao gồm xử lý chất thải thiên tai” của thành phố Kobe | Tham quan Nhà máy xử lý chất thải bao gồm phân loại, vận chuyển và vận hành chôn lấp ở TP. Kobe |
| | 19/4 (Thứ 4) | Bài giảng về “Các chính sách thu hút sự tham gia của người dân vào quản lý chất thải như hệ thống nghiên cứu cộng đồng” của thành phố Suita | Tham quan thực tế cơ sở xử lý chất thải giai đoạn đầu (phân loại) có trung tâm nhận thức cộng đồng và phòng thí nghiệm thực hiện ở TP. Suita. |
| | 20/4 (Thứ 5). | Bài giảng về “Nhận thức của cộng đồng về giảm thiểu chất thải bao gồm giảm thiểu chất thải du lịch” của thành phố Kyoto | Tham quan Nhà máy biến chất thải thành năng lượng ở thành phố Kyoto |
| | 21/4 (Thứ 6) | (Chuẩn bị thuyết trình) | Bài trình bày của các cán bộ tham gia tập huấn |
| | 22/4 (Thứ 7) | Khởi hành về Nội Bài | - |
| | 24/9 (CN) | Khởi hành từ Nội Bài Đến sân bay Narita | - |
| | 25/9 (Thứ 2) | JICA giới thiệu | JET giới thiệu |
| Khóa tập huấn thứ 8 năm 2017 | 26/9 (Thứ 3) | - | Tham quan cơ sở đốt tại thành phố Musashino |
| | 27/9 (Thứ 4) | Bài giảng về “Phát triển một cơ sở xử lý mới (Lập kế hoạch, thiết kế lựa chọn nhà thầu, lựa chọn địa điểm, thiết lập sự đồng thuận của người dân)” của thành phố Kamakura | Tham quan cơ sở đốt (có bài giảng về hợp đồng vận hành cơ sở xử lý với đơn vị tư nhân) |
| | 28/9 (Thứ 5) | Thảo luận | Bài giảng về “Quản lý vận hành cơ sở xử lý bởi công ty tư nhân” của Nhà máy Môi trường Ebara |
| | 29/9 (Thứ 6) | Tham quan Cơ sở xử lý tư nhân xử lý chất thải công nghiệp “Takematsu Shouji” ở thành phố Yokohama | Tham quan Cơ sở tái chế bê tông từ chất thải xây dựng của nhà máy Eco-Factory và Kawakami Shouten |
| | 30/9 (Thứ 7) | - | |
| | 1/10 (CN) | - | |
| | 2/10 (Thứ 2) | Bài giảng về “Lựa chọn nhà đầu tư để xây dựng và vận hành cơ sở xử lý” của JET | Tham quan Nhà máy đốt Phía Bắc mới (kèm bài thuyết trình về xây dựng và vận hành cơ sở xử lý theo hình thức DBO) của thành phố Funabashi |
| | 3/10 (Thứ 3) | (Chuẩn bị thuyết trình) | Bài trình bày của các cán bộ tham gia tập huấn |
| | 4/10 (Thứ 4) | Khởi hành về Nội Bài | - |

7. TRUYỀN THÔNG DỰ ÁN

Trang web của dự án được chỉ ra ở dưới và bắt đầu hoạt động từ tháng 4/2014 và có hơn 11.000 người truy cập trang web này (tính đến tháng 11/2017). Trang web có cả hai thứ tiếng là tiếng Việt và tiếng Anh. Việt Nam là nước có nhiều người truy cập nhất, Nga là nước thứ hai và Nhật Bản là nước thứ ba.



Hình 7-1 Trang web dự án (<http://vietnamwastepj.blogspot.com/>)



Hình 7-2 Tỷ lệ người truy cập trang web từ các quốc gia khác nhau (cập nhật tháng 11/2017)

8. NHỮNG ĐIỂM CÂN NHẮC TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN

(1) Tiếp cận từ dưới lên

Đề đề xuất các chính sách QLCTR ở cấp trung ương, các vấn đề thực tế mà các tỉnh/thành phố đang gặp phải đã được nghiên cứu và tìm thấy.

(2) Sử dụng kết quả “Đánh giá năng lực”

Các năng lực trọng tâm sẽ được phát triển cũng được nêu rõ trong kết quả thu được từ việc đánh giá năng lực.

(3) Sử dụng tối đa kinh nghiệm của Nhật Bản

Kinh nghiệm của Nhật Bản được áp dụng đầy đủ giúp cải thiện tình hình ở Việt Nam. Các tài liệu của Nhật Bản như các văn bản luật, kế hoạch quốc gia, các quy hoạch địa phương, kế hoạch phát triển cơ sở và hệ thống thống kê được dịch và áp dụng. Hơn nữa, các chuyên gia Nhật Bản tham gia ngắn hạn cũng đã tham gia đóng góp phụ thuộc vào từng chủ đề khác nhau.

(4) Xây dựng các chính sách hỗ trợ từ trung ương tới địa phương

Các chính sách của trung ương được cân nhắc từ quan điểm liệu các chính sách này có hỗ trợ địa phương hay không.

(5) Xây dựng các công cụ thực tế để tăng cường năng lực cho các địa phương

Các Tài liệu hướng dẫn làm thế nào để lựa chọn công nghệ, xây dựng các cơ sở xử lý, xây dựng kế hoạch xây dựng đã được hoàn thành, đóng vai trò là công cụ thực hành để tăng cường năng lực. Các sổ tay này sẽ được sử dụng đầy đủ trong “Chương trình giao lưu học tập” (CSS).

(6) Áp dụng “Chương trình giao lưu học tập” (CSS)

CSS được tổ chức để các địa phương thảo luận các vấn đề họ đang phải đối mặt và CSS cũng có mục đích để thảo luận dự thảo các tài liệu hướng dẫn cũng như biểu mẫu thu thập dữ liệu phù hợp. Thông qua đó, các đề xuất tới trung ương cũng được rà soát.

Quy hoạch lập tại tỉnh Thừa Thiên Huế được giới thiệu tại CSS và khả năng áp dụng cũng được thảo luận giữa các địa phương.

9. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA MỤC TIÊU DỰ ÁN

Nghiên cứu của đoàn đánh giá giữa kỳ được tiến hành vào tháng 8 năm 2016 và nghiên cứu bởi đoàn đánh giá cuối kỳ được tiến hành vào tháng 9 năm 2017. Các kết quả được tóm tắt dưới đây:

9.1 Kết quả đánh giá giữa kỳ

(1) Tính phù hợp: Dự án vẫn phù hợp.

a) Sự cần thiết

i) Phù hợp với nhu cầu của Việt Nam

Mục tiêu tổng thể vẫn phù hợp với nhu cầu của Việt Nam. Thiết lập hệ thống QLTHCTR là một trong những mục tiêu chung đến năm 2025 của Chiến lược QLTHCTR (đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050). Để thêm thông tin tham khảo, trong hệ thống QLTHCTR, chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý hoàn toàn với các công nghệ hiện đại và tiên tiến để giảm thiểu tối đa chất thải chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn nguy hại được quản lý và xử lý với các phương pháp phù hợp.

ii) Phù hợp với nhu cầu của nhóm mục tiêu

Mục tiêu của dự án vẫn phù hợp với nhu cầu của BXD, và SXD Hà Nội và TTH, những đơn vị phụ trách quản lý chất thải rắn đô thị.

b) Ưu tiên

i) Phù hợp với kế hoạch quốc gia của Việt Nam

Mục tiêu tổng thể phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trong đó, quản lý hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại được liệt kê là một trong những ưu tiên của phát triển bền vững trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

ii) Phù hợp với các chính sách ODA của Nhật Bản

Mục tiêu tổng thể và mục tiêu dự án phù hợp với Chính sách hỗ trợ quốc gia cho Việt Nam (2012), trong đó “Ứng phó với các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế” là một trong những lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ phát triển bền vững và tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề môi trường đô thị phát sinh được nhấn mạnh. Các mục tiêu này cũng phù hợp với Tài liệu phân tích quốc gia của JICA cho Việt Nam (tháng 3 năm 2014).

c) Tính đầy đủ

i) Lợi thế kỹ thuật của Nhật Bản

Đánh giá từ ý kiến của các cán bộ dự án Việt Nam về phương pháp chuyển giao và các chuyên gia Nhật Bản, các lợi thế kỹ thuật của Nhật Bản được xác nhận. JICA đã hỗ trợ quản lý chất thải rắn tại Việt Nam từ dự án Thực hiện sáng kiến 3R tại Hà Nội để phát triển bền vững. Các thông tin và bài học tích lũy từ hỗ trợ trong quá khứ cũng được sử dụng trong Dự án hiện tại.

(2) Hiệu quả (Triển vọng): Hiệu quả của Dự án không thể đánh giá thông qua các chỉ số bởi vì các chỉ số cần được điều chỉnh.

a) Mức độ đạt được của Mục tiêu dự án và đóng góp vào các đầu ra

Tiến độ được thực hiện hướng tới việc đạt được Mục tiêu dự án. Việc đạt được Mục tiêu dự án được đánh giá dựa vào việc đạt được các chỉ số cho Mục tiêu dự án. Mức độ chính xác của việc đạt được không thể đánh giá, tuy nhiên, bởi vì hầu hết các chỉ số trong PDM đều không phù hợp cho Mục tiêu Dự án, mà phù hợp hơn cho các đầu ra.

Mức độ đạt được của Mục tiêu dự án có thể được đánh giá phù hợp nếu các chỉ số trong PDM được điều chỉnh để phản ánh nội dung của Mục tiêu dự án chính xác hơn.

Trong khi đó, tất cả các đầu ra đã đóng góp cho việc đạt được Mục tiêu dự án.

b) Các giả định quan trọng

Có lỗi điều chỉnh liên quan đến các giả định quan trọng trong PDM. Các giả định cho Mục tiêu dự án ở PDM thực tế là các giả định cho các đầu ra. Tương tự, các giả định cho Mục tiêu tổng thể trong PDM (“Hầu hết các đối tác tiếp tục làm việc cho dự án” và “Luật Bảo vệ Môi trường mới không thay đổi vai trò và trách nhiệm của BXD”) là các giả định cho Mục tiêu dự án và đã đạt được từ trước đến nay.

c) Khuyến khích/thúc đẩy: Các yếu tố khác/kìm hãm

Các yếu tố cụ thể không được xác định.

(3) Hiệu suất: Dự án có tính hiệu suất khá cao.

a) Mức độ sản xuất của các đầu ra

Tiến độ sản xuất các đầu ra khá nhanh. Các đầu ra đã đạt được ở mức độ trung bình trong toàn giai đoạn Dự án.

b) Các giả định quan trọng

Như đã nêu trong phần Hiệu quả nói trên, có lỗi điều chỉnh liên quan đến các giả định quan trọng trong PDM. Các giả định cho các đầu ra không được nêu trong PDM, thực tế các giả định cho Mục tiêu dự án (“Ngân sách cần thiết cho các hoạt động liên quan được đảm bảo bởi các cơ quan liên quan” và “Dự thảo quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội xây dựng trong giai đoạn bắt đầu dự án”) là dành cho các đầu ra. Giả định đầu tiên đã đạt được từ trước đến nay. Giả định thứ hai đã đạt được trước khi thực hiện Dự án.

c) Đầu vào: Phía Việt Nam

i) Đối tác

- Thời điểm, thời gian, số lượng: nhìn chung là phù hợp. Trong trường hợp SXD Hà Nội, Phó Giám đốc SXD Hà Nội đã quyết định tái cơ cấu hệ thống thực hiện cho giai đoạn hai của Dự án. Các đối tác cho Đầu ra 2 ở giai đoạn hai của Dự án vẫn chưa được giao nhiệm vụ chính thức tính đến tháng 8 năm 2016, do đó, JET không thể thảo luận chi tiết các dự án ưu tiên. Do các cán bộ tham gia vào dự án đều là kiêm nhiệm và có các nhiệm vụ khác trong cơ quan của mình nên đôi khi các cán bộ này quá bận rộn để tập trung vào các hoạt động của Dự án.
- Chất lượng: Các cán bộ có kiến thức, kinh nghiệm phù hợp và trình độ kỹ thuật nhất định đã được giao nhiệm vụ tham gia vào Dự án.

ii) Văn phòng và cơ sở vật chất

- Thời điểm: Tại Hà Nội, văn phòng của JET được cung cấp tại tòa nhà văn phòng gần trụ sở của BXD và SXD Hà Nội từ giai đoạn đầu của Dự án. SXD TTH sắp xếp một phòng cho JET ở trụ sở của Sở. Cuối tháng 8/2016 dự kiến văn phòng này sẽ được hoàn thiện và sử dụng.
- Số lượng & chất lượng: Phù hợp.

iii) Các đầu vào tài chính

- Thời điểm và số lượng: Phía Việt Nam đã phân bổ ngân sách cần thiết cho các hoạt động của Dự án. Chi phí thuê văn phòng dự án tại Hà Nội đã được cấp từ năm thứ 2 của Dự án đúng như nội dung trong Biên bản cuộc họp ký vào tháng 6 năm 2013.

d) Đầu vào: Phía Nhật Bản

i) Chuyên gia

- Thời điểm, thời gian và số lượng: Việc cử chuyên gia sang làm việc đã được lập kế hoạch theo các nội dung và kế hoạch các hoạt động được phê duyệt bởi JCC. Việc cử chuyên gia đã bị hoãn vào quý thứ hai của năm 2016 do nguyên nhân ký hợp đồng với JICA. Đối với thời gian công tác, hầu hết các đối tác đều cho rằng thời gian công tác trung bình của các chuyên gia khoảng 1 tháng là quá ngắn.
- Lĩnh vực: Một số đối tác có ý kiến rằng trong một số hoạt động, sẽ hiệu quả hơn nếu có các chuyên gia hiểu được bối cảnh của Việt Nam tham gia. Tuy nhiên, cũng cần chú ý rằng, với nỗ lực của cả phía Việt Nam và JET, vấn đề này không ảnh hưởng quá lớn đến việc sản xuất các đầu ra.
- Chất lượng: Các chuyên gia với kiến thức đầy đủ, kinh nghiệm liên quan tại Nhật Bản và mức độ kỹ thuật phù hợp đã được cử sang làm việc.

ii) Tập huấn tại Nhật Bản

- Thời điểm, thời gian, số lượng: Thời điểm, thời gian và số lượng các cán bộ Việt Nam đã được quyết định dựa trên thảo luận với phía Việt Nam để phía Việt Nam đề cập cân nhắc hợp lý. Các khóa tập huấn tại Nhật Bản đã được thực hiện gần đúng như kế hoạch. Một khóa tập huấn được lên kế hoạch vào tháng 6 năm 2016, tuy nhiên phải hoãn đến tháng 8 do quy trình ký hợp đồng giữa JICA và JET bị chậm.
- Lĩnh vực, nội dung, chất lượng: Các lĩnh vực và nội dung của tập huấn phải được quyết định dựa vào thảo luận với bên Việt Nam để được cân nhắc phù hợp với nhu cầu của Dự án. Chất lượng của tập huấn phù hợp.
- Ứng dụng: Hầu hết các thành viên tập huấn đều tham gia và lĩnh vực quản lý chất thải rắn. Các thành viên được phỏng vấn bởi đoàn đánh giá đã áp dụng kỹ năng và kiến thức thu nhận được trong các hoạt động và chia sẻ với đồng nghiệp của họ.

iii) Các thiết bị cho JET

- Thời điểm, chất lượng, số lượng: Các thiết bị cần thiết cho văn phòng đã được cung cấp và lắp đặt đúng thời điểm, và đã được tận dụng tối đa trong Dự án.

e) Chi phí nội địa

- Thời điểm, số lượng: Chi phí nội địa cần thiết đã được phân bổ đúng thời gian.
- Ứng dụng: Trợ lý trong nước do Đoàn chuyên gia JICA thuê đã thực hiện các hoạt động ở các lĩnh vực cũng như điều phối các hoạt động sắp xếp tổ chức hàng ngày. Tư vấn địa phương (hoặc công ty tư vấn) đã được ký hợp đồng để thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp dữ liệu cho Đầu ra 1 và hỗ trợ lập Quy hoạch cho Đầu ra 3. Đối với vấn đề này, một số đối tác cho rằng các hoạt động sẽ hiệu quả hơn nếu tận dụng tư vấn địa phương (hoặc công ty tư vấn) nhiều hơn nữa bởi họ quen và hiểu được hiện trạng QLCTRĐT tại Việt Nam, bao gồm cả các vấn đề về các quy định pháp luật, từ kinh nghiệm thực tế của họ.
- Khác: Cần chú ý rằng do khó sắp xếp ngân sách của Việt Nam trong năm đầu tiên của Dự án, nên phía Nhật Bản đã cung cấp tiền thuê văn phòng cho Dự án trong năm đầu tiên như

đã nêu trong Biên bản cuộc họp vào tháng 6 năm 2013. Thêm vào đó, phía Nhật Bản cũng chi trả chi phí đi lại cho các thành viên tham gia từ các tỉnh/thành phố khác đến tham dự CSS và hội thảo của dự án.

i) Điều kiện cần

Điều kiện cần được định nghĩa là điều kiện cần phải đạt được trước khi thực hiện Dự án. Điều kiện được nêu trong PDM (“Ngân sách quan trọng cho hoạt động của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nội không bị cắt giảm”) đã đạt được trước khi thực hiện Dự án.

ii) Khuyến khích/thúc đẩy: Các yếu tố khác/kìm hãm

Các yếu tố cụ thể không được xác định.

- (4) Tác động: Một số tác động tích cực đã được quan sát thấy. Chưa thấy các tác động tiêu cực nào. Trong tương lai, cần phải chú ý đến các tác động tiêu cực tiềm năng về môi trường và xã hội.

a) Tác động ở cấp độ Mục tiêu tổng thể

i) Khả năng đạt được Mục tiêu tổng thể

Vẫn còn quá sớm để dự báo khả năng đạt được của Mục tiêu tổng thể.

ii) Giả định quan trọng

Như đã nêu trong phần Hiệu quả nói trên, có lỗi điều chỉnh liên quan đến các giả định quan trọng trong PDM. Giả định cho Mục tiêu tổng thể trong PDM thực tế là giả định cho Siêu Mục tiêu. Giả định cho Mục tiêu dự án trong PDM (“Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị” và “Chính phủ Việt Nam có bố trí ngân sách và huy động các nguồn ngân sách khác cho việc quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị”) phải là giả định cho Mục tiêu tổng thể. Giả định đầu tiên đã gần như đạt được.

Ghi chú: Theo Hướng dẫn Đánh giá cho Dự án, Đoàn đánh giá được yêu cầu đánh giá liệu các giả định quan trọng cho Mục tiêu tổng thể có đạt được sau khi kết thúc Dự án không. Đoàn đánh giá không thể đồng thuận với câu chữ của giả định thứ hai.

<Phía Nhật Bản>

Không chắc chắn liệu giả định thứ hai có đạt được ở thời điểm hiện tại hay không.

<Phía Việt Nam>

Để đạt được giả định thứ hai cho Mục tiêu tổng thể, chính quyền trung ương và địa phương cần xây dựng kế hoạch cụ thể và phân bổ đủ nguồn lực để thực hiện.

b) Các tác động khác

i) Các tác động tích cực:

- Một số tác động đã quan sát thấy. Ví dụ, hai văn bản pháp luật đã được xây dựng (đó là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và QCVN 07:2016/BXD) thông qua Dự án. Dự án lập kế hoạch tổ chức CSS ở một số địa phương khác. Nhận thức/ý thức về QLTHCTR đã được nâng cao trong nhiều phòng, ban của BXD và SXD thông qua sự tham gia vào các cuộc họp tổ công tác.
- Thực hiện các dự án ưu tiên đề xuất trong Quy hoạch Xử lý chất thải rắn thành phố Hà Nội của SXD Hà Nội và Quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế xây dựng trong Dự án, được kỳ vọng sẽ cải thiện chất lượng môi trường.

ii) Các tác động tiêu cực:

- Chưa thấy các tác động tiêu cực. Trong tương lai, cần chú ý đến các tác động tiêu cực tiềm năng đến môi trường và xã hội liên quan đến việc thực hiện Quy hoạch Xử lý chất thải rắn của SXD Hà Nội, được lập trước khi thực hiện Dự án. Ngoài ra, cũng có các tác động tiêu cực tiềm năng đến môi trường và xã hội liên quan đến việc thực hiện Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, được lập trong Dự án.
- Cần chú ý rằng đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) được thực hiện trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế và các giải pháp giảm thiểu cũng đã được đề xuất. Trong trường hợp các dự án ưu tiên được đề xuất trong Kế hoạch thực hiện của SXD Hà Nội và Quy hoạch tỉnh TTH, đánh giá xã hội và môi trường chưa được tiến hành.

(5) Tính bền vững: Không chắc chắn liệu tính bền vững có được đảm bảo hay không bởi vì các chiến lược của tổ chức cho giai đoạn sau dự án vẫn chưa được xây dựng.

a) Các khía cạnh về thể chế & tổ chức

i) Các hỗ trợ chính sách

Các hỗ trợ chính sách và pháp luật về QLTHCTR sẽ được tiếp tục.

ii) Phân công nhân lực

Các cán bộ của BXD, SXD Hà Nội và SXD TTH tham gia vào Dự án là các cán bộ lâu dài của nhà nước, do đó, đảm bảo họ sẽ tiếp tục làm việc. Các cán bộ này có thể sẽ được phân công công tác các vị trí liên quan sau khi Dự án kết thúc để họ có thể tận dụng tối đa các kiến thức và kỹ năng thu nhận được qua Dự án vào trong công việc của họ.

iii) Chiến lược sau Dự án

- BXD: Theo như BXD, tận dụng các kết quả của dự án trong giai đoạn sau dự án là rất tích cực. Hoạt động thu thập và tổng hợp dữ liệu và duy trì cơ sở dữ liệu sẽ được thực hiện bởi BXD do chính phủ giao nhiệm vụ. Tận dụng các tài liệu của Dự án, tiếp tục CSS, xuất bản dữ liệu đã tổng hợp, và chương trình cấp chứng chỉ được đề xuất sẽ được tổng hợp vào chương trình của BXD ở giai đoạn phù hợp. Các tài liệu do Dự án xây dựng sẽ được sử dụng để tham khảo, được rà soát và tổng hợp trong các chính sách và văn bản pháp luật liên quan.
- SXD Hà Nội: Kế hoạch thực hiện (2016-2030) Quy hoạch QLTHCTR với đề xuất của 3 dự án ưu tiên, được xây dựng vào tháng 12 năm 2015 trong Dự án. Kế hoạch này được kỳ vọng sẽ được sử dụng là chiến lược sau dự án.
- SXD TTH: Quy hoạch (2016-2030 với tầm nhìn đến năm 2050), được phê duyệt bởi UBND tỉnh và Kế hoạch thực hiện toàn diện của giai đoạn đầu (2016-2020) đang được xây dựng và trình cho UBND tỉnh vào tháng 9 năm 2016, sẽ được sử dụng là chiến lược sau dự án.

iv) Các khía cạnh tài chính

Phía Việt Nam đã phân bổ ngân sách cần thiết để thực hiện các hoạt động dự án. Tuy nhiên, khó khăn về ngân sách cũng có thể là một vấn đề đáng quan tâm, ảnh hưởng đến tính bền vững của Dự án.

● BXD:

- 1) Trong quá trình thực hiện Dự án, ngân sách cho một số hoạt động được hỗ trợ từ phía Nhật Bản, bao gồm các chi phí cho thu thập và tổng hợp hơn 80 hạng mục dữ liệu toàn quốc cũng như công bố dữ liệu đã tổng hợp. Ngoài ra, các chi phí di chuyển cho các địa phương tham gia vào CSS cũng được phía Nhật Bản hỗ trợ.
- 2) Sau khi Dự án kết thúc, BXD sẽ phân bổ ngân sách nhất định theo kế hoạch ngân sách hàng năm để tiếp tục thu thập và tổng hợp dữ liệu theo yêu cầu quản lý của BXD, duy trì cơ sở dữ liệu, tổ chức hội thảo về quản lý chất thải rắn. Chi trả chi phí đi lại cho các địa phương sẽ được quyết định vào thời điểm tổ chức hội thảo.

- SXD Hà Nội và SXD TTH: Mặc dù một số hạng mục của của các dự án ưu tiên được đề xuất trong Kế hoạch thực hiện của SXD Hà Nội và Quy hoạch tỉnh TTH cần có đầu tư nhất định nhưng nguồn cấp vốn vẫn chưa được xác định.

b) Khía cạnh kỹ thuật

i) Năng lực kỹ thuật của nhóm mục tiêu

Vai trò chính của cán bộ kỹ thuật của BXD trong Dự án trong nửa đầu của Dự án là (i) cung cấp các ý kiến đóng góp cho các văn bản, tài liệu và các sản phẩm khác do JET xây dựng thông qua các buổi họp nhóm công tác và dự thảo văn bản với ý kiến đóng góp của JET, (ii) cung cấp các thông tin/tài liệu theo yêu cầu của JET, (iii) điều phối các hoạt động của Dự án, và (iv) đồng tổ chức hội thảo.

Về cơ bản, vai trò của các cán bộ kỹ thuật của SXD Hà Nội và tỉnh TTH trong nửa đầu của Dự án là (i) cung cấp các ý kiến đóng góp cho các văn bản, tài liệu và các sản phẩm khác do JET xây dựng, (ii) cung cấp các thông tin/tài liệu theo yêu cầu của JET, (iii) điều phối các hoạt động của Dự án, và (iv) tham gia vào và đồng tổ chức các hội thảo của Dự án.

Cán bộ kỹ thuật đã hiểu hơn về QLTHCTR. Phụ thuộc vào vai trò và trách nhiệm họ sẽ tiếp tục đảm nhận sau khi dự án kết thúc, cần phải tăng cường năng lực thêm cho họ trong giai đoạn còn lại của dự án.

ii) Ứng dụng và tuyên truyền các kỹ thuật đã chuyển giao và các tài liệu dự án

Kiến thức và kỹ năng chuyển giao trong Dự án được xem là phù hợp với nhu cầu của nhóm mục tiêu (BXD, SXD Hà Nội và TTH), đánh giá từ mức độ chủ định ứng dụng và các ý kiến của các cán bộ khi được Đoàn đánh giá phỏng vấn. Dự thảo tài liệu hướng dẫn được xây dựng tại Dự án phù hợp với địa phương bởi vì các tài liệu này được kỳ vọng hoàn thiện thông qua CSS. Kế hoạch thực hiện của SXD Hà Nội được xây dựng trong Dự án, cũng như các dự án ưu tiên được đề xuất trong Kế hoạch thực hiện của SXD Hà Nội và Quy hoạch tỉnh TTH được kỳ vọng khả thi hơn bởi vì các bài học từ việc thực hiện trong nửa cuối của Dự án sẽ được phân tích và tận dụng trong việc điều chỉnh cho phù hợp.

(6) Kết luận

Dự án được thực hiện như kế hoạch trong PO thông qua hợp tác giữa các bên. Tiến độ ổn định đã được thực hiện để hướng tới việc đạt được các đầu ra và Mục tiêu dự án.

Xét năm tiêu chí đánh giá, Dự án vẫn phù hợp. Sau hai năm thực hiện, Dự án đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả chính xác hơn, các chỉ số cần được điều chỉnh. Dự án khá hiệu quả. Một số tác động tích cực đã được quan sát thấy. Trong tương lai, cần phải chú ý đến các tác động tiêu cực tiềm năng đến môi trường và xã hội liên quan đến Quy hoạch tỉnh TTH được lập trong Dự án. Sự bền vững phụ thuộc vào cam kết và chiến lược tổ chức để duy trì ảnh hưởng của Dự án trong giai đoạn sau dự án.

9.2 Kết quả của đánh giá cuối kỳ

(1) Tính phù hợp: Cao

Kết quả được tóm tắt như sau:

a) Nhất quán với các chính sách của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản

- Dự án nhất quán với Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về Quản lý chất thải rắn trong đó quy định về trách nhiệm của các chính quyền địa phương trong việc lập quy hoạch quản lý chất thải rắn bao gồm cả việc phát triển các cơ sở xử lý chất thải rắn. Dự án cũng phù hợp với Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTg) với mục tiêu thiết lập hệ thống QLTHCTR với các mục tiêu là đạt được tỷ lệ thu gom 85% vào năm 2015, tỷ lệ tái sử dụng/ tái chế 35% vào năm 2015 và tất cả các đô thị đều lập Quy hoạch quản lý chất thải rắn. Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (năm 2014), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu đã được ban hành ngày 15/6/2015. Theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP này, vai trò và trách nhiệm của BXD liên quan đến quy hoạch QLCTR, quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải rắn và đầu tư quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn là không thay đổi. Vì vậy, Dự án vẫn phù hợp với chính sách mới nhất của Chính phủ Việt Nam.
- Theo Chính sách hỗ trợ quốc gia của Nhật Bản đối với Việt Nam (2012) và Kế hoạch hỗ trợ phát triển chính thức của Nhật Bản đối với Việt Nam (2014), “ứng phó với các tác động tiêu cực do sự phát triển kinh tế” là một trong ba lĩnh vực được ưu tiên hỗ trợ. Dự án này là một trong các chương trình về quản lý môi trường đô thị. Báo cáo phân tích quốc gia của JICA (2014) tập trung hỗ trợ tăng cường quản lý môi trường đô thị dựa trên các kinh nghiệm, công nghệ, và giải pháp của Nhật Bản. Vì vậy, Dự án cũng phù hợp với chính sách về hỗ trợ của Nhật Bản.
- JICA đã thống nhất thực hiện hỗ trợ và ủng hộ trong lĩnh vực QLCTR tại Việt Nam thông qua các hoạt động trong đó có dự án “Hỗ trợ thực hiện sáng kiến 3R tại thành phố Hà Nội nhằm hướng tới một xã hội tuần hoàn vật chất” hay còn được gọi là “dự án 3R (2006-2009)”.

b) Sự cần thiết của Dự án

- Đây là một nhu cầu cấp bách đối với BXD và SXD Hà Nội cũng như UBND tỉnh THH trong việc thiết lập hệ thống QLTHCTR cấp quốc gia và cấp địa phương theo định hướng đã nêu trong Chiến lược QLTHCTR quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTg) và các văn bản pháp lý liên quan khác. Theo đó, Dự án cũng đã đáp ứng nhu cầu cấp thiết này của các cơ quan nhằm tăng cường năng lực của họ trong việc thiết lập hệ thống QLTHCTR.

(2) Hiệu quả: Khá cao

a) Kết quả của Mục tiêu Dự án và đóng góp của các Đầu ra

- Tất cả ba Đầu ra của Dự án hầu như đều đạt được và đóng góp vào việc đạt được Mục tiêu Dự án. Tuy nhiên, PDM không có bất kỳ một Đầu ra nào để tăng cường năng lực các cán bộ của tỉnh Thừa Thiên Huế như đã nêu trong Chỉ số 4 của Mục tiêu dự án.
- Đoàn đánh giá không thể đánh giá chính xác các khía cạnh đạt kết quả của Mục tiêu dự án vì tất cả bốn Chỉ số đánh giá của Mục tiêu dự án nêu trong PDM đều có những hạn chế. Tuy nhiên, mục tiêu thực chất của việc tăng cường năng lực QLCTRĐT vẫn đã được thực hiện.

b) Hiệu quả của Dự án và Các nhân tố thúc đẩy tính hiệu quả của Dự án

- Hiệu quả hầu như đáng kể của Dự án là việc Dự án đã đưa ra được dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật mới cũng như dự thảo điều chỉnh các văn bản hiện tại liên quan đến QLCTR bằng việc xác định các vấn đề trùng lặp cũng như các khoảng trống của các văn bản quy phạm pháp luật hiện tại liên quan đến QLCTR. Dự án cũng có đóng góp ý kiến cho QCVN:07-2016/BXD (Quy chuẩn quốc gia về Hạ tầng kỹ thuật) và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP là cơ sở pháp lý đối với chức năng của BXD căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (2014).
- Dự án đã đem lại nhiều hiệu quả đa dạng bao gồm: 1) xây dựng quản lý dữ liệu của thống kê QLCTR cấp quốc gia; 2) xây dựng các tài liệu hướng dẫn về quản lý chất thải bao gồm

hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR; 3) xây dựng Kế hoạch thực hiện cho thành phố Hà Nội; 4) Lập Quy hoạch QLTHCTR tại tỉnh TTH; 5) tăng cường năng lực BXD, SXD Hà Nội, UBND tỉnh TTH; và 6) chia sẻ kinh nghiệm và các giải pháp về QLTHCTR với các địa phương; và 7) cung cấp cơ sở theo đó các thành viên tham dự CSS có thể thảo luận về các khó khăn và thách thức mà họ xác định được cũng như các giải pháp có thể áp dụng đối với QLCTR.

- Tất cả các điều nêu trên đã tăng cường hiệu quả tổng quan của Dự án. Vì vậy, hiệu quả của dự án được đánh giá ở mức khá cao.

(3) Hiệu suất: Trung bình tới Khá cao

- Tất cả các đầu vào từ cả phía Việt Nam và phía Nhật Bản đều được cung cấp theo đúng kế hoạch. Trong giai đoạn 1 của Dự án¹, Dự án đã thiết lập được nhiều và đa dạng các tài liệu bao gồm một số các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu hướng dẫn bao gồm một số khía cạnh của hệ thống QLTHCTR, Kế hoạch thực hiện của Thành phố Hà Nội, Quy hoạch QLTHCTR của tỉnh Thừa Thiên Huế và dự thảo “Tổng quan chất thải rắn Việt Nam”. Điều đó là do 14 chuyên gia được cử sang công tác trong giai đoạn này đã chủ động thực hiện các hoạt động. Việc này đã đóng góp vào việc tăng cường hiệu suất của Dự án.
- Tuy nhiên, một số hoạt động của Dự án vẫn chưa được hoàn thành đầy đủ và ảnh hưởng tới kết quả của ba Đầu ra. Đoàn đánh giá đã xác định một số nhân tố có thể đã ảnh hưởng tới hiệu suất của Dự án. Thứ nhất, số lượng các chuyên gia ít hơn, cụ thể 7 chuyên gia được cử sang công tác trong giai đoạn 2 theo đúng thiết kế của Dự án². Thứ hai, giai đoạn hai được thực hiện chậm hơn so với kế hoạch dự kiến hai tháng do sự trì hoãn trong vấn đề ký kết hợp đồng giữa JICA và JET và đã làm cho Dự án phải chuyển khóa tập huấn tại Nhật Bản từ tháng 6/2016 sang tháng 8/2016. Thứ ba, theo thiết kế Dự án trong giai đoạn hai là giai đoạn tập trung vào quá trình thực hiện các dự án ưu tiên đối với SXD Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế đòi hỏi phải tập trung sự điều phối và phối hợp từ nhiều các cơ quan liên quan. Thứ tư, như một số cán bộ đối tác và JET đã chỉ ra, trong quá trình tiếp xúc và điều phối các hoạt động giữa đôi bên thỉnh thoảng có một số vấn đề. Điều này có thể đã gây ảnh hưởng tới hiệu suất thực hiện của các hoạt động trên một số khía cạnh (Xem phần 3. Thực hiện).
- Cân nhắc các phân tích trên, hiệu suất của Dự án nhìn chung đạt ở mức trung bình đến khá cao.

(4) Tác động (triển vọng): Đã xuất hiện một số tác động tích cực.

a) Triển vọng đạt được Mục tiêu tổng thể:

- Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, còn quá sớm dự báo kết quả đạt được Mục tiêu tổng thể. Lý do là các tài liệu hướng dẫn nêu trong Chỉ số đánh giá 1 chưa được hoàn thành và phổ biến. Hơn nữa, chỉ duy nhất chỉ số này là không đủ để xác định liệu hệ thống QLTHCTR đối với CTRĐT đã được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về QLTHCTR hay chưa.

b) Hiệu ứng lan truyền và các tác động tích cực

Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, các tác động sau đây đã được ghi nhận:

¹ Dự án có hai giai đoạn: giai đoạn 1 của dự án từ ngày 31/03/2014 đến ngày 18/03/2016, và giai đoạn hai của dự án từ 25/05/2015 đến 15/03/2018.

² Tổng số nhân công là 116,97 M/M cho giai đoạn 1 và 47,95 M/M cho giai đoạn 2. Cần chú ý rằng giai đoạn một được thiết kế để xác định các vấn đề QLCTR, xây dựng các công cụ bao gồm các văn bản pháp luật và các tài liệu hướng dẫn để xác định các vấn đề, và xây dựng kế hoạch thực hiện tại thành phố Hà Nội và Quy hoạch QLTHCTR tại tỉnh TTH. Giai đoạn hai được lập kế hoạch tuyên truyền và phân phát các công cụ đã được xây dựng và thực hiện các hoạt động đã quyết định trong các kế hoạch nêu trên. Dựa vào thiết kế của Dự án, số lượng chuyên gia và nhân công đã được quyết định.

- Dự án đã tham gia vào quá trình xây dựng dự thảo và đóng góp ý kiến cho tám văn bản luật, bốn trong số đó đã được ban hành và có hiệu lực: 1) Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu; 2) Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 về hướng dẫn định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; 3) Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 về quản lý chất thải xây dựng; và 4) QCVN07:2016/BXD Quy chuẩn xây dựng quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Dự án đã điều phối và kết hợp với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Chính quyền tỉnh Fukuoka tại Nhật Bản để thảo luận về một hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng Bãi chôn lấp theo phương pháp bán hiếu khí tại Hương Bình. Và kết quả là, hai bên đã trao đổi công văn chính thức về việc hợp tác. Biên bản ghi nhớ (MoU) của sự hợp tác này dự kiến được ký kết sau đợt khảo sát được tiến hành vào tháng 10/2017

(5) Tính bền vững (Triển vọng): Chưa thể dự báo

a) **Khía cạnh chính sách: Cao**

- BXD và SXD Hà Nội cũng như tỉnh Thừa Thiên Huế đã mô tả sự cam kết về mặt chính sách như là trách nhiệm của mình nhằm mục tiêu thiết lập hệ thống QLTHCTR tại cấp trung ương và cấp địa phương. Dự án đã đóng góp một phần lớn vào việc thiết lập chính sách và khung thể chế nhằm thực hiện hiệu quả QLTHCTR thông qua các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về QLCTR. Chính sách hiện tại được kỳ vọng sẽ được duy trì sau khi Dự án kết thúc. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trách nhiệm về quản lý CTRĐT còn đang trùng lặp giữa các cơ quan cấp trung ương cũng như cấp địa phương. Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, chưa thể xác định rõ liệu có sự thay đổi lớn nào về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan này trong đó bao gồm BXD hay không. Vì vậy, có thể thực tế khi nói rằng tính bền vững của khía cạnh chính sách rất có thể đạt được ở mức cao nếu các giả định quan trọng này được giữ.

b) **Khía cạnh thể chế: Chưa thể dự báo**

- Việc dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật mới cũng như điều chỉnh các văn bản hiện tại liên quan đến QLCTR của Dự án đã góp phần vào việc tăng cường khung thể chế của lĩnh vực QLCTR ở cả cấp trung ương và địa phương. Khung thể chế này sẽ được duy trì vì một số văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực.
- Hệ thống dữ liệu của Thống kê QLCTR quốc gia và phổ biến các tài liệu hướng dẫn về quản lý chất thải rất có thể sẽ được duy trì do BXD đã bắt đầu cân nhắc việc thể chế hóa các hoạt động này. Liên quan đến hoạt động CSS, hầu hết các cán bộ đối tác đều đánh giá cao hiệu quả của nó cũng như sẵn sàng cao trong việc duy trì các hoạt động này. Tuy nhiên, một số cán bộ cũng lo lắng về tính bền vững vì BXD không có ngân sách cụ thể cho hoạt động này. Một số người khác thì chỉ ra rằng tính bền vững sẽ giảm nếu hoạt động này được triển khai dưới hình thức các chương trình tập huấn chính thức do BXD không có chức năng thực hiện các hoạt động tập huấn như vậy.
- Như các cán bộ đối tác của SXD Hà Nội đã nêu, tính bền vững của các dự án ưu tiên thuộc khía cạnh thể chế phụ thuộc rất nhiều vào sự sẵn sàng của ngân sách.
- Ban chỉ đạo TTH rất có thể sẽ được duy trì kể cả sau khi Dự án đã kết thúc do Phó Chủ tịch UBND và các thành viên của Ban chỉ đạo rất sẵn sàng trong việc duy trì ban chỉ đạo cho mục đích thực hiện Quy hoạch. Tuy nhiên, rất khó để có thể dự báo tính khả thi của các dự án ưu tiên về mặt thể chế vì các hoạt động này mới chỉ được thực hiện khoảng một năm trước đây.
- Theo đó, rất khó để có thể dự báo được tính bền vững về mặt thể chế tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ này.

c) **Khía cạnh tổ chức: Khá cao**

- BXD, SXD Hà Nội và SXD Thừa Thiên Huế đã nhận thức được quyền và trách nhiệm trong việc QLCTR. Hầu hết các cán bộ đối tác của Dự án rất có thể sẽ tiếp tục công tác trong lĩnh

vực QLCTR kể cả sau khi Dự án kết thúc. Nhiều cán bộ Dự án đã nêu về việc mỗi cơ quan đều có số lượng giới hạn cán bộ chịu trách nhiệm về QLCTR. Các cán bộ này còn phải công tác trong các lĩnh vực khác nữa. Nếu có đủ ngân sách, một số hoạt động có thể thuê tư vấn địa phương thực hiện.

- Khối lượng công việc trong lĩnh vực QLTHCTR tại mỗi cơ quan được dự kiến sẽ tăng cao trong tương lai.
- Cân nhắc các yếu tố trên đây, có thể nói rằng tính bền vững về mặt tổ chức rất có thể sẽ đạt ở mức khá cao.

d) **Khía cạnh tài chính: Chưa thể dự báo**

- Như đã đề cập ở trên, BXD không có ngân sách cụ thể cho hoạt động CSS. Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, rất khó để có thể bố trí một khoản ngân sách tối thiểu cho hoạt động này sau khi Dự án kết thúc. Theo các cán bộ Dự án của BXD, hệ thống quản lý dữ liệu thống kê QLCTR quốc gia cũng như sử dụng các tài liệu hướng dẫn không đòi hỏi phải có nhiều ngân sách cho các hoạt động này.
- Bố trí ngân sách là một trong những vấn đề mấu chốt đảm bảo tính bền vững của việc thực hiện cũng như mở rộng các dự án ưu tiên đối với cả SXD Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, chưa thể xác định rõ là cần bao nhiêu ngân sách và phương thức đảm bảo cần được đảm bảo như thế nào.

e) **Khía cạnh kỹ thuật: Chưa thể dự báo**

- Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, có tổng cộng khoảng 100 người bao gồm cả các cơ quan cấp trung ương và cấp địa phương đã tham gia các khóa tập huấn tại Nhật Bản. Ngay cả sau khi kết thúc dự án, họ cũng rất có thể sẽ sử dụng các kiến thức và kinh nghiệm đã thu được từ các chương trình tập huấn và một số các cán bộ đã chủ động áp dụng những gì đã thu được vào trong công việc tương ứng.
- JET đã bắt đầu thực hiện việc chuyển giao các kỹ năng và phương pháp quản lý dữ liệu thống kê QLCTR. Một số cán bộ đối tác được hướng dẫn bởi BXD cho thấy họ có thể tự tin giải quyết các vấn đề về tổng hợp và phân tích dữ liệu sau khi Dự án kết thúc.
- Các cán bộ đối tác của BXD có thể tiếp nhận được các kiến thức và phương pháp thực hiện CSS sau bốn lần tổ chức hoạt động này đến khi Dự án kết thúc.
- Các cán bộ đối tác của SXD Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế đã liên tục cải thiện được năng lực về QLTHCTR của mình thông qua các hoạt động của Dự án. Tuy nhiên, việc họ có thể chủ động trong việc thực hiện các dự án ưu tiên sau khi Dự án kết thúc vẫn còn là một vấn đề cần quan tâm do JET đã chủ động thực hiện hầu hết các hoạt động kể cả trong giai đoạn 2 của Dự án.
- Nhìn chung, năng lực các đối tác của Dự án đã được từng bước cải thiện. Mặt khác, rất khó để có thể phân tích và dự báo các khía cạnh cải thiện năng lực do không có dữ liệu thích hợp để đánh giá năng lực.
- Cân nhắc các vấn đề nêu trên, không thể dự báo tính bền vững của Dự án về mặt kỹ thuật.

(6) Kết luận

Dự án đã dự thảo mới hai văn bản pháp luật và dự thảo điều chỉnh một văn bản liên quan đến QLCTR có thể coi là những thành tựu quan trọng của Dự án. Tất cả ba Đầu ra hầu hết đã đạt được theo PDM. Tuy nhiên, Đoàn đánh giá không thể phân tích tất cả bốn Chỉ số đánh giá hoàn thành Mục tiêu Dự án một cách khách quan do hạn chế của các Chỉ số này.

Theo kết quả phân tích từ năm tiêu chí đánh giá, dự án được đánh giá mức độ cao ở tính phù hợp, mức độ khá cao ở tính hiệu quả và từ trung bình đến khá cao với tính hiệu suất. Tại thời điểm Đánh giá cuối kỳ, một số tác động tích cực đã được ghi nhận như việc ban hành và có hiệu lực của bốn văn bản được dự thảo và đóng góp ý kiến của Dự án. Đoàn đánh giá cũng không thể dự báo được tính bền vững tổng thể của Dự án vì hầu hết các dự án ưu tiên tại thành

phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế mới vừa thực hiện.

Cân nhắc các điều kiện trên đây, Đoàn đánh giá kết luận rằng Dự án cần được kết thúc theo đúng kế hoạch với triển vọng phổ biến các tài liệu hướng dẫn và tiếp tục thực hiện các dự án ưu tiên thông qua việc chuyển giao kỹ thuật phù hợp của JET đến thời điểm kết thúc Dự án.

Để thực hiện các hoạt động còn lại và đảm bảo tính bền vững của Dự án, khuyến nghị Dự án và phía Việt Nam cân nhắc kỹ các đề xuất được nêu dưới đây.

10. ĐỀ XUẤT ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU TỔNG THỂ

(1) BXD: Thúc đẩy sự phát triển của Quy hoạch tổng hợp chất thải rắn

Một trong những tài liệu quan trọng nhất trong số sáu tài liệu hướng dẫn được xây dựng trong dự án đó là tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn. Trong khuôn khổ dự án, tài liệu hướng dẫn này đã được đề xuất và sử dụng trong các đợt thực hiện CSS cùng với BXD.

Để thúc đẩy việc sử dụng tài liệu hướng dẫn này, đề xuất BXD tận dụng việc sử dụng tài liệu trong các dịp như hội thảo, tập huấn cũng như tiếp tục hoạt động CSS. Việc giới thiệu nội dung tài liệu hướng dẫn tới các địa phương là khá quan trọng, đặc biệt cần nhấn mạnh hiệu quả của nó tới các địa phương. Đặc biệt đối với các địa phương đang có kế hoạch xây dựng/ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn.

(2) BXD: Tiếp tục hoạt động thu thập và tổng hợp dữ liệu

Các dữ liệu liên quan đến quản lý chất thải sinh hoạt tại 63 Tỉnh/Thành đã được thu thập và tổng hợp trong khuôn khổ dự án và BXD đã tự tiến hành hoạt động này trong năm 2017. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng kiến thức và kỹ năng về quản lý dữ liệu chỉ có thể thu được và tích lũy qua kinh nghiệm thực hiện trên thực tế và điều này đã được thực hiện trong quá trình thu thập và tổng hợp dữ liệu liên tục.

Biểu mẫu thu thập dữ liệu có thể được điều chỉnh dựa trên những bài học thu được trong quá trình thực hiện nhằm tiến tới việc quản lý dữ liệu chính xác hơn.

(3) Thành phố Hà Nội: Xây dựng các quy định và phát triển các cơ sở xử lý

a) Đối với Chất thải rắn sinh hoạt

Với việc đối mặt với khó khăn trong việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhu cầu xây dựng các cơ sở xử lý chất thải đang là một nhu cầu rất cấp bách đối với thành phố Hà Nội nhằm giảm thiểu khối lượng chất thải cần chôn lấp. Việc quan trọng trong quá trình phát triển các khu xử lý đó là đảm bảo thực tế phát triển theo đúng quy hoạch cũng như ban hành các quy định nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của các cơ sở này.

b) Đối với Chất thải rắn xây dựng

Các giải pháp phù hợp nhằm quản lý chất thải rắn xây dựng tại Hà Nội hiện đang trong giai đoạn bắt đầu thực hiện. Như đã đề xuất trong khuôn khổ dự án, khuyến nghị thành phố nên bắt đầu từ giải pháp thúc đẩy phát triển các cơ sở tái chế chất thải xây dựng. Giống như chất thải rắn sinh hoạt, thành phố cũng cần cân nhắc việc ban hành các quyết định để hỗ trợ các cơ sở tái chế này hoạt động có hiệu quả.

(4) Thúc đẩy tái chế chất thải xây dựng

Dự án “Thiết lập hệ thống quản lý phế thải xây dựng hiệu quả nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường và tăng cường khả năng chế tạo các loại vật liệu mới từ phế thải xây dựng tái chế ở Việt Nam” được thực hiện theo cơ chế “Đối tác nghiên cứu khoa học và công nghệ hướng tới phát triển bền vững” (Đại học Saitama và Viện Nghiên cứu Môi trường quốc gia Nhật Bản từ tháng 2 năm 2018) sẽ thực hiện hiện một nghiên cứu về mô hình kinh doanh phù hợp nhằm thúc đẩy lĩnh vực tái chế chất thải xây dựng, trong đó bao gồm việc xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản phẩm tái chế từ chất thải xây dựng.

Bất kỳ sự hợp tác nào với BXD và thành phố Hà Nội trong khuôn khổ của chương trình này được kỳ vọng sẽ đóng góp vào việc thúc đẩy lĩnh vực tái chế chất thải rắn xây dựng.

(5) Tiếp tục thực hiện và mở rộng hoạt động của các dự án ưu tiên tại tỉnh Thừa Thiên Huế và điều chỉnh quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn

Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế, quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đã được lập cũng như các dự án ưu tiên đã được hỗ trợ thực hiện bước đầu trong khuôn khổ dự án. Tỉnh Thừa Thiên Huế được khuyến nghị tiếp tục thực hiện/ mở rộng các dự án ưu tiên này. Việc tổ chức Ban chỉ đạo thực hiện quy hoạch định kỳ với sự điều phối của SXD Thừa Thiên Huế là rất quan trọng.

Với các kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình thực hiện các dự án ưu tiên, quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn cần được cập nhật một cách hiệu quả và kịp thời như đã nêu trong nội dung quy hoạch. Việc này sẽ góp phần tiến tới hệ thống quản lý tổng hợp chất thải tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

11. TÀI LIỆU LIÊN QUAN KHÁC

(1) Ma trận thiết kế dự án (PDM)

PDM đã được điều chỉnh dựa trên việc thảo luận trong các cuộc họp JCC, quá trình điều chỉnh đưPDM được nêu trong biên bản cuộc họp JCC đính kèm trong Phụ lục 1.

(2) Kế hoạch hoạt động

Kế hoạch hoạt động có thể tham khảo trong Phụ lục 1.

(3) Kế hoạch hoạt động chi tiết

Kế hoạch hoạt động chi tiết nêu trong “Kế hoạch hoạt động” tham khảo trong Phụ lục 1.

(4) Kế hoạch công tác chuyên gia

Bản cập nhật nhất về kế hoạch công tác của chuyên gia được đính kèm trong Phụ lục 2.

(5) Các thành viên tham gia các khóa tập huấn

Các thành viên tham gia khóa tập huấn tại Nhật Bản có thể tham khảo ở các phụ trương về các khóa tập huấn tại Nhật Bản.

(6) Thiết bị

Danh sách các thiết bị của dự án được đính kèm trong Phụ lục 3.

(7) Biên bản họp JCC

Biên bản các cuộc họp JCC được đính kèm trong Phụ lục 1.

Phụ lục 1. Biên bản cuộc họp Ban điều phối chung

1.1 JCC lần thứ nhất

**BẢN THẢO
BIÊN BẢN CUỘC HỌP
CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG LẦN THỨ NHẤT
CỦA**

**DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN
ĐÔ THỊ TẠI VIỆT NAM**

Theo Biên bản Thảo luận (dưới đây được gọi tắt là R/D) được kí giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (dưới đây được gọi là “Chính phủ Việt Nam”) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (dưới đây được gọi là “JICA”) vào ngày 17/6/2013, phía Việt Nam và phía Nhật Bản tổ chức Cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ nhất (dưới đây được gọi tắt là JCC) tại Hà Nội vào ngày 08/7/2014.

JICA đã cử Đoàn chuyên gia JICA (JET) nhằm thực hiện Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn Đô thị tại Việt Nam, gọi tắt là Dự án Chất thải rắn Việt Nam. JET và Ban Quản lý Dự án (PMU) gồm có Bộ Xây dựng (MOC), Sở Xây dựng Hà Nội trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO Hà Nội) đã làm việc cùng nhau để chỉnh sửa lại Ma trận thiết kế dự án (PDM) và theo đó, chuẩn bị Kế hoạch thực hiện của Dự án.

Kết quả là, bản chỉnh sửa của PDM và Kế hoạch thực hiện đã được hoàn thiện để trình lên cuộc họp Ban điều phối chung lần này và được phê duyệt bởi Ban điều phối chung. Các điểm đã được thảo luận và thống nhất giữa các bên được nêu rõ trong Biên bản cuộc họp này.

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2014

Ông Fumihiko Okiura
Phó trưởng đại diện
Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản – JICA tại
Việt Nam

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Cục trưởng
Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng

Ông Hideki Wada
Trưởng đoàn Chuyên gia JICA

Ông Doãn Thuận Long
Phó Giám đốc
Ban đuy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô
thị - Sở Xây dựng Hà Nội

Ông Vũ Cường
Phó Tổng giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường
Đô thị Hà Nội

I. Giới thiệu

Để thực hiện dự án, bản chỉnh sửa Ma trận thiết kế Dự án và Kế hoạch thực hiện đã được phê duyệt trong buổi họp JCC lần thứ nhất này. Những điểm thảo luận và thống nhất cơ bản được giải thích dưới đây. Ngoài ra, danh sách các thành viên tham gia cuộc họp JCC lần thứ nhất cũng được đính kèm trong Phụ lục 1.

II. Những điểm đã được thảo luận và thống nhất cơ bản.

1. Ma trận thiết kế dự án (PDM)

1) Các loại chất thải mục tiêu

Các loại chất thải mục tiêu của dự án được chỉ rõ dưới đây:

“Chất thải rắn đô thị” đối với dự án được định nghĩa bao gồm: 1) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), các khu vực công cộng (đường phố, công viên...) và các cơ sở thương mại/ dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) Chất thải rắn xây dựng và 3) Phân bùn bể tự hoại.

- Ghi chú:

Mặc dù dự án này tập trung cho “chất thải rắn đô thị”, Quy hoạch quản lý chất thải rắn cần bao gồm tất cả các loại chất thải rắn như chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn y tế. Các loại chất thải mục tiêu khác ngoài chất thải rắn đô thị sẽ được giải quyết bởi các cơ quan đối tác của Việt Nam phối hợp với các cơ quan/bộ liên quan và JET sẽ cung cấp tư vấn kỹ thuật về vấn đề này.

2) Các hoạt động

Một khoảng thời gian nhất định đã trôi qua kể từ ngày ký kết Biên bản Thảo luận (Record of Discussion), theo đó một số bối cảnh thực hiện dự án cũng đã thay đổi. Chính vì yếu tố này mà một số hoạt động của dự án đã có sự điều chỉnh nhỏ nhằm mục đích đạt được các Đầu ra một cách hiệu quả và thiết thực.

Các điểm thay đổi chính

- Tại hoạt động 1-3, xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị đã được xóa bỏ. Do hầu hết các tỉnh/thành phố đã lập xong Quy hoạch quản lý chất thải rắn (QLCTR), việc xây dựng/cải thiện hướng dẫn lập quy hoạch QLCTR hiện tại là không cần thiết.
- Tại hoạt động số 1-6, bổ sung mô hình quản lý khu liên hợp xử lý chất thải rắn (CTR) nhằm quản lý và điều phối hoạt động của các nhà đầu tư trong cùng một khu liên hợp xử lý CTR theo yêu cầu của Bộ Xây dựng, do sự quản lý chung và phối hợp giữa các cơ sở xử lý CTR trong khu liên hợp là rất quan trọng không chỉ trong giai đoạn đầu tư mà còn trong giai đoạn quản lý vận hành sau này.
- Hoạt động số 2-2 về phân biện nội dung quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn Hà Nội được xóa bỏ do Quy hoạch này đã được phê duyệt. Do vậy, Dự án sẽ tập trung vào giai đoạn xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch.
- Trong hoạt động số 2-3, 2-4 và 2-6, Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn Hà Nội được chuyển thành Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội) theo đúng tên chính thức được phê duyệt trong quyết định của Thủ tướng.

- Trong hoạt động 3-2, việc "chuẩn bị Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn" được sửa thành "lập (lập mới hoặc điều chỉnh) Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn" cho địa phương thí điểm được lựa chọn.

3) Chỉ số đánh giá khách quan cho Mục tiêu Dự án

Trong PDM, bốn chỉ số đánh giá khách quan được chỉ ra nhằm đánh giá các kết quả đạt được của dự án: 1. Các kiến thức về quản lý CTR đô thị được tăng cường tại cấp trung ương và cấp địa phương, 2. Tăng cường chính sách và thể chế đối với việc thực hiện quản lý CTR đô thị, 3. Kế hoạch thực hiện về quản lý CTR đô thị được chuẩn bị và thực hiện tại thành phố Hà Nội, 4. Quy hoạch quản lý chất thải rắn được lập (lập mới hoặc điều chỉnh) tại Địa phương thí điểm.

Do các chỉ số đánh giá 1 và 2 khó được đo lường khách quan, việc tường trình các chỉ số này một cách cụ thể và rõ ràng hơn là cần thiết. Trong giai đoạn đầu của Dự án, PMU và JET cần thảo luận về vấn đề này dựa vào kết quả của Đánh giá Năng lực và cần đề xuất thêm những chỉ số đánh giá khách quan trong cuộc họp JCC tiếp theo.

4) Chỉ số đánh giá khách quan và Phương tiện kiểm chứng cho các đầu ra và đầu vào

Một số chỉ số đánh giá khách quan và Phương tiện kiểm chứng đã được chỉnh sửa rõ ràng hơn như nêu trong Phụ lục 2. Bên cạnh đó, Bản PDM gốc (bản ký trong RD) được nêu trong Phụ lục 3, và Bảng so sánh hai bản PDM được nêu tại Phụ lục 4.

2. Kế hoạch hoạt động (PO)

Trong Kế hoạch hoạt động PO, những từ ngữ hợp lý hơn trong sản phẩm chính cũng được đề xuất và được nêu chi tiết trong Phụ lục 5. Bản PO gốc (bản ký trong RD) được nêu trong Phụ lục 6 và bảng so sánh nội dung PO chỉnh sửa và PO gốc được trình bày trong Phụ lục 7.

3. Cấu trúc Quản lý Dự án

JCC đã thống nhất các chức năng và thành viên của JCC trong Phụ lục 8. Ngoài ra, JCC cũng thống nhất các chức năng và thành viên của các Nhóm công tác.

Ban Quản lý Dự án đã đề cử các đối tác của Dự án trong Phụ lục 8, và JCC đã thống nhất các thành viên đối tác.

Đối với nhóm công tác của Hà Nội, JCC đã xác nhận tầm quan trọng của sự tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong việc thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội và kết luận rằng Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội sẽ tham gia vào dự án với tư cách là đơn vị hỗ trợ chuyên môn.

4. Khu liên hợp mục tiêu cho Đầu ra 2

Để lựa chọn một khu liên hợp cho đầu ra 2, JET và PMU đã thảo luận cùng nhau, thực hiện các chuyến khảo sát thực tế và so sánh một số khu liên hợp được liệt kê trong Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn của thành phố Hà Nội ở Phụ lục 9. Kết quả, Sở Xây dựng đã đề xuất Dự án Phục hồi tái sử dụng điện tích bãi chôn lấp hiện tại ở Nam Sơn.

Trong khi đó, URENCO đề xuất Cầu Diễn là khu liên hợp mục tiêu, theo ý kiến của ông Cường, Phó tổng giám đốc URENCO Hà Nội. Ý kiến đề xuất thực hiện hoạt động dưới đây trong khuôn khổ khung dự án.

Tại Việt Nam, hiện tại, do thiếu tiêu chuẩn thống nhất, việc sử dụng thiết bị/cơ sở cho việc trung chuyển CTR không theo tiêu chuẩn. Do đó, việc cân nhắc về trạm trung chuyển ở Cầu Diễn là hữu ích.

Đối với hoạt động chế biến phân hữu cơ tại Cầu Diễn, chất lượng phân hữu cơ không đạt tiêu chuẩn chất lượng cho các hoạt động nông nghiệp. Nhu cầu thị trường cho phân hữu cơ khá hạn chế. Dưới hiện trạng này, việc xử lý CTR nên được chuyển thành việc sản xuất mùn cải tạo đất hơn là sản xuất phân hữu cơ.

Bên cạnh nhà máy chế biến phân hữu cơ Cầu Diễn, có một bãi chôn lấp đã được đóng cửa 15 năm. Kế hoạch tái sử dụng lại diện tích của bãi chôn lấp này cũng nên được xây dựng.

Vi vậy, vấn đề này cần được tiếp tục thảo luận, tuy nhiên, cần phải được quyết định sớm.

5. Địa phương mục tiêu cho Đầu ra 3

Để lựa chọn địa phương thí điểm cho Đầu ra 3, JET và PMU đã thảo luận cùng nhau, thực hiện các chuyến khảo sát thực tế và so sánh 10 địa phương tiềm năng theo đề xuất của Bộ Xây dựng. Kết quả, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được lựa chọn là địa phương mục tiêu cho Đầu ra 3 như nêu trong Phụ lục 10.

6. Tập huấn ở Nhật Bản

Hai (02) khóa tập huấn đã được quyết định thực hiện trong tháng 11 năm 2014 bao gồm một khóa ngắn hạn và một khóa dài hạn. Khóa đầu sẽ được thực hiện từ ngày 01 đến 08 tháng 11, khóa 2 được thực hiện từ ngày 15 đến ngày 29 tháng 11. Chương trình dự kiến được trình bày trong Phụ lục 11.

III. Kết luận

Với những điểm thống nhất ở trên, bản chỉnh sửa PDM ngày 08 tháng 7 năm 2014 đã được phê duyệt bởi Ban điều phối chung và Dự án sẽ được thực hiện dựa trên bản PDM này. Kế hoạch Thực hiện cũng đã được JET trình bày và sẽ được chỉnh sửa, hoàn thiện gửi JICA và Ban điều phối chung thống nhất để triển khai các hoạt động của dự án.

Phụ lục 1. Danh sách tham dự cuộc họp JCC lần thứ nhất

| TT | Tên | Cơ quan | Chức vụ |
|-----------|------------------------|---|------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hồng Tiến | Bộ Xây dựng, Cục Hạ tầng Kỹ thuật | Cục trưởng |
| 2 | Ông Trần Anh Tuấn | Như trên | Phó cục trưởng |
| 3 | Bà Đặng Anh Thư | Như trên | Trưởng phòng QLCTR |
| 4 | Ông Lương Ngọc Khánh | Như trên | Phó Trưởng phòng QLCTR |
| 5 | Ông Hoàng Mạnh Hiệp | Như trên | Chuyên viên |
| 6 | Ông Phùng Anh Đức | Như trên | Như trên |
| 7 | Bà Trần Kiều Anh | Như trên | Như trên |
| 8 | Bà Nguyễn Thị Bích Huệ | Bộ Xây dựng, Vụ Hợp tác Quốc tế | Phó Vụ trưởng |
| 9 | Bà Nguyễn Thị Hồng | Bộ Xây dựng, Vụ Kế hoạch Tài chính | Chuyên viên |
| 10 | Ông Đoàn Thuận Long | Sở Xây Dựng Hà Nội, Ban Duy tu các Công trình Hạ tầng Kỹ thuật Đô thị | Phó Giám đốc |
| 11 | Ông Nguyễn Hải Ninh | Như trên | Phó phòng Kế hoạch |
| 12 | Ông Vũ Cường | Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội | Phó Tổng Giám đốc |
| 13 | Bà Lương Thị Mai Hương | Như trên | Trưởng phòng HTQT |
| 14 | Ông Mitsuo Yoshida | JICA | Cố vấn cấp cao |
| 15 | Ông Fumihiko Okiura | JICA | Phó trưởng Đại diện |
| 16 | Ông Tadashi Suzuki | JICA | Phó trưởng Đại diện |
| 17 | Bà Đào Tố Cẩm | JICA | Cán bộ chương trình |
| 18 | Ông Hideki Wada | Đoàn chuyên gia JICA | Trưởng đoàn |
| 19 | Ông Norihisa Hirata | Như trên | Chuyên gia |
| 20 | Ông Ikuo Mori | Như trên | Như trên |
| 21 | Bà Ai Sawayama | Như trên | Như trên |
| 22 | Bà Lê Minh Ngọc | Như trên | Như trên |
| 23 | Bà Ngô Thị Lan Phương | Như trên | Như trên |
| 24 | Bà Nguyễn Hương Giang | Như trên | Như trên |

Phụ lục 2. So sánh Ma trận thiết kế Dự án và Kế hoạch hoạt động bản tháng 7, 2014 với bản ký tại Biên bản thảo luận RD ngày 17/6/2013

Ma trận Thiết kế Dự án (Tháng 7, 2014)

Ma trận thiết kế dự án Bản số 1 (điều chỉnh lần đầu)

Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam.

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng.

Cơ quan phối hợp: 1) Sở Xây dựng Hà Nội (SXD HN), 2) Công ty TNHH Một Thành Viên Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO HN), 3) Địa

phương thí điểm của đầu ra số 3.

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của các cơ quan thực hiện và cơ quan phối hợp. Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân thành phố Hà Nội và địa phương thí điểm.

Địa bàn mục tiêu: Thành phố Hà Nội, các địa phương khác có liên quan bao gồm địa phương thí điểm.

Chất thải mục tiêu: “Chất thải rắn đô thị” trong dự án này được xác định gồm 1) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), khu vực công cộng (đường phố, công viên...) và các cơ sở thương mại/dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) Chất thải rắn xây dựng và 3) Phân bùn bể tự hoại.

Thời gian thực hiện dự án: Bốn (4) năm kể từ tháng 4/2014

| Mô tả tóm tắt | Chỉ số đánh giá khách quan | Phương tiện kiểm chứng | Giá định quan trọng |
|---|--|----------------------------|--|
| <p>Mục tiêu tổng thể của dự án</p> <p>i) Mục tiêu tổng thể dài hạn (siêu mục tiêu): Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thiết lập trên toàn Việt Nam theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>ii) Mục tiêu tổng thể ngắn hạn (5 năm sau khi hoàn thành dự án): Hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> | <p>1. Khái niệm về Quản lý tổng hợp chất thải rắn phổ biến trên toàn Việt Nam và ít nhất một số thử nghiệm về quản lý tổng hợp chất thải rắn được biết đến</p> | <p>1. Báo cáo khảo sát</p> | <p>1. Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị.</p> <p>2. Chính phủ Việt Nam có bố trí ngân sách và huy động các nguồn ngân sách khác cho việc quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị.</p> |

| | | | | |
|---|--|---|---|---|
| <p>Mục tiêu dự án</p> | <p>Năng lực Quản lý chất thải rắn đô thị được phát triển một cách tổng thể ở cấp trung ương và cấp địa phương.</p> | <p>1. Các kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường tại cấp trung ương và cấp địa phương.</p> <p>2. Tăng cường chính sách và thể chế đối với việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị.</p> <p>3. Kế hoạch thực hiện về quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị và thực hiện tại thành phố Hà Nội.</p> <p>4. Quy hoạch quản lý chất thải rắn được lập mới/điều chỉnh tại địa phương thí điểm</p> | <p>1. Biên bản cuộc họp ban điều phối chung (JCC)</p> <p>2. Các báo cáo tiến độ, các báo cáo đánh giá năng lực và báo cáo hoàn thành dự án</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá chung dự án</p> <p>4. Quy hoạch quản lý chất thải rắn</p> | <p>1. Hầu hết các cán bộ đối tác vẫn tiếp tục làm việc cho dự án.</p> |
| <p>Đầu ra</p> | <p>Đầu ra 1: Năng lực của Bộ Xây dựng về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường, đặc biệt đối với việc quản lý chất thải rắn đô thị.</p> | <p>1. Các chính sách, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn... về quản lý chất thải rắn đô thị được cải thiện.</p> <p>2. Các hoạt động điều phối và hướng dẫn hiện tại về quản lý chất thải rắn đô thị đối với địa phương được cải thiện.</p> <p>3. Tập huấn và hội thảo trong nước được tổ chức hai lần mỗi năm</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> <p>2. Các báo cáo đánh giá năng lực</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác</p> | <p>1. Ngân sách cần thiết cho các hoạt động được các cơ quan liên quan đảm bảo.</p> <p>2. Dự thảo Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội được chuẩn bị bởi UBND thành phố Hà Nội trong thời gian đầu của dự án.</p> |
| <p>Đầu ra 2: Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường.</p> | <p>1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch thực hiện đối với Quy hoạch xử lý chất thải rắn thành phố Hà Nội</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> <p>2. Các báo cáo đánh giá năng lực</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> <p>2. Các báo cáo đánh giá năng lực</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác</p> | <p>1. Bảo cáo công tác</p> <p>2. Báo cáo đánh giá tập huấn</p> |
| <p>Đầu ra 3: Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm.</p> | <p>1. Hiện trạng năng lực Quản lý chất thải rắn tại địa phương thí điểm được phân tích kỹ lưỡng bởi Bộ Xây dựng.</p> <p>2. Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn tại địa phương thí điểm đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị.</p> | <p>1. Kế hoạch hành động cá nhân nhằm cải thiện các hoạt động quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị bởi các thành viên tham</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> <p>2. Các báo cáo đánh giá năng lực</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác</p> | <p>1. Bảo cáo công tác</p> <p>2. Báo cáo đánh giá tập huấn</p> |
| <p>Đầu ra 4: Kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị của các cán bộ cấp trung ương và địa phương được tăng cường.</p> | | | | |

| | | | |
|---|---|--|----------------|
| | <p>gia khóa tập huấn tại Nhật Bản.</p> <p>2. Kinh nghiệm và thông tin được trao đổi giữa các thành viên tham gia khóa tập huấn tại nước thứ ba.</p> <p>3. Các khóa tập huấn được tổ chức hàng năm.</p> | <p>3. Kế hoạch hành động cá nhân và báo cáo tiến độ của kế hoạch hành động</p> | |
| Đầu vào | | | |
| Các hoạt động | | | |
| <p>I-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.</p> | <p>Phía Nhật Bản</p> <p>(1) Chuyên gia Nhật Bản</p> <p>1) Cố vấn trưởng</p> <p>2) Điều phối dự án</p> <p>3) Tổ chức và thể chế</p> <p>4) Quản lý chất thải rắn</p> <p>5) Quản lý chất thải</p> <p>6) Quản lý tài chính</p> <p>7) Công nghệ xử lý chất thải</p> <p>8) Giáo dục môi trường</p> <p>9) Các chuyên gia khác trong các lĩnh vực cụ thể, nếu cần</p> | <p>Phía Việt Nam</p> <p>(1) Đối tác và các cán bộ khác</p> <p>1) Giám đốc dự án</p> <p>2) Các cán bộ quản lý dự án</p> <p>3) Cán bộ đối tác thuộc</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) URENCO Hà Nội</p> <p>iv) SXD tại địa phương thí điểm</p> <p>4) Nhân viên hành chính cho việc thực hiện dự án</p> | <p>Đầu vào</p> |
| <p>I-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.</p> | | | |
| <p>I-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị.</p> | | | |
| <p>I-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của Bộ Xây dựng trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương.</p> | | | |
| <p>I-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.</p> | | | |
| <p>I-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn.</p> | <p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản.</p> <p>i) Tập huấn ngắn hạn: 1-2 lần/năm, 10-12 căn bộ</p> <p>ii) Tập huấn dài hạn: 1 lần/năm, 7-10 căn bộ</p> | | |
| <p>I-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh.</p> | | | |
| <p>I-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.</p> | <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dựa trên điều kiện thực tế đòi hỏi các thiết bị và tài liệu, như:</p> <p>i) Giáo dục môi trường và truyền thông</p> | | |
| <p>I-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc.</p> | | | |

| | | | |
|---|---|---|--|
| <p>2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất.</p> | <p>ii) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> | <p>i) BXD ii) SXD Hà Nội iii) SXD địa phương thí điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khóa tập huấn, hội thảo, v..v.</p> <p>(3) Chi phí Dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p> | <p>Các điều kiện cần thiết</p> <p>Ngân sách quan trọng cho hoạt động của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nội không bị cắt giảm.</p> |
| <p>2-2. (Xóa bỏ)</p> | | | |
| <p>2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.</p> | | | |
| <p>2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị.</p> | | | |
| <p>2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP...</p> | | | |
| <p>2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị.</p> | | | |
| <p>3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành.</p> | | | |
| <p>3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm.</p> | | | |
| <p>3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị.</p> | | | |
| <p>4-1. Thực hiện các khóa tập huấn kỹ thuật nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương.</p> | | | |
| <p>4-2. Thực hiện (các) khóa tập huấn tại các quốc gia láng giềng nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương.</p> | | | |

Phụ lục 3. Ma trận Thiết kế Dự án (Biên bản Thảo luận, ngày 17/6/2013)

Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây Dựng

Cơ quan phối hợp: 1) Sở Xây Dựng Hà Nội (SXD HN), 2) Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO HN), 3) Các địa phương thí điểm của đầu ra số 3

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của các cơ quan thực hiện và cơ quan phối hợp. Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân thành phố Hà Nội và các địa phương thí điểm

Địa bàn mục tiêu: Thành phố Hà Nội, các địa phương khác có liên quan bao gồm các địa phương thực hiện thí điểm

Chất thải mục tiêu: Chất thải rắn đô thị, bao gồm các loại chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động của hộ gia đình, sản xuất nhỏ, kinh doanh, và dịch vụ trên địa bàn đô thị

Thời gian thực hiện dự án: Bốn (4) năm kể từ năm 2014

| Mô tả tóm tắt | Chỉ số đánh giá khách quan | Phương tiện kiểm chứng | Giá định quan trọng |
|---|--|---|--|
| <p>Mục tiêu tổng thể của dự án</p> <p>i) Mục tiêu tổng thể dài hạn (siêu mục tiêu): Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thiết lập trên toàn Việt Nam theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>ii) Mục tiêu tổng thể ngắn hạn (5 năm sau khi hoàn thành dự án): Hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> | <p>1. Quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị được thực hiện trên toàn Việt Nam.</p> <p>2. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn được hoàn thành trên toàn Việt Nam.</p> | <p>1. Báo cáo khảo sát</p> | <p>1. Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách về quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị.</p> <p>2. Chính phủ Việt Nam có bố trí ngân sách và huy động các nguồn ngân sách khác cho việc quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị.</p> |
| <p>Mục tiêu dự án</p> <p>Năng lực Quản lý chất thải rắn đô thị được phát triển một cách tổng thể ở cấp trung ương và cấp địa phương.</p> | <p>1. Các kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường lại cấp trung ương và cấp địa phương.</p> <p>2. Tăng cường chính sách và thể chế đối với việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị.</p> <p>3. Quy hoạch về quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị và thực hiện ở thành phố Hà Nội.</p> <p>4. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn được chuẩn bị lại XXX địa phương</p> | <p>1. Biên bản cuộc họp ban điều phối chung (JCC)</p> <p>2. Các báo cáo tiến độ và báo cáo hoàn thành dự án</p> <p>3. Các báo cáo đánh giá chung dự án</p> <p>4. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn</p> | <p>1. Hầu hết các cán bộ đối tác vẫn tiếp tục làm việc cho dự án.</p> |

| | | | |
|---|--|---|---|
| <p>Đầu ra</p> <p>Đầu ra 1: Năng lực của BXD về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường.</p> | <p>1. Các chính sách, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn... về quản lý chất thải rắn đô thị cải thiện.</p> <p>2. Các hoạt động điều phối và hướng dẫn hiện tại về quản lý chất thải rắn đô thị đối với địa phương được cải thiện.</p> <p>3. Tập huấn và hội thảo trong nước được tổ chức XX lần mỗi năm</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> | <p>1. Ngân sách cần thiết cho các hoạt động được các cơ quan liên quan đảm bảo.</p> <p>2. Bản dự thảo Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn của thành phố Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội chuẩn bị trong thời gian bắt đầu thực hiện dự án.</p> |
| <p>Đầu ra 2: Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường.</p> | <p>1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động đối với Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> | |
| <p>Đầu ra 3: Hỗ trợ kỹ thuật năng lực đối với BXD trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường thông qua địa phương thí điểm.</p> | <p>1. Hiện trạng năng lực Quản lý chất thải rắn tại địa phương thí điểm được phân tích kỹ lưỡng bởi BXD.</p> <p>2. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt phân chất thải rắn đô thị tại địa phương thí điểm.</p> | <p>1. Các báo cáo dự án</p> | |
| <p>Đầu ra 4: Kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị của các cán bộ cấp trung ương và địa phương được tăng cường.</p> | <p>1. Kế hoạch hành động cá nhân nhằm cải thiện các hoạt động quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị bởi các thành viên tham gia khóa tập huấn tại Nhật Bản.</p> <p>2. Kinh nghiệm và thông tin được trao đổi giữa các thành viên tham gia khóa tập huấn tại nước thứ ba.</p> <p>3. Các khóa tập huấn được tổ chức hàng năm.</p> | <p>1. Báo cáo công tác</p> <p>2. Kế hoạch hành động</p> | |
| <p>Các hoạt động</p> | | | |
| <p>1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.</p> | <p>Đầu vào</p> | | |
| <p>1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.</p> | <p>Phía Nhật Bản (1) Chuyên gia Nhật Bản 1) Cố vấn trưởng 2) Điều phối dự án 3) Tổ chức và thể chế</p> | <p>Phía Việt Nam (1) Đối tác và các cán bộ khác 1) Giám đốc dự án 2) Các quản lý dự</p> | |

| | | |
|--|--|--|
| <p>1-3. Rà soát, tăng cường và cải thiện hướng dẫn hiện tại về lập quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị và quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn.</p> <p>1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của BXD trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn tại các địa phương.</p> <p>1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.</p> <p>1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư để áp dụng đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn</p> <p>1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn vùng liên tỉnh.</p> <p>1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.</p> <p>1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và các xã hội về quản lý chất thải rắn trên toàn quốc.</p> | <p>4) Quản lý chất thải rắn</p> <p>5) Quản lý dữ liệu</p> <p>6) Quản lý tài chính</p> <p>7) Công nghệ xử lý chất thải</p> <p>8) Giáo dục môi trường</p> <p>9) Các chuyên gia khác trong các lĩnh vực cụ thể, nếu cần</p> <p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản.</p> <p>i) Tập huấn ngắn hạn: 2 lần/năm, 10-12 cá nhân</p> <p>ii) Tập huấn dài hạn: 1 lần/năm, 7-10 cá nhân</p> <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dữ liệu điều kiện thực tế đòi hỏi các thiết bị và tài liệu, như:</p> <p>i) Giáo dục môi trường và truyền thông</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> | <p>án</p> <p>3) Cán bộ đối tác thuộc</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) URENCO Hà Nội</p> <p>iv) SXD tại địa phương thí điểm</p> <p>4) Nhân viên hành chính cho việc thực hiện dự án</p> <p>(2) Văn phòng dự án. Các trang thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Văn phòng làm việc cho các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) SXD địa phương thí điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khoa tập huấn, hội thảo, v.v.</p> <p>(3) Chi phí Dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p> |
| <p>2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất.</p> <p>2-2. Phân biện nội dung Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn Hà Nội</p> <p>2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.</p> <p>2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn của thành phố Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiên khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn.</p> <p>2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP...</p> <p>2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn của thành phố Hà Nội, đặc biệt cho phân quản lý chất thải rắn đô thị.</p> | <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dữ liệu điều kiện thực tế đòi hỏi các thiết bị và tài liệu, như:</p> <p>i) Giáo dục môi trường và truyền thông</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> | <p>(2) Văn phòng dự án. Các trang thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Văn phòng làm việc cho các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) SXD địa phương thí điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khoa tập huấn, hội thảo, v.v.</p> <p>(3) Chi phí Dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p> |

3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về Quản lý chất thải rắn.

3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc chuẩn bị Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị.

3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị.

4-1. Thực hiện các khóa tập huấn kỹ thuật nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương.

4-2. Thực hiện (các) khóa tập huấn tại các quốc gia láng giềng nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương.

Các điều kiện cần thiết

Ngân sách quan trọng cho hoạt động của BXD, SXD Hà Nội không bị cắt giảm.

Phụ lục 4. Bảng so sánh Nội dung thay đổi của Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

| Mục | Bản ký trong Biên bản thảo luận RD, ngày 17/6/2013 | Bản chính sửa Tháng 7 - 2014 |
|--|---|---|
| Chất thải mục tiêu | Chất thải rắn đô thị, bao gồm các loại chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động của các hộ gia đình, sản xuất nhỏ, kinh doanh, và dịch vụ trên địa bàn đô thị | "Chất thải rắn đô thị" trong dự án này được xác định gồm 1) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), khu vực công cộng (đường phố, công viên...) và các cơ sở thương mại/dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) Chất thải rắn xây dựng và 3) Phân bùn bể tự hoại. |
| Hoạt động 1-3 | Rà soát, tăng cường và cải thiện hướng dẫn hiện tại về lập quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị và quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn. | Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị. |
| Hoạt động 1-6 | Nghiên cứu các mô hình đầu tư để áp dụng đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn | Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn. |
| Hoạt động 2-2 | Phân biện nội dung Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn Hà Nội | (Xóa bỏ) |
| Hoạt động 2-3, 2-4, và 2-6 | Quy hoạch Quản lý tổng hợp Chất thải rắn Hà Nội | Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội |
| Hoạt động 3-2 | Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc chuẩn bị Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm | Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm |
| Chỉ số đánh giá khách quan đối với Mục tiêu tổng thể của Dự án | 1. Quản lý tổng hợp chất thải rắn đối với chất thải rắn đô thị được thực hiện trên toàn Việt Nam. 2. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn được hoàn thành trên toàn Việt Nam. | 1. Khái niệm về Quản lý tổng hợp chất thải rắn phổ biến trên toàn Việt Nam và ít nhất một số thử nghiệm về quản lý tổng hợp chất thải rắn được biết đến 2. (Xóa bỏ) |
| Chỉ số đánh giá khách quan đối với Mục tiêu của Dự án | 3. Quy hoạch về quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị và thực hiện ở thành phố Hà Nội. 4. Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn được chuẩn bị tại XXX địa phương | 3. Kế hoạch thực hiện về quản lý chất thải rắn đô thị được chuẩn bị và thực hiện tại thành phố Hà Nội. 4. Quy hoạch quản lý chất thải rắn được lập mới/điều chỉnh tại địa phương thí điểm. |
| Chỉ số đánh giá khách quan đối với Đầu ra số 1 | 3. Tập huấn và hội thảo trong nước được tổ chức XX lần mỗi năm | 3. Tập huấn và hội thảo trong nước được tổ chức hai lần mỗi năm |
| Chỉ số đánh giá khách quan đối với Đầu ra số 2 | 1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động đối với Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội | 1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch thực hiện đối với Quy hoạch xử lý chất thải rắn thành phố Hà Nội |

| Mục | Bản ký trong Biên bản thảo luận RD, ngày 17/6/2013 | Bản chỉnh sửa Tháng 7 - 2014 |
|---|---|---|
| Phương tiện kiểm chứng đối với Mục tiêu của dự án | 2. Các báo cáo tiến độ và Báo cáo hoàn thành Dự án | 2. Các báo cáo tiến độ, các báo cáo đánh giá năng lực và báo cáo hoàn thành dự án |
| Phương tiện kiểm chứng đối với Đầu ra số 1 | 1. Các báo cáo dự án | 1. Các báo cáo dự án 2. Các báo cáo đánh giá năng lực 3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác |
| Phương tiện kiểm chứng đối với Đầu ra số 2 | 1. Các báo cáo dự án | 1. Các báo cáo dự án 2. Các báo cáo đánh giá năng lực 3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác |
| Phương tiện kiểm chứng đối với Đầu ra số 3 | 1. Các báo cáo dự án | 1. Các báo cáo dự án 2. Các báo cáo đánh giá năng lực 3. Các báo cáo đánh giá dự án hợp tác |
| Phương tiện kiểm chứng đối với Đầu ra số 4 | 1. Báo cáo công tác 2. Kế hoạch hành động | 1. Báo cáo công tác 2. Báo cáo đánh giá tập huấn 3. Kế hoạch hành động cá nhân và báo cáo tiến độ của kế hoạch hành động |
| Phương tiện kiểm chứng đối với Đầu vào | (2) Tập huấn quốc tế 1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản. 1) Tập huấn ngắn hạn: 2 lần/năm, 10-12 cán bộ | (2) Tập huấn quốc tế 1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản. 1) Tập huấn ngắn hạn: 1-2 lần/năm, 10-12 cán bộ |

Phụ lục 5. Kế hoạch hoạt động (Tháng 7 - 2014)

Kế hoạch hoạt động dự án (PO)

Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng

Cơ quan phối hợp: 1) Sở Xây dựng Hà Nội (SXD HN), 2) Công ty TNHH Môi trường Đô thị (URENCO Hà Nội), 3) Địa phương thí điểm của dự án và 3

Địa phương hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của các cơ quan được hiện và cơ quan phối hợp. Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân thành phố Hà Nội và địa phương thí điểm.

Địa bàn mục tiêu: Thành phố Hà Nội, các địa phương khác có liên quan bao gồm địa phương được hiện thí điểm

“Chỉ tiêu thực hiện” (“Chỉ tiêu đầu ra”) trong dự án này được các đánh giá viên 1) Chỉ tiêu của chất lượng phát triển và các hoạt động liên quan, các bộ phận, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), 2) Mục tiêu công nghệ (thiết bị, công nghệ...), và các chỉ số được mô tả trong các bảng, văn phòng, tài liệu, video, ảnh, ảnh chụp... 3) 21.3.3.8. Thời gian dự án: 21 Tháng làm bù lưu hành.

Thời gian thực hiện dự án: Đầu (1) năm kể từ Tháng 4/2014

| Hoạt động | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Năm thực hiện | | | | | | | | | | | | Sản phẩm chính (nếu xuất) | |
|--|--|------------------------------|---------------|---|---|-----------|---|---|-----------|---|---|-----------|---|---|---------------------------|---|
| | | | Năm thứ 1 | | | Năm thứ 2 | | | Năm thứ 3 | | | Năm thứ 4 | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 | | |
| Kế hoạch dự án | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Năng lực của BXD về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện “Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường, đặc biệt đối với Quản lý chất thải rắn đô thị. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết. | BXD | | | | | | | | | | | | | | Các văn bản đề xuất, ví dụ: 1. Nghị định 59; các tiêu chuẩn, quy chuẩn chính của liên quan đến quản lý chất thải rắn đô thị 2. Quy định về quản lý phân bón bề mặt, và 3. Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng |
| 1.2 | Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Kết quả đánh giá 2. Tiêu chí lựa chọn công nghệ |
| 1.3 | Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Bản chính của hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn |
| 1.4 | Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của BXD trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Bộ Xây dựng 2. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Bộ Xây dựng |
| 1.5 | Thu thập dữ liệu và thông tin sơ bộ về việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và các định các vấn đề tồn tại. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Kết quả phân tích tổng hợp về quản lý chất thải rắn đô thị. 2. Cơ sở dữ liệu |
| 1.6 | Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Hướng dẫn lập dự án |
| 1.7 | Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng lân cận. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Hướng dẫn lập Quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng lân cận. |
| 1.8 | Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Chương trình tập huấn |
| 1.9 | Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và các xử lý về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc. | BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Chương trình hội thảo/thảo luận |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị được tăng cường | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Đánh giá kết quả thực hiện dự án Phần 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất. | URENCO HN SXD HN | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Bài học kinh nghiệm và đề xuất |
| 2.2 | (Chưa có) | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng. | URENCO HN SXD HN | | | | | | | | | | | | | | 1. Tài liệu đề xuất 2. Kế hoạch thực hiện |
| 2.4 | Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị | URENCO HN SXD HN | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi |
| 2.5 | Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PPP, PPP etc. | URENCO HN SXD HN | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Nghiên cứu |
| 2.6 | Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị | URENCO HN SXD HN | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo kinh nghiệm |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hỗ trợ kỹ thuật nâng lực đối với BXD trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Thực hiện “Đánh giá năng lực” đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành. | URENCO địa phương SXD BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo đánh giá năng lực |
| 3.2 | Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm. | URENCO địa phương SXD BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Quy hoạch quản lý chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị của địa phương thí điểm |
| 3.3 | Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị. | URENCO địa phương SXD BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo hoạt động |
| 4 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kiểm tra về quản lý chất thải rắn đô thị của các cán bộ cấp trung ương và địa phương được tăng cường. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Thực hiện các khóa tập huấn lý thuyết nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương. | BXD BXD | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo công tác 2. Kế hoạch hành động |
| 4.2 | Thực hiện (các) khóa tập huấn tại các quốc gia láng giềng nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương. | BXD BXD | | | | | | | | | | | | | | |

Phụ lục 6. Kế hoạch hoạt động (Bản ký trong Biên bản thảo luận RD, ngày 17/6/2013)

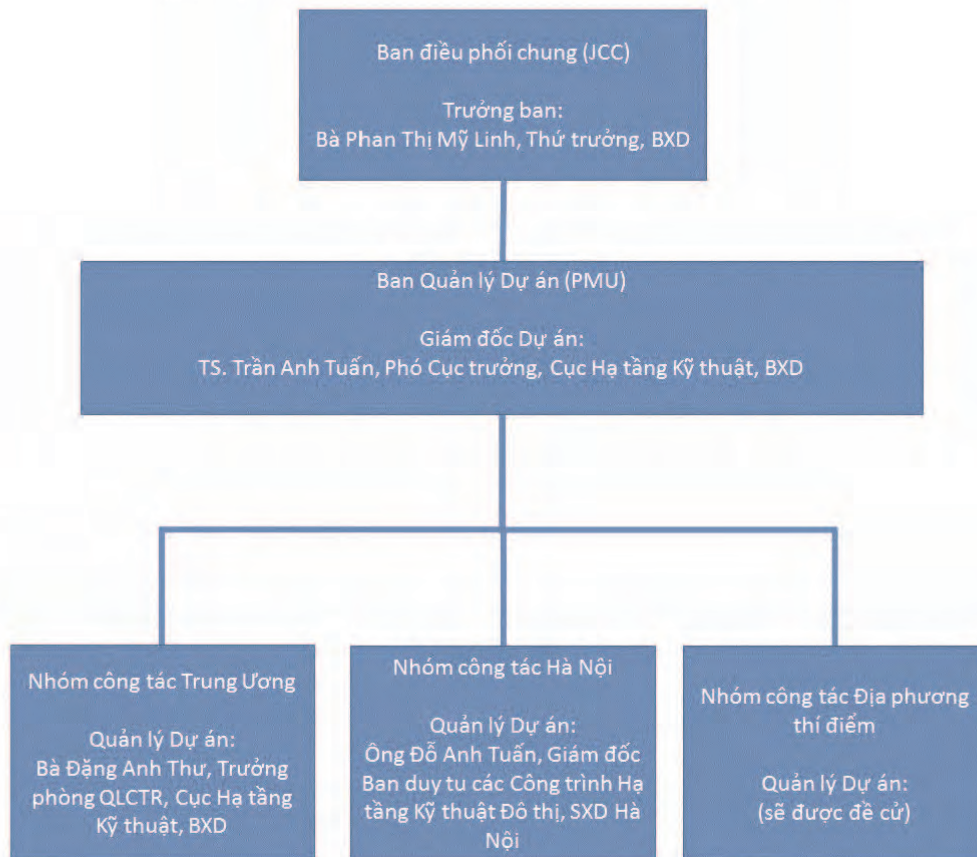
| Kế hoạch thực hiện dự án (PO) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|---|-------------------------------|-----------------------|----|----|----|-----------|----|----|----|-----------|----|----|----|-----------|----|----|----|---------------------------|---|--|--|--|
| Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng Cơ quan phối hợp: 1) Sở Xây dựng Hà Nội (SXD HN); 2) Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO HN); 3) Các địa phương thí điểm của dự án và 3 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các hộ của các cơ quan tham gia và cơ quan phối hợp. Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân thành phố Hà Nội và các địa phương thí điểm Địa bàn mục tiêu: Thành phố Hà Nội, các địa phương khác có liên quan bao gồm các địa phương thực hiện thí điểm Loại dự án: Nghiên cứu và phát triển, bao gồm các hoạt động như phân tích và đánh giá, sản xuất thử, kinh doanh, và dịch vụ trên địa bàn đô thị Thời gian thực hiện dự án: Bốn (04) năm kể từ năm 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hạng mục | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Năm thứ nhất | | | | Năm thứ 2 | | | | Năm thứ 3 | | | | Năm thứ 4 | | | | Số phiên chính (đợt công) | | | | |
| | | | 1a | 2a | 3a | 4a | 1a | 2a | 3a | 4a | 1a | 2a | 3a | 4a | 1a | 2a | 3a | 4a | | | | | |
| Kế hoạch dự án | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 Nâng lực của UBND và quản lý, hoạch định chính sách và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường, đặc biệt đối với quản lý chất thải rắn đô thị. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | Các văn bản đề xuất, ví dụ: 1. Nghị định 59 về tiêu chuẩn, quy chuẩn chính của liên quan đến quản lý chất thải rắn đô thị 2. Quy định về quản lý phân bón bề mặt, và 3. Quy định về quản lý chất thải xây dựng | | | |
| 1.2 | Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Kết quả đánh giá 2. Tiêu chí lựa chọn công nghệ | | | |
| 1.3 | Rà soát, tăng cường và cải thiện hướng dẫn hiện tại về lập quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị và quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Bản chính sửa hướng dẫn lập quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị | | | |
| 1.4 | Tăng cường năng lực huấn luyện và giám sát của UBND trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại địa phương. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Bộ xây dựng 2. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Bộ xây dựng | | | |
| 1.5 | Thu thập dữ liệu và thông tin có dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các nhu cầu đầu tư. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Kết quả phân tích tổng hợp về quản lý chất thải rắn đô thị. 2. Cơ sở dữ liệu | | | |
| 1.6 | Nghiên cứu các mô hình đầu tư để áp dụng để xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | Hướng dẫn áp dụng mô hình phù hợp | | | |
| 1.7 | Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn vùng lân cận. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn vùng lân cận | | | |
| 1.8 | Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Chương trình tập huấn | | | |
| 1.9 | Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và các vai trò và quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc. | SXD | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Chương trình hội thảo/thảo luận | | | |
| 2 Nâng lực quản lý chất thải rắn đô thị của UBND Hà Nội được tăng cường | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Đánh giá kết quả thực hiện dự án Phase 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất. | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Bài học kinh nghiệm và đề xuất | | | |
| 2.2 | Phân bổ nội dung Quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn Hà Nội | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Tài liệu đề xuất | | | |
| 2.3 | Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn thành phố Hà Nội, bao gồm các hoạt động như: cao nhân thức cộng đồng. | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Tài liệu đề xuất 2. Kế hoạch hành động | | | |
| 2.4 | Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn của thành phố Hà Nội, và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn. | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Nghiên cứu khả thi | | | |
| 2.5 | Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PPP, PFI, etc. | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo Nghiên cứu | | | |
| 2.6 | Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn của thành phố Hà Nội, đặc biệt cho phân quản lý chất thải rắn đô thị. | UBND TP HN SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo kinh nghiệm | | | |
| 3 Hỗ trợ kỹ thuật nâng lực đối với UBND trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn được tăng cường thông qua địa phương thí điểm, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1 | Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về Quản lý chất thải rắn | UBND địa phương SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo đánh giá năng lực | | | |
| 3.2 | Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc chuẩn bị Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị. | UBND địa phương SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị của địa phương thí điểm | | | |
| 3.3 | Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị. | UBND địa phương SXD/URENCO | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo hoạt động | | | |
| 4 Kiểm tra và quản lý chất thải rắn đô thị của các cán bộ cấp trung ương và địa phương được tăng cường. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4.1 | Thực hiện các khóa tập huấn lý thuyết nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương. | SXD/URENCO | Các cơ quan liên quan | | | | | | | | | | | | | | | | | 1. Báo cáo công tác 2. Kế hoạch hành động | | | |
| 4.2 | Thực hiện (các) khóa tập huấn tại các quốc gia láng giềng nhằm tăng cường kiến thức về quản lý chất thải rắn đô thị cho các cán bộ cấp trung ương và địa phương. | SXD/URENCO | Các cơ quan liên quan | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Phụ lục 7. Bảng so sánh Kế hoạch hoạt động (PO)

| Mục | Bản ký tại Biên bản thảo luận RD, ngày 17/6/2013 | Bản Tháng 7 - 2014 |
|-----------------------------------|---|---------------------------|
| Sân phẩm chính của hoạt động 2-3 | 2. Kế hoạch hành động | 2. Kế hoạch thực hiện |
| Chất thải mục tiêu, Các hoạt động | Tham khảo bản so sánh PDM | Tham khảo bản so sánh PDM |

Phụ lục 8. Cấu trúc Quản lý Dự án

1. Cấu trúc Quản lý Dự án



2. Ban điều phối chung

(1) Các chức năng

- Ban điều phối chung (JCC) sẽ họp ít nhất một lần một năm và họp trong trường hợp cần thiết. Các chức năng chính của JCC được trình bày dưới đây:
- Giám sát tiến độ các hoạt động dự án theo Kế hoạch Hoạt động (PO)
- Rà soát và kiểm tra khung dự án theo Ma trận thiết kế dự án (PDM)
- Thảo luận và tư vấn về những vấn đề chính phát sinh trong giai đoạn dự án
- Phê duyệt Kế hoạch Hoạt động Hàng năm

(2) Thành viên

1) Trưởng ban

- Bà Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng

2) Phía Việt Nam

- Đại diện, Cục Hạ tầng Kỹ thuật, Bộ Xây dựng
- Đại diện, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng
- Đại diện Sở Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội
- Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hà Nội
- Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội
- Đại diện một địa phương thí điểm
- Những thành viên khác sẽ được quyết định bởi phía Việt Nam

3) Phía Nhật Bản

- Cố vấn trưởng của Dự án
- (Những) chuyên gia Nhật Bản khác trong đoàn Dự án
- Trưởng đại diện, Văn phòng JICA Việt Nam
- Những thành viên khác được đề xuất bởi JICA
- (Những) đại diện của Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam (với tư cách là giám sát viên)

3. Ban Quản lý Dự án

(1) Chức năng

- Điều phối Nhóm công tác
- Quản lý tiến độ của các hoạt động của các nhóm công tác

(2) Thành viên

- Giám đốc Dự án: TS. Trần Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật, BXD
- Quản lý Dự án 1: Bà Đặng Anh Thư, Trưởng phòng QLCTR, Cục Hạ tầng Kỹ thuật, BXD
- Quản lý Dự án 2: Ông Đỗ Anh Tuấn, Giám đốc Ban duy tu các Công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị, SXD Hà Nội
- Quản lý Dự án 3: (sẽ được đề cử)

4. Nhóm công tác

(1) Chức năng

- Các cuộc họp nhóm công tác sẽ được tổ chức dựa vào sự cần thiết của việc tăng cường năng lực một cách hiệu quả.
- Thực hiện các hoạt động trong PDM và chuẩn bị những báo cáo được đề cập đến trong PO cho mục đích tăng cường năng lực một cách hiệu quả, tận dụng những tư vấn kỹ thuật của JET

(2) Quản lý nhóm công tác

- Về nguyên tắc, các nhóm công tác sẽ được quản lý dưới hình thức sau:
- Ban Quản lý Dự án sẽ đưa ra những nhiệm vụ cần được giải quyết.
- Những nhiệm vụ sẽ được thảo luận trong các cuộc họp nhóm công tác với sự tham gia của các thành viên Việt Nam và Nhật Bản.
- Các giải pháp tạm thời được đưa ra trong các cuộc họp nhóm công tác sẽ được trình bày trong những hội thảo trao đổi ý kiến nội bộ được tổ chức định kì.
- Các giải pháp tạm thời sẽ được tiếp tục thảo luận và đánh giá trong các buổi họp nhóm công tác.

(3) Các thành viên của nhóm công tác

Những thành viên của dự án được giao nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ của các nhóm công tác như dưới đây

| Nhóm công tác | | Tên viết tắt | Đối tác Việt Nam |
|--------------------|--------------------------------|-------------------------------------|---|
| Cấp trung ương | Nhóm chính sách/Cơ sở xử lý TW | PFC | <ul style="list-style-type: none"> ● TS. Trần Anh Tuấn, Phó Cục trưởng ● Bà Đặng Anh Thư, Trưởng phòng QLCTR ● Ông Lương Ngọc Khánh, Phó trưởng phòng QLCTR ● Ông Hoàng Mạnh Hiệp, Chuyên viên ● Bà Trần Kiều Anh, Chuyên viên ● Ông Phùng Anh Đức, Chuyên viên ● Ông Phan Hồng Thái, Chuyên viên ● Đại diện của các phòng ban khác |
| Cấp địa phương | Hà Nội | Nhóm Chính sách Hà Nội | <SXD> <ul style="list-style-type: none"> ● Ông Đỗ Anh Tuấn, Giám đốc Ban Duy tu Các công trình HTKT Đô thị ● Ông Đoàn Thuận Long, Phó giám đốc Ban Duy tu Các công trình HTKT Đô thị ● Ông Nguyễn Hải Ninh, Phó phòng KHTH, Ban Duy tu Các Công trình HTKT Đô thị ● Đại diện của các phòng ban khác <URENCO> <ul style="list-style-type: none"> ● Ông Vũ Cường, Phó Tổng giám đốc Công ty ● Bà Lương Thị Mai Hương, Trưởng phòng HTQT Công ty ● Đại diện được đề cử từ các phòng ban khác ● |
| | | Nhóm Cơ sở xử lý Hà Nội | |
| | Địa phương thí điểm | Nhóm chính sách địa phương thí điểm | MM (sẽ được đề cử) |
| Truyền thông dự án | | | PP (sẽ được đề cử) |

Phụ lục 9. Lựa chọn khu xử lý mục tiêu cho hoạt động 2.4 và 2.5, Đầu ra số 2

I. Khái quát:

Đối với hoạt động số 2.4 và 2.5, một số khu liên hợp xử lý CTR nêu trong Quy hoạch Xử lý Chất thải rắn Hà Nội đã được phía Việt Nam lựa chọn là các khu xử lý tiềm năng, bao gồm: Sóc Sơn, Xuân Sơn, Phù Đồng, Kiều Ky, Cầu Diễn và Đồng Kê. Hiện trạng và quy hoạch trong tương lai của các khu xử lý này đã được xem xét thông qua các chuyến thăm quan thực địa và phỏng vấn với các bên liên quan. Kết quả được trình bày trong tài liệu này.

II. Các hoạt động

1. Đánh giá kết quả của các chuyến khảo sát tại các khu thực địa

Kết quả của khảo sát các khu liên hợp mục tiêu tiềm năng được tổng hợp trong bảng sau đây, “Bảng so sánh các khu liên hợp xử lý chất thải rắn”.

2. Lựa chọn khu liên hợp

Việc đánh giá được thực hiện dựa trên các quan điểm sau 1) Phù hợp với dự án (dù chất thải của khu xử lý mục tiêu có nằm trong các loại chất thải mục tiêu của dự án hay không), 2) Thời hạn của dự án, 3) Cân nhắc từ khía cạnh xã hội, 4) Cân nhắc từ khía cạnh môi trường và 5) Các cân nhắc khác. Một số đánh giá tổng quan cũng được nêu trong bảng sau đây. Kết quả tạm thời đánh giá lựa chọn phù hợp nhất cho Cầu Diễn, tiếp theo đó là Kiều Ky, Sóc Sơn, Xuân Sơn, Phù Đồng và Đồng Kê.

3. Đề xuất

Dựa vào bảng đánh giá được chuẩn bị bởi Đoàn chuyên gia JICA và Sở Xây dựng, Sóc Sơn, Cầu Diễn và Xuân Sơn có thể được đề xuất là ứng cử viên cho khu xử lý mục tiêu của hoạt động 2.4 và 2.5.

III. So sánh tổng quan các khu liên hợp xử lý CTR

Dựa trên các thông tin sẵn có và các thông tin thu thập từ khảo sát thực tế, đánh giá tổng quan được nêu trong bảng sau:

(Chú thích) DW: Chất thải sinh hoạt, SS: Phân bùn bể tự hoại, HW: Chất thải nguy hại, MW: Chất thải y tế.

| Mô tả các khu xử lý | Sóc Sơn | Xuân Sơn | Phù Đổng | Kiều Kỳ | Cầu Diễn | Đông Ké |
|---|--|---|--|---|---|--|
| Tên khu xử lý | Sóc Sơn | Xuân Sơn | Phù Đổng | Kiều Kỳ | Cầu Diễn | Đông Ké |
| Huyện | Sóc Sơn | Sơn Tây | Gia Lâm | Gia Lâm | Từ Liêm | Chương Mỹ |
| Hiện trạng | Đã có | Đã có | Khu mới | Đã có | Existing | Khu mới |
| Diện tích (ha) | 273 | 73 | 26 | 13 | 4 | 21 |
| Công suất quy hoạch (tng) (Công suất hiện tại) | 7.000 (3.500) | 2500 (200) | 1.200 (0) | 1.000 (80) | 300 (70) | 1.200 (0) |
| Loại chất thải mục tiêu | DW, SS, HW, MW | DW | DW, SS | DW, SS | DW, SS, MW | DW, SS, MW |
| Công nghệ | Compost, Đốt, Chôn lấp | Compost, Đốt, Tái chế, Chôn lấp | Compost, Tái chế Đốt, Chôn lấp | Compost, Tái chế Chôn lấp | Compost, Trạm trung chuyển | Tái chế Đốt, Chôn lấp |
| Cơ quan quản lý | DOC | DOC | DONRE | DONRE | DONRE | DONRE |
| Thời hạn thực hiện | | | | | | |
| Giải phóng mặt bằng | <ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn I gần như đã hoàn thành và đang có kế hoạch tái sử dụng diện tích đất bằng phục hồi bãi chôn lấp hiện tại. Giai đoạn II sẽ sớm được thực hiện và diện tích đất cho giai đoạn này đã được đảm bảo. Giai đoạn III (giai đoạn hoàn thành) đã lên kế hoạch nhưng chưa giải phóng mặt bằng. | Giai đoạn III đang được lên kế hoạch xây dựng vào năm 2016, mặt bằng đã được giải phóng | Chưa có | Không có kế hoạch mở rộng | Không có kế hoạch mở rộng | Chưa có |
| Nghiên cứu tiền khả thi | Chưa có nghiên cứu tiền khả thi cho việc phục hồi diện tích đã chôn lấp ở giai đoạn I | Giai đoạn II đã có Giai đoạn III chưa có | Có thể chưa có | Có thể không cần thiết, do đây là khu có sẵn | Có thể không cần thiết, do đây là khu có sẵn | Có thể chưa có |
| Nghiên cứu khả thi | SXD chưa thỏa thuận với công ty nạo trong nước để chuẩn bị cho việc phục hồi diện tích đã chôn lấp ở giai đoạn I | Giai đoạn II đã có Giai đoạn III chưa có | Có thể chưa có | Một phần FS cần thiết | Một phần FS cần thiết | Có thể chưa có |
| Các khía cạnh xã hội | | | | | | |
| Hiện trạng sử dụng đất | Xử lý chất thải rắn | Xử lý chất thải rắn | Sản xuất nông nghiệp, đất trồng lúa | Xử lý chất thải rắn | Xử lý chất thải rắn | Sản xuất nông nghiệp, đất trồng lúa |
| Tái định cư | Không có | Không có | Có thể không cần thiết | Không có | Không có | Có thể có |
| Sự phản đối của người dân | Không có | Không có | Một số người dân phản đối | Không có | Không có | Có thể có |
| Các khía cạnh môi trường | | | | | | |
| Hiện trạng | Hiện tại có một số tác động tới môi trường do ảnh hưởng bởi hoạt động của khu xử lý. | Hiện tại có một số tác động tới môi trường do ảnh hưởng bởi hoạt động của khu xử lý. | Đây là một cánh đồng lúa màu mỡ | Hiện tại có một số tác động tới môi trường do ảnh hưởng bởi hoạt động của khu xử lý. | Hiện tại có một số tác động tới môi trường do ảnh hưởng bởi hoạt động của khu xử lý. | Khu đất là một vùng nông thôn khá đẹp |
| Các ảnh hưởng nghiêm trọng tiềm tàng | Ảnh hưởng tới các khu vực dân xung quanh | Ảnh hưởng tới các khu vực dân xung quanh | Ảnh hưởng tới các cánh đồng lúa xung quanh | Ảnh hưởng tới các khu vực dân xung quanh | Ảnh hưởng tới các khu vực dân xung quanh | Ảnh hưởng tới nguồn nước phục vụ cho nông nghiệp và các hoạt động khác |
| Các khía cạnh khác | Việc thay đổi vai trò hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan. | Việc thay đổi vai trò hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan. | | Việc thay đổi vai trò hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan. | Việc thay đổi vai trò hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan. | Sở TN-MT rất mong muốn xây dựng khu này. |
| | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước | | Chủ dự án là Gia Lâm URENCO, đơn vị này không phải là đối tác chính thức của Dự án này. | Do Hanoi URENCO quản lý và đơn vị này là một trong những đối tác và nhà tư vấn của JICA thông qua dự án 3R. | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước |

IV. Đánh giá tổng quan

Đánh giá tổng quan đã được thực hiện và kết quả tạm thời là Cầu Diễn được đánh giá cao nhất

| Đánh giá các khu xử lý | | | | | | |
|---|---|---|--|---|--|---|
| 1 Tên khu xử lý | Sóc Sơn | Xuân Sơn | Phù Đổng | Kiều Kỳ | Cầu Diễn | Đông Kê |
| 2 Sự thích hợp với Dự án Quản lý CTR VN | 4 | 4 | 3 | 4 | 4 | 3 |
| Lưu điểm | - Có cơ hội để phân tích một số các công nghệ xử lý - SXD là một trong những đối tác chính | - Có cơ hội để phân tích một số các công nghệ xử lý - SXD là một trong những đối tác chính | Có cơ hội để phân tích một số các công nghệ xử lý | Có cơ hội để phân tích một số các công nghệ xử lý | - Tram trung chuyển là công nghệ duy nhất mà các khu liên hiệp khác không có - Có một số tram trung chuyển được quy hoạch trong Quy hoạch QLCTR Hà Nội. Kinh nghiệm tại đây có thể được áp dụng trong việc phát triển các tram trung chuyển khác. | Có cơ hội để phân tích một số các công nghệ xử lý |
| Nhược điểm | -Khu xử lý bao gồm cả CTR Ngụy hai và Y tế - không nằm trong quy mô của dự án | | | | -Khu xử lý bao gồm cả CTR Y tế - không nằm trong quy mô của dự án | -Khu xử lý bao gồm cả CTR Y tế - không nằm trong quy mô của dự án |
| 3 Thời hạn thực hiện | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| Lưu điểm | - Đất cho Giai đoạn II đã được giải phóng | - Đất cho Giai đoạn II đã được giải phóng | - Không có cơ hội thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo quy hoạch | - Không cần giải phóng mặt bằng - Không có cơ hội thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo quy hoạch | - Không cần giải phóng mặt bằng - Không có cơ hội thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo quy hoạch | - Không có cơ hội thực hiện hỗ trợ kỹ thuật theo quy hoạch |
| Nhược điểm | Phục hồi diện tích 83ha là quá tham vọng vì không có bất kỳ xử lý trung gian nào | Nghiên cứu tiền khả thi đã được thực hiện | - Đất chưa được giải phóng hay xác định rõ ràng | - Hỗ trợ quy hoạch tổng thể (N/C Tiền khả thi, N/C khả thi) là không cần thiết | - Hỗ trợ quy hoạch tổng thể (N/C Tiền khả thi, N/C khả thi) là không cần thiết | - Đất chưa được giải phóng hay xác định rõ ràng |
| 4 Các khía cạnh xã hội | 3 | 3 | 3 | 4 | 4 | 2 |
| Điểm mạnh | - Khu xử lý đã được đưa vào sử dụng từ lâu. Có thể sẽ không có thêm sự phân đối | - Khu xử lý đã được đưa vào sử dụng từ lâu. Có thể sẽ không có thêm sự phân đối | | - Khu xử lý đã được đưa vào sử dụng từ lâu. Có thể sẽ không có thêm sự phân đối | - Khu xử lý đã được đưa vào sử dụng từ lâu. Có thể sẽ không có thêm sự phân đối | |
| Điểm yếu | | | -Đã có sự phân đối từ một số người dân | | | -Có thể có phân đối trong quá trình phát triển |
| 5 Các khía cạnh môi trường | 3 | 3 | 0 | 1 | 4 | 1 |
| Điểm mạnh | | | | | | |
| Điểm yếu | -Đã có một số tác động đến môi trường do khu xử lý hiện tại | -Đã có một số tác động đến môi trường do khu xử lý hiện tại | - Có thể ảnh hưởng tới các cánh đồng lúa xung quanh | -Đã có một số tác động đến môi trường do khu xử lý hiện tại | -Đã có một số tác động đến môi trường do khu xử lý hiện tại | -Có thể ảnh hưởng tới nguồn nước gần đó |
| 6 Các khía cạnh khác | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| Điểm mạnh | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước | | | Do Hamoi URENCO quản lý và đơn vị này là một trong những đối tác và hiệu suất tác của JICA thông qua dự án 3R | Sẽ sử dụng ngân sách nhà nước |
| Điểm yếu | Việc thay đổi và/hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan | Việc thay đổi và/hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan | | Việc thay đổi và/hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan | Việc thay đổi và/hoặc bỏ các cơ sở xử lý hiện tại có thể không được cho phép. Cần tham khảo thêm các luật liên quan | |
| 1 Tên khu xử lý | Sóc Sơn | Xuân Sơn | Phù Đổng | Kiều Kỳ | Cầu Diễn | Đông Kê |
| 2 Sự phù hợp | 4 | 4 | 3 | 4 | 4 | 3 |
| 3 Thời hạn thực hiện | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| 4 Khía cạnh xã hội | 3 | 3 | 3 | 4 | 4 | 2 |
| 5 Khía cạnh môi trường | 3 | 3 | 0 | 1 | 4 | 1 |
| 6 Các khía cạnh khác | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| Tổng điểm | 16 | 16 | 10 | 17 | 19 | 10 |

Phụ lục 10. Lựa chọn địa phương thí điểm – Đầu ra 3

1. Quy trình lựa chọn

Lựa chọn địa phương thí điểm được thực hiện bởi Bộ Xây dựng và Đoàn chuyên gia JICA như sau:

- 1) Xác nhận các tiêu chí lựa chọn trong Biên bản cuộc họp ngày 17/6/2013
- 2) Lập danh sách 10 tỉnh tiềm năng
- 3) Thăm và làm việc thực tế tại những địa phương mà Bộ Xây dựng và Đoàn chuyên gia JICA không có đủ thông tin, nhằm cập nhật những thông tin cần thiết
- 4) Thực hiện so sánh và đánh giá tổng quan 10 địa phương
- 5) Phê duyệt lựa chọn bởi JCC (Đây là một trong các nội dung của buổi họp JCC này)

2. Các tiêu chí lựa chọn cơ bản

Việc lựa chọn tiêu chí đã được đặt ra trong Biên bản cuộc họp ký ngày 17 tháng 6 năm 2013 như sau:

- Là tỉnh chưa có quy hoạch quản lý CTR hoặc đã có quy hoạch quản lý CTR nhưng đến thời kỳ cần điều chỉnh.
- Là tỉnh có ưu tiên cao trong các chính sách của tỉnh và nhu cầu cấp thiết để cải thiện quản lý CTR.
- Là tỉnh có dân số ở mức vừa và nhỏ.
- Là tỉnh có thái độ tích cực và chủ động tham gia vào Dự án.

Cho đến nay hầu hết các tỉnh đã chuẩn bị quy hoạch tổng thể. Nếu xét tiêu chí “chưa có quy hoạch quản lý chất thải rắn” thì phạm vi lựa chọn sẽ hạn chế đáng kể. Do đó, áp dụng tiêu chí “Là tỉnh đã có quy hoạch quản lý chất thải rắn nhưng đến thời kỳ cần điều chỉnh”.

3. Các địa phương tiềm năng

Bộ Xây dựng đã đưa ra danh sách 10 địa phương tiềm năng sau khi cân nhắc các tiêu chí lựa chọn như sau:

| TT | Khu vực | Tỉnh |
|----|--------------------------------------|----------------|
| 1 | Đồng bằng sông Hồng | Bắc Ninh |
| 2 | Đồng bằng sông Hồng | Quảng Ninh |
| 3 | Trung du và vùng núi phía Bắc | Điện Biên |
| 4 | Trung du và vùng núi phía Bắc | Lai Châu |
| 5 | Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | Thừa Thiên Huế |
| 6 | Nam Trung bộ và duyên hải miền Trung | Đà Nẵng |
| 7 | Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | Hà Tĩnh |
| 8 | Nam Trung bộ và duyên hải miền Trung | Khánh Hòa |
| 9 | Tây Nguyên-Trung Bộ | Gia Lai |
| 10 | Tây Nguyên-Trung Bộ | Đắk Lắk |

4. Khảo sát và làm việc tại các địa phương

Bộ Xây dựng và JET đã thực hiện khảo sát 6 địa phương nêu trong bảng sau để cập nhật các thông tin thực tế như: 1) Thực hiện/chuẩn bị Quy hoạch quản lý chất thải rắn, 2) Tính cấp thiết của việc cải thiện tình hình quản lý CTR, và 3) Mức độ sẵn lòng tham gia vào dự án

| Tỉnh | Ngày họp |
|----------------|------------------|
| Bắc Ninh | Thứ 5, ngày 29/5 |
| Đắk Lắk | Thứ 2, ngày 02/6 |
| Gia Lai | Thứ 4, ngày 04/6 |
| Điện Biên | Thứ 5, ngày 05/6 |
| Lai Châu | Thứ 6, ngày 06/6 |
| Thừa Thiên Huế | Thứ 4, ngày 02/7 |

5. So sánh tổng quan

Dựa trên các thông tin sẵn có và các thông tin thu thập được thông qua khảo sát thực địa, so sánh tổng quan được thực hiện như sau:

| TT. | Vùng | Tên tỉnh | Hình thành quy hoạch tổng thể | Các vấn đề môi trường | Chuyên bị các khu liên hợp quân sự chất thải rắn | Dân số (nghìn người) | Sự sẵn lòng tham gia | Khác |
|-----|-------------------------------|------------|--|---|---|----------------------|--|--|
| 1 | Đồng bằng sông Hồng | Bắc Ninh | Đã có kế hoạch quy hoạch tổng thể được chuẩn bị trong tháng 8 này | Bãi chôn lấp rất ô nhiễm nằm ở ngay cửa vào thành phố. | Một số cơ sở xử lý đã được hình thành và vận hành; có một số lò đốt cho chất thải công nghiệp, bãi chôn lấp hợp vệ sinh.... | 1.079 | Rất sẵn sàng tham gia | Có một số làng nghề quy mô lớn ở đây |
| 2 | Đồng bằng sông Hồng | Quảng Ninh | Đã được thành lập năm 2009 nhưng cần được sửa để phù hợp với quy hoạch môi trường tổng thể vừa được thành lập. | Có nhu cầu cấp bách xây dựng các bãi chôn lấp hợp vệ sinh vì các bãi chôn lấp hiện tại đã hầu như đầy. | Tỉnh có kế hoạch giới thiệu các công nghệ quản lý CTR tiên tiến để giảm thiểu khối lượng rác ở các bãi chôn lấp. | 1.177 | Chưa xác định | Có rất nhiều hỗ trợ từ Nhật Bản (việc phối kết hợp cần được xem xét). |
| 3 | Trung du và vùng núi phía Bắc | Điện Biên | Quy hoạch tổng thể đang trong quá trình thực hiện bởi một công ty tư vấn trong nước. Bản dự thảo sẽ sớm được trình ký. | Bãi chôn lấp ở thành phố đang rất ô nhiễm và có trong danh sách của QĐ 1788. Việc phục hồi bãi chôn lấp này rất cấp bách và đã có kế hoạch. | Một nghiên cứu khả thi đã được thực hiện để xây dựng một khu xử lý bao gồm công nghệ làm phân vi sinh, hạt nhựa và lò đốt. | 519 | Rất sẵn sàng. UBND mong muốn nhóm công tác sẽ góp ý cho quy hoạch của tỉnh và hỗ trợ tình trong việc lựa chọn công nghệ cho quản lý CTR. | - |
| 4 | Trung du và vùng núi phía Bắc | Lai Châu | Nhiệm vụ quy hoạch quản lý CTR đang trong quá trình phê duyệt, dự kiến 2015. | Một bãi chôn lấp với quy mô lớn đã được xây dựng và vận hành rất tốt. Việc xây dựng hệ thống xử lý nước rác rất cấp bách. | UBND tỉnh mong muốn xây dựng một lò đốt rác hoặc một nhà máy chế biến phân vi sinh. | 397 | Rất sẵn sàng. UBND Tỉnh cần hỗ trợ về các nhà máy xử lý trung gian. | Năm 2012, một đoàn chuyên gia JICA đã đến tỉnh và đề xuất 1) một trung tâm quan trắc môi trường, 2) một cơ sở xử lý CTR cho Lai Châu |

| TT. | Vùng | Tên tỉnh | Hình thành quy hoạch tổng thể | Các vấn đề môi trường | Chuẩn bị các khu liên hợp quản lý chất thải rắn | Dân số (nghìn người) | Sự sẵn lòng tham gia | Khác |
|-----|--------------------------------------|----------------|---|--|--|----------------------|--|---|
| 5 | Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | Thừa Thiên Huế | Quy hoạch quản lý Chất thải rắn được Phê duyệt năm 2008 với năm mục tiêu là 2010, do đó cần phải điều chỉnh Quy hoạch | Bãi chôn lấp hiện tại sẽ đầy trong vòng 3 đến 5 năm tới. Tỉnh có ý định không mở rộng một khu chôn lấp mới nhưng xây dựng một số cơ sở xử lý trung gian và phục hồi các bãi chôn lấp đã sử dụng. | Một khu liên hợp quản lý CTR đã sẵn sàng để giới thiệu các công nghệ tiên tiến như các lò đốt. | 1.114 | Rất sẵn lòng | và Lao Cai. Các dự án này đã được đề xuất trình lên Thủ tướng để đưa vào danh sách dự án ODA - Thừa Thiên Huế đang đối mặt với những vấn đề và chất thải du lịch, chất thải từ tàu thuyền và chất thải do mura lữ. Cần nhắc giải pháp cho các vấn đề này sẽ hữu ích cho các địa phương khác. |
| 6 | Nam Trung bộ và duyên hải miền Trung | Đà Nẵng | Chưa bắt đầu | Thời gian sử dụng của bãi rác hiện tại chỉ còn 6 năm. | Một nghiên cứu khả thi đang được thực hiện với một số công ty Nhật Bản. | 973 | Chưa xác định | - |
| 7 | Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | Hà Tĩnh | Phê duyệt năm 2008 | Không có thông tin | Không có thông tin | 1.230 | Chưa xác định | - |
| 8 | Nam Trung bộ và duyên hải miền Trung | Khánh Hòa | Phê duyệt năm 2010. Cần được hoàn thiện quy hoạch. | Bãi chôn lấp cũ phải được phục hồi. | Một khu chôn lấp hợp vệ sinh với một ô chôn lấp cho chất thải nguy hại đã được đưa vào | 1.183 | Rất sẵn sàng. UBND Tỉnh mong muốn rà soát lại quy hoạch. | - |

| TT. | Vùng | Tên tỉnh | Hình thành quy hoạch tổng thể | Các vấn đề môi trường | Chuẩn bị các khu liên hợp quản lý chất thải rắn | Dân số (nghìn người) | Sự sẵn lòng tham gia | Khác |
|-----|------------------------|----------|---|---|---|----------------------|---|------|
| 9 | Tây Nguyên Trung Bộ | Gia Lai | Quy hoạch chưa được hình thành. Tốc độ đô thị hóa quá nhanh yêu cầu sớm có quy hoạch. | Không có nhu cầu cấp bách để khởi phục bãi chôn lấp hiện tại | sử dụng. Một lò đốt cho rác thải y tế cũng đã được lên kế hoạch. Giai đoạn 2 của bãi chôn lấp đã được lên kế hoạch với việc xây dựng một lò đốt hoặc nhà máy phân vi sinh. | 1.342 | Rất sẵn sàng. UBND Tỉnh mong muốn nâng cấp hệ thống quản lý CTR bằng việc giới thiệu nhiều công nghệ tiên tiến. | - |
| 10 | Tây Nguyên Trung Bộ | Đắk Lắk | Quy hoạch được hình thành năm 2007 và UBND Tỉnh mong muốn được rà soát lại quy hoạch. | Bãi chôn lấp hiện tại rất ô nhiễm. Nó cần phải được đóng cửa khi một bãi chôn lấp mới đưa vào hoạt động. Tuy nhiên việc xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác đang bị dừng lại bởi thiếu ngân sách. | Mong muốn có các nhà máy xử lý trung gian, tuy nhiên đang gặp khó khăn để tìm kiếm các nhà đầu tư phù hợp. | 1.796 | Rất sẵn sàng. UBND Tỉnh mong muốn mời một số nhà đầu tư cho các cơ sở xử lý trung gian. | - |

6. Đánh giá tổng quan

Đánh giá tổng quan đã được thực hiện và Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng được đánh giá cao nhất

| Tên Tỉnh | Thời hạn để hỗ trợ phát triển quy hoạch tổng thể | Lưu tiền để cải thiện tác động của môi trường | Lưu tiền để giải quyết các vấn đề xã hội trong gian | Quy mô của thị trường | Sự sẵn sàng tham gia của UBND Tỉnh | Hiệu quả cho phát triển năng lực của MOC | Tổng điểm (0-10) | Nhiệm xét | Kết luận |
|------------------|--|---|---|-----------------------|------------------------------------|--|------------------|--|------------------|
| 1 Bắc Ninh | 1 | 3 | 1 | 3 | 3 | 1 | 5.0 | Quy hoạch tổng thể đang được hoàn thành liên hành | Không đề xuất |
| 2 Quảng Ninh | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 8.3 | Chính sách đã được quyết định trong chương trình môi trường | Không đề xuất |
| 3 Điện Biên | 1 | 3 | 2 | 1 | 3 | 1 | 4.2 | Quy hoạch tổng thể đang được hoàn thành liên hành và quy mô quá bé để phát triển năng lực của MOC. | Không đề xuất |
| 4 Lai Châu | 3 | 1 | 2 | 1 | 3 | 1 | 4.2 | Việc xây dựng các cơ sở xử lý đang được tiến hành và quy mô quá bé để phát triển năng lực của MOC. | Không đề xuất |
| 5 Thừa Thiên Huế | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 9.2 | Việc xây dựng các khu liên hợp quản lý chất thải rắn có thể được thảo luận song song với việc đánh giá lại quy hoạch tổng thể. | Đề xuất |
| 6 Đà Nẵng | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 9.2 | Việc xây dựng các khu liên hợp quản lý chất thải rắn có thể được thảo luận song song với việc đánh giá lại quy hoạch tổng thể. | Đề xuất |
| 7 Hà Tĩnh | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 6.7 | Cần phải được khảo sát | - |
| 8 Khánh Hòa | 3 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 8.3 | Làm thế nào để vận hành bãi chôn lấp mới có thể là một công cụ đào tạo hiệu quả cho nhóm công tác. | Có thể chọn được |
| 9 Gia Lai | 2 | 1 | 2 | 3 | 3 | 2 | 5.6 | Chưa có sự chuẩn bị cho quy hoạch tổng thể liên hành và việc xây dựng cơ sở xử lý đang được tiến hành. | Không đề xuất |
| 10 Đắk Lắk | 3 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 8.3 | Quy hoạch tổng thể phải được xem xét lại. | Có thể chọn được |

| Có nhu cầu triển khai hoặc sửa đổi | Rất cần thiết BKH chôn lấp hiện tại để giảm thiểu tác động môi trường | UBND Tỉnh cấp ưu tiên để giải quyết các vấn đề xã hội | Mức hoặc trung bình (0.6 triệu - 3 triệu) | Rất sẵn sàng | Rất hiệu quả |
|------------------------------------|---|---|--|------------------------------------|------------------------------------|
| Giữa mức 3 và 2 (hoặc chưa rõ) | Giữa mức 3 và mức 1 (hoặc chưa rõ) | Giữa mức 3 và mức 1 (hoặc chưa rõ) | - | Giữa mức 3 và mức 1 (hoặc chưa rõ) | Giữa mức 3 và mức 1 (hoặc chưa rõ) |
| Chỉ mới hình thành | BKH chôn lấp hiện tại đang vận hành tốt hoặc vận hành chưa tốt | Đã và đang thực hiện | Quá lớn hơn 3 triệu hoặc quá nhỏ (nhỏ hơn 0.6 triệu) | Không sẵn sàng | Chưa mấy hiệu quả |

7. Lựa chọn được thông qua với JCC

Vào ngày 09 tháng 6, Bộ Xây dựng và JET đã có một buổi họp để thảo luận về các lựa chọn. Cân nhắc một số yếu tố, như sự cần thiết phải điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn, năng lực của cơ quan chức năng, quy mô và các đặc điểm của địa phương, Bộ Xây dựng đã lựa chọn tỉnh Thừa Thiên Huế là ứng cử viên phù hợp nhất cho mục đích này.

Kết quả là, việc thông qua tỉnh Thừa Thiên Huế là địa phương thí điểm được đưa vào là một trong những nội dung của buổi họp JCC này.

Phụ lục 11. Kế hoạch tập huấn dự kiến tại Nhật Bản

Hai khóa tập huấn/ thăm quan học tập tại Nhật Bản sẽ được lên kế hoạch hàng năm như bảng dưới đây. Mục đích nhằm:

- Hiểu về cơ chế, chính sách tổng quan tại Nhật Bản (để thảo luận những chính sách có thể áp dụng tại Việt Nam)
- Đề chia sẻ về hệ thống quản lý CTR sinh hoạt tại Nhật Bản (để thảo luận giải pháp cải thiện hệ thống quản lý CTR tại Việt Nam)
- Đề chia sẻ về hệ thống các khu liên hợp xử lý CTR tại Nhật Bản (để thảo luận hình thức những khu xử lý CTR nào có thể được áp dụng tại Việt Nam)
- Đề hiểu về cách thức điều phối các hoạt động QLCTR liên vùng tại Nhật Bản (để thảo luận về các khu liên hiệp xử lý CTR vùng liên tỉnh tại Việt Nam (chỉ dành cho khóa tập huấn 2 tuần))
- Đề hiểu rõ về các yếu tố quan trọng đối với việc chế biến phân hữu cơ (để thảo luận cách thức cải thiện các công nghệ chế biến phân hữu cơ tại Việt Nam (chỉ dành cho khóa tập huấn 2 tuần))
- Đề hiểu rõ về cách thức quản lý của chính quyền địa phương đối với các công ty tư nhân về QLCTR (để thảo luận về chính sách xã hội hóa tại Việt Nam (chỉ dành cho khóa tập huấn 2 tuần))

| Ngày | | | Sáng | Chiều |
|----------|------|-------|--|--|
| Ngày 1-2 | 1/11 | Thứ 7 | Di chuyển (Hanoi→Tokyo) | |
| Ngày 3 | 3/11 | Thứ 2 | Giới thiệu chung bởi JICA | Hướng dẫn bởi JET |
| Ngày 4 | 4/11 | Thứ 3 | Bài giảng của Bộ Môi trường | |
| Ngày 5 | 5/11 | Thứ 4 | Bài giảng của Bộ Kinh tế và Công thương | Bài giảng của Bộ Đất đai, Hạ Tầng, Giao thông và Du lịch |
| Ngày 6 | 6/11 | Thứ 5 | Thăm Khu liên hợp nhà máy tái chế tài nguyên SAI no KUNI | Chính quyền tỉnh Saitama |
| Ngày 7 | 7/11 | Thứ 6 | Văn phòng chính quyền thành phố Chuo-ku | Thuyết trình |
| Ngày 8 | 8/11 | Thứ 7 | Di chuyển (Tokyo→Hanoi) | |

Khóa tập huấn 2 tuần

Thành viên BXD 5, SXD Hà Nội 3, URENCO HN 2, Các bộ khác 2

| Ngày | | | Sáng | Chiều |
|----------|----------|-------|--|--|
| Ngày 1,2 | 15/11/14 | Thứ 7 | Di chuyển (Hanoi→Tokyo) | |
| Ngày 3 | 17/11/14 | Thứ 2 | Giới thiệu chung bởi JICA | Hướng dẫn bởi JET |
| Ngày 4 | 18/11/14 | Thứ 3 | Bài giảng của Bộ Môi trường | |
| Ngày 5 | 19/11/14 | Thứ 4 | Bài giảng của Bộ Kinh tế và Công thương | Bài giảng của Bộ Đất đai, Hạ Tầng, Giao thông và Du lịch |
| Ngày 6 | 20/11/14 | Thứ 5 | Hiệp hội vệ sinh Tokyo 23 | Thăm các cơ sở xử lý tại Tokyo |
| Ngày 7 | 21/11/14 | Thứ 6 | Thăm Khu liên hợp nhà máy tái chế tài nguyên SAI no KUNI | Chính quyền tỉnh Saitama |
| Ngày 8 | 22/11/14 | Thứ 7 | - | |
| Ngày 9 | 23/11/14 | - | - | |
| Ngày 10 | 24/11/14 | Thứ 2 | Văn phòng chính quyền thành phố Chuo-ku | Thăm trung tâm vệ sinh tại thành phố Hino, Tokyo |
| Ngày 11 | 25/11/14 | Thứ 3 | Nhà máy tái chế chất thải hữu cơ tại Tokyo | Cơ sở chế biến phân hữu cơ gần Tokyo |
| Ngày 12 | 26/11/14 | Thứ 4 | Công ty Xi măng Chichibu Taiheiyo | Thành phố Hidaka |
| Ngày 13 | 27/11/14 | Thứ 5 | Thăm công ty Ichikawa Kankyo Engineering | TAKEEI Co.,Ltd |
| Ngày 14 | 28/11/14 | Thứ 6 | Cán bộ tham gia khóa tập huấn thuyết trình | Cán bộ tham gia khóa tập huấn thuyết trình |
| Ngày 15 | 29/11/14 | Thứ 7 | Di chuyển (Tokyo→Hanoi) | |